

NGÂN HÀNG NHÀ NƯỚC
VIỆT NAM

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 34 /2026/TT-NHNN

Hà Nội, ngày 30 tháng 6 năm 2026

THÔNG TƯ

Hướng dẫn về quản lý ngoại hối đối với hoạt động đầu tư ra nước ngoài

Căn cứ Luật Ngân hàng Nhà nước Việt Nam số 46/2010/QH12;

Căn cứ Luật Các tổ chức tín dụng số 32/2024/QH15 được sửa đổi, bổ sung bởi Luật số 96/2025/QH15;

Căn cứ Luật Đầu tư số 143/2025/QH15;

Căn cứ Pháp lệnh Ngoại hối số 28/2005/PL-UBTVQH11 được sửa đổi, bổ sung bởi Pháp lệnh số 06/2013/UBTVQH13;

Căn cứ Nghị định số 70/2014/NĐ-CP của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Pháp lệnh Ngoại hối và Pháp lệnh sửa đổi, bổ sung một số điều của Pháp lệnh Ngoại hối;

Căn cứ Nghị định số 103/2026/NĐ-CP của Chính phủ quy định về đầu tư ra nước ngoài;

Căn cứ Nghị định số 26/2025/NĐ-CP của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 198/2026/NĐ-CP;

Theo đề nghị của Cục trưởng Cục Quản lý Ngoại hối;

Thống đốc Ngân hàng Nhà nước Việt Nam ban hành Thông tư hướng dẫn về quản lý ngoại hối đối với hoạt động đầu tư ra nước ngoài.

Chương I

QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

1. Thông tư này hướng dẫn về quản lý ngoại hối đối với hoạt động đầu tư ra nước ngoài, bao gồm:

a) Chuyển tiền ra nước ngoài trước khi được cấp Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư ra nước ngoài (đối với dự án thuộc diện cấp Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư ra nước ngoài) hoặc trước khi được cấp văn bản xác nhận đăng ký giao dịch

ngoại hối liên quan đến hoạt động đầu tư ra nước ngoài (đối với dự án không thuộc diện cấp Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư ra nước ngoài) để đáp ứng các chi phí cho hoạt động hình thành dự án đầu tư ở nước ngoài theo quy định tại khoản 3 Điều 32 Nghị định số 103/2026/NĐ-CP quy định về đầu tư ra nước ngoài;

b) Mở, sử dụng tài khoản trước đầu tư để đáp ứng các chi phí cho hoạt động hình thành dự án đầu tư ở nước ngoài, tài khoản vốn đầu tư ra nước ngoài để thực hiện đầu tư ra nước ngoài;

c) Đăng ký giao dịch ngoại hối liên quan đến hoạt động đầu tư ra nước ngoài;

d) Chuyển vốn đầu tư bằng tiền ra nước ngoài; chuyển vốn, lợi nhuận, khoản thu hợp pháp bằng tiền ở nước ngoài về Việt Nam;

đ) Các hoạt động ngoại hối khác liên quan đến hoạt động đầu tư ra nước ngoài.

2. Hoạt động quản lý ngoại hối đối với các hình thức đầu tư ra nước ngoài quy định tại khoản 2 Điều 1 Nghị định số 103/2026/NĐ-CP không thuộc phạm vi điều chỉnh của Thông tư này.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

1. Nhà đầu tư quy định tại Điều 5 Nghị định số 103/2026/NĐ-CP.

2. Các tổ chức, cá nhân khác có liên quan đến hoạt động đầu tư ra nước ngoài.

Điều 3. Giải thích từ ngữ

Trong Thông tư này, các từ ngữ dưới đây được hiểu như sau:

1. Cơ quan có thẩm quyền xác nhận đăng ký giao dịch ngoại hối liên quan đến hoạt động đầu tư ra nước ngoài là Ngân hàng Nhà nước Việt Nam (sau đây gọi là Ngân hàng Nhà nước) và Ngân hàng Nhà nước Khu vực theo quy định tại khoản 1 và khoản 2 Điều 12 Thông tư này.

2. Ngân hàng được phép là ngân hàng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài được phép kinh doanh, cung ứng dịch vụ ngoại hối tại Việt Nam.

3. Đăng ký giao dịch ngoại hối liên quan đến hoạt động đầu tư ra nước ngoài quy định tại khoản 7 Điều 3 Nghị định số 103/2026/NĐ-CP đối với mỗi dự án đầu tư là việc nhà đầu tư thực hiện:

a) Đăng ký giao dịch ngoại hối lần đầu với Ngân hàng Nhà nước hoặc Ngân hàng Nhà nước Khu vực theo quy định tại Thông tư này về các thông tin liên quan đến: nhà đầu tư, dự án đầu tư, quốc gia đầu tư, tài khoản vốn đầu tư mở tại ngân hàng được phép, vốn đầu tư bằng tiền và tiến độ chuyển vốn đầu tư bằng tiền ra nước ngoài. Trường hợp dự án không phát sinh chuyển vốn đầu tư bằng tiền ra nước ngoài, nhà đầu tư không đăng ký nội dung về vốn đầu tư bằng tiền và tiến độ chuyển vốn đầu tư bằng tiền ra nước ngoài;

b) Đăng ký thay đổi giao dịch ngoại hối với Ngân hàng Nhà nước hoặc Ngân

hàng Nhà nước Khu vực áp dụng đối với các trường hợp quy định tại Điều 16 Thông tư này.

4. Xác nhận đăng ký giao dịch ngoại hối liên quan đến hoạt động đầu tư ra nước ngoài (sau đây gọi là xác nhận đăng ký giao dịch ngoại hối) là việc Ngân hàng Nhà nước hoặc Ngân hàng Nhà nước Khu vực có:

a) Văn bản xác nhận đăng ký giao dịch ngoại hối lần đầu cho nhà đầu tư, trong đó ghi thông tin liên quan đến nhà đầu tư, dự án đầu tư, quốc gia đầu tư và xác nhận về tài khoản vốn đầu tư mở tại ngân hàng được phép, vốn đầu tư bằng tiền chuyển ra nước ngoài và tiến độ chuyển vốn đầu tư bằng tiền theo mẫu tại Phụ lục số 08 và Phụ lục số 11 ban hành kèm Thông tư này. Đối với dự án không phát sinh chuyển vốn đầu tư bằng tiền ra nước ngoài, văn bản xác nhận đăng ký giao dịch ngoại hối chỉ xác nhận nội dung về tài khoản vốn đầu tư mở tại ngân hàng được phép;

b) Văn bản xác nhận đăng ký thay đổi giao dịch ngoại hối xác nhận việc thay đổi các nội dung quy định tại Điều 16 Thông tư này theo mẫu tại Phụ lục số 09 và Phụ lục số 12 ban hành kèm theo Thông tư này.

5. Chuyển tiền ra nước ngoài trước đầu tư là việc nhà đầu tư chuyển tiền ra nước ngoài trước khi được cấp Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư ra nước ngoài (đối với dự án thuộc diện cấp Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư ra nước ngoài) hoặc trước khi được xác nhận đăng ký giao dịch ngoại hối lần đầu liên quan đến hoạt động đầu tư ra nước ngoài (đối với dự án không thuộc diện cấp Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư ra nước ngoài) để đáp ứng các chi phí cho hoạt động hình thành dự án đầu tư ở nước ngoài theo quy định tại khoản 3 Điều 32 Nghị định số 103/2026/NĐ-CP.

6. Tài khoản trước đầu tư là tài khoản thanh toán của nhà đầu tư mở tại 01 ngân hàng được phép theo từng dự án đầu tư để thực hiện các giao dịch thu, chi liên quan đến hoạt động hình thành dự án đầu tư ở nước ngoài theo quy định tại Thông tư này.

7. Tài khoản vốn đầu tư ra nước ngoài là tài khoản thanh toán của nhà đầu tư mở tại 01 ngân hàng được phép theo từng dự án đầu tư để thực hiện các giao dịch thu, chi liên quan đến hoạt động đầu tư ra nước ngoài của nhà đầu tư theo quy định tại Thông tư này (sau đây gọi là tài khoản vốn đầu tư).

Điều 4. Đồng tiền sử dụng để chuyển tiền ra nước ngoài

1. Đồng tiền sử dụng để chuyển tiền trước đầu tư, chuyển vốn đầu tư ra nước ngoài bao gồm:

a) Ngoại tệ;

b) Đồng Việt Nam trong trường hợp chuyển tiền trước đầu tư, chuyển vốn đầu tư sang quốc gia, vùng lãnh thổ tiếp nhận đầu tư mà Việt Nam và quốc gia, vùng lãnh thổ đó có ký kết thỏa thuận, hiệp định song phương, đa phương quy định về việc cho phép sử dụng đồng Việt Nam trong các giao dịch thanh toán, chuyển

tiền.

2. Vốn đầu tư ra nước ngoài bằng tiền tại hồ sơ đăng ký giao dịch ngoại hối và văn bản xác nhận đăng ký giao dịch ngoại hối được xác định bằng đồng Việt Nam hoặc một loại ngoại tệ (sau đây gọi là đồng tiền vốn đầu tư) như sau:

a) Đối với dự án thuộc diện cấp Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư ra nước ngoài, đồng tiền vốn đầu tư là đồng tiền ghi nhận vốn đầu tư ra nước ngoài bằng tiền tại Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư ra nước ngoài;

b) Đối với dự án không thuộc diện cấp Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư ra nước ngoài, đồng tiền vốn đầu tư là một loại đồng tiền do nhà đầu tư đăng ký.

3. Đồng tiền vốn đầu tư đã đăng ký tại văn bản Đăng ký giao dịch ngoại hối lần đầu phải được nhà đầu tư sử dụng để đăng ký tại văn bản Đăng ký thay đổi giao dịch ngoại hối (nếu có).

4. Đồng tiền vốn đầu tư là cơ sở để nhà đầu tư, ngân hàng được phép xác định, theo dõi số vốn đầu tư ra nước ngoài bằng tiền và tiến độ chuyển vốn đầu tư ra nước ngoài bằng tiền theo quy định tại Thông tư này.

Điều 5. Tỷ giá quy đổi

1. Vốn đầu tư chuyển ra nước ngoài bằng ngoại tệ quy đổi sang đồng Việt Nam tại văn bản Đăng ký giao dịch ngoại hối lần đầu hoặc văn bản Đăng ký thay đổi giao dịch ngoại hối được tính theo tỷ giá bán chuyển khoản ngoại tệ niêm yết trên website của ngân hàng được phép nơi nhà đầu tư mở tài khoản vốn đầu tư tại thời điểm nhà đầu tư lập văn bản Đăng ký giao dịch ngoại hối.

2. Tỷ giá áp dụng để quy đổi vốn đầu tư ra nước ngoài bằng ngoại tệ sang đồng Việt Nam nhằm xác định dự án đầu tư ra nước ngoài thuộc trường hợp quy định tại khoản 1 Điều 18 Nghị định số 103/2026/NĐ-CP là tỷ giá bán chuyển khoản ngoại tệ niêm yết trên website của ngân hàng được phép nơi nhà đầu tư mở tài khoản vốn đầu tư tại thời điểm nhà đầu tư lập văn bản Đăng ký giao dịch ngoại hối.

3. Tỷ giá quy đổi giữa đồng tiền vốn đầu tư và đồng tiền khác trong trường hợp nhà đầu tư chuyển vốn đầu tư ra nước ngoài bằng loại đồng tiền khác với đồng tiền vốn đầu tư là tỷ giá do ngân hàng được phép nơi mở tài khoản vốn đầu tư áp dụng tại thời điểm nhà đầu tư thực hiện giao dịch chuyển tiền. Tổng giá trị lũy kế của số tiền đã chuyển ra nước ngoài và số tiền dự kiến chuyển ra nước ngoài trong kỳ không được vượt quá hạn mức chuyển vốn đầu tư lũy kế bằng đồng tiền vốn đầu tư theo tiến độ chuyển vốn đã được xác nhận tại văn bản xác nhận đăng ký giao dịch ngoại hối tính đến thời điểm thực hiện giao dịch chuyển tiền trong kỳ.

4. Tỷ giá quy đổi giữa đồng tiền khác và đồng Đô la Mỹ, giữa đồng tiền khác và đồng tiền vốn đầu tư trong trường hợp nhà đầu tư chuyển tiền ra nước ngoài trước đầu tư bằng đồng tiền khác với đồng Đô la Mỹ hoặc với đồng tiền vốn đầu tư là tỷ giá do ngân hàng được phép nơi mở tài khoản trước đầu tư áp dụng tại thời điểm nhà đầu tư thực hiện giao dịch chuyển tiền.

5. Tỷ giá quy đổi giữa đồng tiền khác và đồng Đô la Mỹ để thực hiện chế độ báo cáo thống kê đối với dự án phát sinh số liệu chuyển tiền kể từ thời điểm Thông tư này có hiệu lực là tỷ giá hạch toán ngoại tệ theo thông báo của Bộ Tài chính (Kho bạc Nhà nước) áp dụng tại thời điểm báo cáo.

Chương II

QUẢN LÝ NGOẠI HỐI ĐỐI VỚI CHUYỂN TIỀN RA NƯỚC NGOÀI TRƯỚC ĐẦU TƯ

Điều 6. Nguyên tắc chuyển tiền ra nước ngoài trước đầu tư

1. Nhà đầu tư thực hiện chuyển tiền ra nước ngoài trước đầu tư để đáp ứng các chi phí cho hoạt động hình thành dự án đầu tư theo quy định tại khoản 3 Điều 32 Nghị định số 103/2026/NĐ-CP thông qua tài khoản trước đầu tư bằng đồng Việt Nam (đáp ứng quy định tại điểm b khoản 1 Điều 4 Thông tư này) và/hoặc bằng ngoại tệ mở tại cùng 01 ngân hàng được phép. Trường hợp tài khoản trước đầu tư bằng ngoại tệ, nhà đầu tư được mở 01 tài khoản trước đầu tư tương ứng với mỗi loại ngoại tệ tại cùng 01 ngân hàng được phép.

Mọi giao dịch thu, chi liên quan đến chuyển tiền ra nước ngoài trước đầu tư phải thực hiện thông qua tài khoản trước đầu tư theo quy định tại Điều 7 và Điều 8 Thông tư này.

2. Nhà đầu tư phải mở tài khoản trước đầu tư riêng biệt tại ngân hàng được phép cho mỗi dự án đầu tư ra nước ngoài.

Trường hợp một dự án đầu tư ra nước ngoài có nhiều nhà đầu tư tham gia, mỗi nhà đầu tư phải mở tài khoản trước đầu tư riêng biệt tại cùng 01 ngân hàng được phép để thực hiện các giao dịch liên quan.

3. Khi có nhu cầu thay đổi ngân hàng được phép nơi mở tài khoản trước đầu tư, nhà đầu tư thực hiện theo nguyên tắc sau:

a) Mở tài khoản trước đầu tư mới tại 01 ngân hàng được phép khác;

b) Trong thời hạn 10 ngày làm việc kể từ ngày mở tài khoản trước đầu tư mới, nhà đầu tư thực hiện chuyển số dư trên tài khoản trước đầu tư đã mở sang tài khoản trước đầu tư mới và đóng tài khoản trước đầu tư đã mở.

Nhà đầu tư cung cấp văn bản xác nhận của ngân hàng được phép về việc đóng tài khoản trước đầu tư đã mở trước đây và tình hình giao dịch ngoại hối phát sinh trên tài khoản trước đầu tư đến thời điểm đóng tài khoản cho ngân hàng được phép nơi mở tài khoản mới;

c) Nhà đầu tư chỉ được sử dụng tài khoản trước đầu tư cho các giao dịch thu, chi theo quy định tại Điều 7, Điều 8 Thông tư này sau khi đã hoàn tất việc đóng tài khoản trước đầu tư đã mở, trừ giao dịch thu từ việc nhận số dư trên tài khoản trước đầu tư đã mở trước đây chuyển sang.

4. Hạn mức chuyển tiền trước đầu tư thực hiện theo quy định tại khoản 5 Điều 32 Nghị định số 103/2026/NĐ-CP:

a) Trường hợp dự án có 01 nhà đầu tư tham gia, tổng giá trị các khoản tiền chuyển ra nước ngoài trước đầu tư không được vượt quá hạn mức chuyển tiền trước đầu tư, trừ trường hợp Chính phủ có quy định khác;

b) Trường hợp dự án có nhiều nhà đầu tư tham gia, tổng số tiền chuyển ra nước ngoài trước đầu tư của các nhà đầu tư không được vượt quá hạn mức chuyển tiền trước đầu tư, trừ trường hợp Chính phủ có quy định khác.

5. Tổng số tiền chuyển ra nước ngoài trước đầu tư và số vốn đầu tư đăng ký chuyển ra nước ngoài bằng tiền của mỗi nhà đầu tư không vượt quá tổng số vốn đầu tư bằng tiền của nhà đầu tư đó được ghi trên Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư ra nước ngoài (đối với dự án thuộc diện cấp Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư ra nước ngoài) hoặc được ghi tại văn bản xác nhận đăng ký giao dịch ngoại hối lần đầu (đối với dự án không thuộc diện cấp Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư ra nước ngoài).

6. Trường hợp không hình thành dự án đầu tư ở nước ngoài hoặc không được cấp Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư ra nước ngoài (đối với dự án thuộc diện cấp Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư ra nước ngoài) hoặc không được cấp văn bản xác nhận đăng ký giao dịch ngoại hối liên quan đến hoạt động đầu tư ra nước ngoài (đối với dự án không thuộc diện cấp Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư ra nước ngoài), trong thời hạn 60 ngày làm việc kể từ ngày nhận được văn bản từ chối cấp phép của cơ quan có thẩm quyền của nước tiếp nhận đầu tư hoặc của Việt Nam, nhà đầu tư chuyển về Việt Nam số tiền đã chuyển ra nước ngoài trước đầu tư chưa sử dụng hết (nếu có) hoặc được bên nước ngoài hoàn lại các khoản chi phí cho hoạt động hình thành dự án đầu tư ở nước ngoài thông qua tài khoản trước đầu tư. Nhà đầu tư phải đóng tài khoản trước đầu tư đã mở sau khi chuyển hết số dư trên tài khoản sang tài khoản thanh toán của nhà đầu tư.

7. Nhà đầu tư phải sử dụng tài khoản trước đầu tư quy định tại Điều này làm tài khoản vốn đầu tư, trường hợp có nhu cầu mở thêm tài khoản vốn đầu tư bằng đồng tiền khác, nhà đầu tư phải mở tài khoản vốn đầu tư tại cùng 01 ngân hàng được phép nơi mở tài khoản trước đầu tư lần gần nhất và phải thực hiện đăng ký giao dịch ngoại hối lần đầu theo quy định tại Thông tư này.

Điều 7. Các giao dịch thu, chi trên tài khoản trước đầu tư bằng ngoại tệ

1. Thu:

a) Thu ngoại tệ từ tài khoản thanh toán của nhà đầu tư mở tại ngân hàng được phép;

b) Thu ngoại tệ mua từ ngân hàng được phép phù hợp với quy định của pháp luật;

c) Thu ngoại tệ từ việc chuyển số dư trên tài khoản trước đầu tư đã mở trước đây (bao gồm chuyển đổi từ loại ngoại tệ khác) trong trường hợp thay đổi ngân hàng được phép mở tài khoản trước đầu tư;

d) Thu ngoại tệ (bao gồm chuyển đổi từ loại ngoại tệ khác) chuyển từ nước ngoài về Việt Nam trong trường hợp nhà đầu tư không sử dụng hết số tiền chuyển ra nước ngoài trước đầu tư hoặc được bên nước ngoài hoàn lại các khoản chi phí cho hoạt động hình thành dự án đầu tư ở nước ngoài quy định tại khoản 6 Điều 6 Thông tư này;

đ) Thu lãi từ số dư trên tài khoản theo quy định của pháp luật.

2. Chi:

a) Chi chuyển ngoại tệ ra nước ngoài cho các mục đích trước đầu tư quy định tại khoản 3 Điều 32 Nghị định số 103/2026/NĐ-CP;

b) Chi bán ngoại tệ cho ngân hàng được phép phù hợp với quy định của pháp luật;

c) Chi chuyển vào tài khoản thanh toán bằng ngoại tệ của nhà đầu tư trong trường hợp không tiếp tục thực hiện dự án hoặc được bên nước ngoài hoàn trả số tiền không sử dụng hết theo quy định tại khoản 6 Điều 6 Thông tư này;

d) Chi chuyển số dư ngoại tệ (bao gồm chuyển đổi từ loại ngoại tệ khác) sang tài khoản trước đầu tư mới trong trường hợp thay đổi ngân hàng được phép mở tài khoản trước đầu tư;

đ) Chi trả phí dịch vụ liên quan đến việc quản lý và sử dụng tài khoản theo quy định của ngân hàng được phép.

Điều 8. Các giao dịch thu, chi trên tài khoản trước đầu tư bằng đồng Việt Nam

1. Thu:

a) Thu đồng Việt Nam từ tài khoản thanh toán của nhà đầu tư mở tại ngân hàng được phép;

b) Thu từ việc chuyển số dư trên tài khoản trước đầu tư bằng đồng Việt Nam đã mở trước đây trong trường hợp thay đổi ngân hàng được phép mở tài khoản trước đầu tư;

c) Thu đồng Việt Nam từ nước ngoài chuyển về Việt Nam trong trường hợp nhà đầu tư không sử dụng hết số tiền chuyển ra nước ngoài trước đầu tư hoặc được bên nước ngoài hoàn lại các khoản chi phí cho hoạt động hình thành dự án đầu tư ở nước ngoài quy định tại khoản 6 Điều 6 Thông tư này;

d) Thu đồng Việt Nam từ việc bán ngoại tệ từ nước ngoài chuyển về Việt Nam;

đ) Thu lãi từ số dư trên tài khoản theo quy định của pháp luật.

2. Chi:

- a) Chi chuyển khoản đồng Việt Nam ra nước ngoài cho các mục đích trước đầu tư quy định tại khoản 3 Điều 32 Nghị định số 103/2026/NĐ-CP;
- b) Chi chuyển vào tài khoản thanh toán bằng đồng Việt Nam của nhà đầu tư mở tại ngân hàng được phép;
- c) Chi chuyển số dư sang tài khoản trước đầu tư bằng đồng Việt Nam trong trường hợp thay đổi ngân hàng được phép mở tài khoản trước đầu tư;
- d) Chi trả phí dịch vụ liên quan đến việc quản lý sử dụng tài khoản theo quy định của ngân hàng được phép.

Chương III

MỞ VÀ SỬ DỤNG TÀI KHOẢN VỐN ĐẦU TƯ

Điều 9. Nguyên tắc mở và sử dụng tài khoản vốn đầu tư

1. Sau khi được cấp Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư ra nước ngoài (đối với dự án thuộc diện cấp Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư ra nước ngoài) hoặc sau khi được cấp mã số khai hồ sơ tự động trên Hệ thống thông tin quốc gia về đầu tư (đối với dự án không thuộc diện cấp Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư ra nước ngoài), nhà đầu tư phải mở tài khoản vốn đầu tư tại 01 ngân hàng được phép và phải đăng ký giao dịch ngoại hối với Ngân hàng Nhà nước hoặc Ngân hàng Nhà nước Khu vực theo thẩm quyền quy định tại Điều 12 Thông tư này. Mọi giao dịch thu, chi liên quan đến hoạt động đầu tư ra nước ngoài phải thực hiện thông qua tài khoản vốn đầu tư theo quy định tại Điều 10 và Điều 11 Thông tư này.

Trường hợp đã mở tài khoản trước đầu tư, nhà đầu tư phải tuân thủ quy định tại khoản 7 Điều 6 Thông tư này.

2. Nhà đầu tư được mở 01 tài khoản vốn đầu tư bằng đồng Việt Nam và/hoặc tài khoản vốn đầu tư bằng ngoại tệ tại cùng 01 ngân hàng được phép cho mỗi dự án đầu tư ra nước ngoài để chuyển vốn đầu tư bằng tiền ra nước ngoài. Trường hợp tài khoản vốn đầu tư bằng ngoại tệ, nhà đầu tư được mở 01 tài khoản vốn đầu tư tương ứng với từng loại ngoại tệ phù hợp với nhu cầu chuyển vốn đầu tư tại cùng 01 ngân hàng được phép.

3. Trường hợp một dự án đầu tư ra nước ngoài có nhiều nhà đầu tư cùng tham gia, mỗi nhà đầu tư phải mở tài khoản vốn đầu tư riêng biệt để chuyển vốn đầu tư bằng tiền ra nước ngoài trong phạm vi tổng vốn đầu tư và tỷ lệ phần vốn góp đăng ký tại Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư ra nước ngoài và/hoặc văn bản xác nhận đăng ký giao dịch ngoại hối.

4. Trường hợp có sự thay đổi nhà đầu tư thực hiện dự án đầu tư ra nước ngoài do chuyển nhượng dự án đầu tư ở nước ngoài cho nhà đầu tư trong nước, nhà đầu tư nhận chuyển nhượng dự án phải mở tài khoản vốn đầu tư mới tại 01 ngân hàng

được phép để thực hiện các giao dịch thu, chi liên quan đến hoạt động đầu tư ra nước ngoài.

5. Nhà đầu tư khi có nhu cầu thay đổi ngân hàng được phép nơi mở tài khoản vốn đầu tư (gồm cả thay đổi tài khoản bằng loại ngoại tệ khác) phải thực hiện theo nguyên tắc sau:

- a) Mở tài khoản vốn đầu tư mới tại 01 ngân hàng được phép khác;
 - b) Đăng ký thay đổi giao dịch ngoại hối liên quan đến hoạt động đầu tư ra nước ngoài với Ngân hàng Nhà nước hoặc Ngân hàng Nhà nước Khu vực;
 - c) Trong thời hạn 10 ngày làm việc kể từ thời điểm được Ngân hàng Nhà nước hoặc Ngân hàng Nhà nước Khu vực xác nhận đăng ký thay đổi giao dịch ngoại hối, nhà đầu tư thực hiện chuyển số dư trên tài khoản vốn đầu tư đã mở trước đây (bao gồm chuyển đổi loại ngoại tệ nếu có) sang tài khoản vốn đầu tư mới mở và đóng tài khoản vốn đầu tư đã mở trước đây.
- Nhà đầu tư cung cấp văn bản xác nhận của ngân hàng được phép về việc đóng tài khoản vốn đầu tư đã mở và tình hình giao dịch ngoại hối phát sinh trên tài khoản vốn đầu tư đó đến thời điểm đóng tài khoản cho ngân hàng được phép nơi mở tài khoản vốn đầu tư mới;
- d) Nhà đầu tư chỉ được sử dụng tài khoản vốn đầu tư mới để thực hiện các giao dịch thu, chi quy định tại Điều 10 và Điều 11 Thông tư này sau khi đã hoàn tất các thủ tục tại điểm a, b và c khoản này, trừ giao dịch thu từ việc nhận số dư trên tài khoản vốn đầu tư đã mở chuyển sang.

6. Nhà đầu tư khi có nhu cầu mở thêm hoặc thay đổi tài khoản vốn đầu tư bằng loại ngoại tệ khác tại cùng 01 ngân hàng được phép phải thực hiện theo nguyên tắc sau:

- a) Mở tài khoản vốn đầu tư mới tại cùng 01 ngân hàng được phép;
- b) Đăng ký thay đổi giao dịch ngoại hối liên quan đến hoạt động đầu tư ra nước ngoài với Ngân hàng Nhà nước hoặc Ngân hàng Nhà nước Khu vực;
- c) Trường hợp thay đổi tài khoản vốn đầu tư bằng loại ngoại tệ khác tại cùng 01 ngân hàng được phép, trong thời hạn 10 ngày làm việc kể từ thời điểm được Ngân hàng Nhà nước hoặc Ngân hàng Nhà nước Khu vực xác nhận đăng ký thay đổi giao dịch ngoại hối, nhà đầu tư thực hiện chuyển số dư trên tài khoản vốn đầu tư đã mở (bao gồm chuyển đổi loại ngoại tệ) sang tài khoản vốn đầu tư mới và đóng tài khoản vốn đầu tư đã mở.

7. Sau khi văn bản xác nhận đăng ký giao dịch ngoại hối lần đầu, văn bản xác nhận đăng ký thay đổi giao dịch ngoại hối hết hiệu lực theo quy định tại Điều 23 Thông tư này, nhà đầu tư không được thực hiện giao dịch thu, chi trên tài khoản vốn đầu tư và phải đóng tài khoản vốn đầu tư trong vòng 05 ngày làm việc.

Điều 10. Các giao dịch thu, chi trên tài khoản vốn đầu tư bằng ngoại tệ

1. Thu:

a) Thu ngoại tệ từ tài khoản thanh toán của nhà đầu tư mở tại ngân hàng được phép;

b) Thu ngoại tệ mua từ ngân hàng được phép phù hợp với quy định của pháp luật;

c) Thu ngoại tệ từ việc chuyển số dư (bao gồm chuyển đổi loại ngoại tệ) trên tài khoản vốn đầu tư đã mở trước đây trong trường hợp thay đổi tài khoản vốn đầu tư tại 01 ngân hàng được phép hoặc thay đổi ngân hàng được phép mở tài khoản vốn đầu tư;

d) Thu lợi nhuận và các khoản thu hợp pháp chuyển về nước từ hoạt động đầu tư ra nước ngoài;

đ) Thu vốn đầu tư từ nước ngoài về Việt Nam trong trường hợp thu hồi về Việt Nam phần vốn đầu tư bằng tiền đã chuyển ra nước ngoài theo quy định tại khoản 3 Điều 6 Nghị định số 103/2026/NĐ-CP, chuyển nhượng vốn đầu tư ở nước ngoài, giảm vốn đầu tư, thanh lý hoặc chấm dứt hoạt động đầu tư ở nước ngoài;

e) Thu nợ gốc và lãi của các khoản cho vay của nhà đầu tư đối với pháp nhân thực hiện dự án đầu tư ở nước ngoài phù hợp với quy định của pháp luật;

g) Thu hồi nợ từ bên được bảo lãnh liên quan đến các khoản bảo lãnh của nhà đầu tư cho pháp nhân thực hiện dự án đầu tư ở nước ngoài phù hợp với quy định của pháp luật;

h) Thu ngoại tệ từ việc chuyển đổi ngoại tệ chuyển từ nước ngoài về Việt Nam trong trường hợp đồng tiền chuyển về khác với đồng tiền của tài khoản vốn đầu tư;

i) Thu lãi từ số dư trên tài khoản theo quy định của pháp luật.

2. Chi:

a) Chi chuyển khoản vốn đầu tư ra nước ngoài theo quy định của pháp luật;

b) Chi bán ngoại tệ cho ngân hàng được phép phù hợp với quy định của pháp luật;

c) Chi chuyển khoản vào tài khoản thanh toán bằng ngoại tệ của nhà đầu tư mở tại ngân hàng được phép;

d) Chi cho vay đối với pháp nhân thực hiện dự án đầu tư ở nước ngoài phù hợp với quy định của pháp luật;

đ) Chi thực hiện nghĩa vụ bảo lãnh liên quan đến khoản bảo lãnh của nhà đầu tư cho pháp nhân thực hiện dự án đầu tư ở nước ngoài phù hợp với quy định của pháp luật;

e) Chi chuyển ngoại tệ từ việc chuyển số dư (bao gồm chuyển đổi loại ngoại tệ) sang tài khoản vốn đầu tư mới mở trong trường hợp:

(i) Nhà đầu tư thay đổi tài khoản vốn đầu tư trong cùng 01 ngân hàng được phép;

(ii) Nhà đầu tư thay đổi ngân hàng được phép mở tài khoản vốn đầu tư.

g) Chi trả phí dịch vụ liên quan đến việc quản lý và sử dụng tài khoản theo quy định của ngân hàng được phép.

Điều 11. Các giao dịch thu, chi trên tài khoản vốn đầu tư bằng đồng Việt Nam

1. Thu:

a) Thu đồng Việt Nam chuyển từ tài khoản thanh toán của nhà đầu tư mở tại ngân hàng được phép;

b) Thu đồng Việt Nam từ việc bán ngoại tệ chuyển từ nước ngoài về Việt Nam trong trường hợp đồng tiền chuyển về là ngoại tệ;

c) Thu đồng Việt Nam từ việc chuyển số dư trên tài khoản vốn đầu tư đã mở trước đây trong trường hợp thay đổi ngân hàng được phép mở tài khoản vốn đầu tư;

d) Thu lợi nhuận và các khoản thu hợp pháp chuyển về nước từ hoạt động đầu tư ra nước ngoài;

đ) Thu vốn đầu tư từ nước ngoài về Việt Nam trong trường hợp thu hồi về Việt Nam phần vốn đầu tư bằng tiền đã chuyển ra nước ngoài theo quy định tại khoản 3 Điều 6 Nghị định số 103/2026/NĐ-CP, chuyển nhượng vốn đầu tư ở nước ngoài, giảm vốn đầu tư, thanh lý hoặc chấm dứt hoạt động đầu tư ở nước ngoài;

e) Thu nợ gốc và lãi của các khoản cho vay của nhà đầu tư đối với pháp nhân thực hiện dự án đầu tư ở nước ngoài phù hợp với quy định của pháp luật;

g) Thu hồi nợ từ bên được bảo lãnh liên quan đến các khoản bảo lãnh của nhà đầu tư cho pháp nhân thực hiện dự án đầu tư ở nước ngoài phù hợp với quy định của pháp luật;

h) Thu lãi từ số dư trên tài khoản theo quy định của pháp luật.

2. Chi:

a) Chi chuyển khoản vốn đầu tư bằng đồng Việt Nam ra nước ngoài theo quy định của pháp luật;

b) Chi chuyển vào tài khoản thanh toán bằng đồng Việt Nam của nhà đầu tư mở tại ngân hàng được phép;

c) Chi chuyển số dư đồng Việt Nam sang tài khoản vốn đầu tư mới mở trong trường hợp thay đổi ngân hàng được phép mở tài khoản vốn đầu tư;

d) Chi cho vay đối với pháp nhân thực hiện dự án đầu tư ở nước ngoài phù hợp với quy định của pháp luật;

d) Chi thực hiện nghĩa vụ bảo lãnh liên quan đến khoản bảo lãnh của nhà đầu tư cho pháp nhân thực hiện dự án đầu tư ở nước ngoài phù hợp với quy định của pháp luật;

e) Chi trả phí dịch vụ liên quan đến việc quản lý và sử dụng tài khoản theo quy định của ngân hàng được phép.

Chương IV

HỒ SƠ, TRÌNH TỰ, THỦ TỤC ĐĂNG KÝ GIAO DỊCH NGOẠI HỐI LẦN ĐẦU, ĐĂNG KÝ THAY ĐỔI GIAO DỊCH NGOẠI HỐI LIÊN QUAN ĐẾN HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ RA NƯỚC NGOÀI

Điều 12. Thẩm quyền xác nhận đăng ký giao dịch ngoại hối lần đầu, đăng ký thay đổi giao dịch ngoại hối, thẩm quyền nhận thông báo thay đổi giao dịch ngoại hối liên quan đến hoạt động đầu tư ra nước ngoài

1. Ngân hàng Nhà nước xác nhận đăng ký giao dịch ngoại hối lần đầu và đăng ký thay đổi giao dịch ngoại hối đối với các dự án dưới đây:

a) Dự án đầu tư ra nước ngoài của nhà đầu tư là tổ chức tín dụng;

b) Các dự án đầu tư ra nước ngoài thuộc đối tượng quy định tại khoản 2, khoản 3 và khoản 4 Điều 18 Nghị định số 103/2026/NĐ-CP, trừ dự án quy định tại điểm b khoản 3 Điều này.

2. Ngân hàng Nhà nước Khu vực nơi nhà đầu tư là tổ chức (không phải là tổ chức tín dụng) có trụ sở chính trên địa bàn hoặc nơi nhà đầu tư là cá nhân đăng ký thường trú trên địa bàn xác nhận đăng ký giao dịch ngoại hối lần đầu và đăng ký thay đổi giao dịch ngoại hối đối với các trường hợp sau:

a) Dự án thuộc đối tượng quy định tại Điều 17 Nghị định số 103/2026/NĐ-CP;

b) Dự án thuộc đối tượng quy định tại khoản 1 Điều 18 Nghị định số 103/2026/NĐ-CP.

3. Các trường hợp thay đổi cơ quan có thẩm quyền xác nhận đăng ký giao dịch ngoại hối, nhận thông báo thay đổi giao dịch ngoại hối:

a) Đối với dự án đầu tư ra nước ngoài đã được Ngân hàng Nhà nước xác nhận đăng ký giao dịch ngoại hối, trường hợp thay đổi dẫn đến dự án thuộc diện cấp Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư ra nước ngoài theo quy định của pháp luật về đầu tư, Ngân hàng Nhà nước Khu vực nơi nhà đầu tư là tổ chức (không phải là tổ chức tín dụng) có trụ sở chính trên địa bàn hoặc nơi nhà đầu tư là cá nhân đăng ký thường trú trên địa bàn xác nhận đăng ký thay đổi giao dịch ngoại hối và nhận thông báo thay đổi giao dịch ngoại hối.

Trong thời hạn 03 ngày làm việc kể từ ngày nhận được đề nghị của Ngân hàng Nhà nước Khu vực, Ngân hàng Nhà nước chuyển toàn bộ hồ sơ liên quan đến xác nhận đăng ký giao dịch ngoại hối của nhà đầu tư cho Ngân hàng Nhà nước

Khu vực;

b) Đối với dự án đầu tư ra nước ngoài đã được Ngân hàng Nhà nước Khu vực nơi nhà đầu tư là tổ chức (không phải là tổ chức tín dụng) có trụ sở chính trên địa bàn hoặc nơi nhà đầu tư là cá nhân đăng ký thường trú trên địa bàn xác nhận đăng ký giao dịch ngoại hối, trường hợp thay đổi dẫn đến dự án không thuộc diện cấp Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư ra nước ngoài theo quy định tại Điều 18 Nghị định số 103/2026/NĐ-CP, Ngân hàng Nhà nước Khu vực tiếp tục xác nhận đăng ký thay đổi giao dịch ngoại hối và nhận thông báo thay đổi giao dịch ngoại hối;

c) Trường hợp nhà đầu tư thay đổi địa chỉ dẫn đến thay đổi Ngân hàng Nhà nước Khu vực xác nhận đăng ký giao dịch ngoại hối, Ngân hàng Nhà nước Khu vực nơi nhà đầu tư là tổ chức (không phải là tổ chức tín dụng) có trụ sở chính trên địa bàn mới hoặc nơi nhà đầu tư là cá nhân đăng ký thường trú trên địa bàn mới có trách nhiệm làm đầu mối tiếp nhận và xử lý hồ sơ đăng ký thay đổi giao dịch ngoại hối, nhận thông báo thay đổi giao dịch ngoại hối.

4. Trường hợp chuyển nhượng dự án đầu tư ra nước ngoài cho nhà đầu tư trong nước thuộc thẩm quyền xác nhận đăng ký giao dịch ngoại hối là Ngân hàng Nhà nước Khu vực:

a) Ngân hàng Nhà nước Khu vực nơi nhà đầu tư nhận chuyển nhượng là tổ chức (không phải là tổ chức tín dụng) có trụ sở chính trên địa bàn mới hoặc là cá nhân đăng ký thường trú trên địa bàn mới có trách nhiệm làm đầu mối tiếp nhận và xử lý hồ sơ đăng ký giao dịch ngoại hối lần đầu;

b) Ngân hàng Nhà nước Khu vực nơi xác nhận đăng ký giao dịch ngoại hối lần gần nhất có trách nhiệm làm đầu mối tiếp nhận và xử lý hồ sơ đăng ký thay đổi giao dịch ngoại hối cho nhà đầu tư chuyển nhượng (đối với trường hợp chuyển nhượng một phần).

5. Đối với trường hợp quy định tại điểm c khoản 3 và điểm a khoản 4 Điều này, trong thời hạn 03 ngày làm việc kể từ ngày nhận được yêu cầu của Ngân hàng Nhà nước Khu vực nơi nhà đầu tư là tổ chức (không phải là tổ chức tín dụng) có trụ sở chính trên địa bàn mới hoặc nơi nhà đầu tư là cá nhân đăng ký thường trú trên địa bàn mới, Ngân hàng Nhà nước Khu vực nơi xác nhận đăng ký giao dịch ngoại hối lần gần nhất có trách nhiệm phối hợp cung cấp thông tin hoặc chuyển toàn bộ hồ sơ liên quan đến xác nhận đăng ký giao dịch ngoại hối của nhà đầu tư.

Điều 13. Nguyên tắc thực hiện đăng ký giao dịch ngoại hối lần đầu

1. Nhà đầu tư thực hiện đăng ký giao dịch ngoại hối lần đầu với Ngân hàng Nhà nước hoặc Ngân hàng Nhà nước Khu vực sau khi đáp ứng đầy đủ các yêu cầu sau:

a) Được cơ quan có thẩm quyền cấp Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư ra nước ngoài theo quy định của pháp luật (đối với dự án thuộc diện cấp Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư ra nước ngoài); hoặc sau khi được cấp mã số khai hồ sơ tự động trên Hệ thống thông tin quốc gia về đầu tư (đối với dự án không thuộc diện cấp

Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư ra nước ngoài);

b) Được cơ quan có thẩm quyền của nước tiếp nhận đầu tư chấp thuận hoặc cấp phép hoặc có tài liệu chứng minh quyền hoạt động đầu tư tại nước tiếp nhận đầu tư phù hợp với quy định pháp luật của nước tiếp nhận đầu tư;

c) Đã mở tài khoản vốn đầu tư tại 01 ngân hàng được phép theo quy định.

2. Việc đăng ký giao dịch ngoại hối lần đầu phải được thực hiện trước khi nhà đầu tư chuyển vốn đầu tư bằng tiền ra nước ngoài hoặc trước khi thực hiện giao dịch chuyển vốn, lợi nhuận và khoản thu hợp pháp về nước (áp dụng đối với trường hợp không phát sinh chuyển vốn đầu tư bằng tiền ra nước ngoài) thông qua tài khoản vốn đầu tư mở tại 01 ngân hàng được phép.

Điều 14. Hồ sơ đăng ký giao dịch ngoại hối lần đầu đối với dự án thuộc diện cấp Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư ra nước ngoài theo quy định tại Điều 17 Nghị định số 103/2026/NĐ-CP

1. Văn bản Đăng ký giao dịch ngoại hối lần đầu theo mẫu tại Phụ lục số 01 ban hành kèm theo Thông tư này.

2. Văn bản chấp thuận hoặc cấp phép đầu tư do cơ quan có thẩm quyền của nước tiếp nhận đầu tư cấp kèm theo trích dẫn quy định của nước tiếp nhận đầu tư phù hợp với hình thức đầu tư của dự án. Trường hợp pháp luật của nước tiếp nhận đầu tư không quy định về việc cấp phép, chấp thuận đầu tư hoặc chỉ cấp phép sau khi nhà đầu tư đã thực hiện cam kết chuyển vốn đầu tư hoặc văn bản chấp thuận, cấp phép đầu tư của cơ quan có thẩm quyền của nước tiếp nhận đầu tư không đủ thông tin về nội dung vốn đầu tư, hình thức đầu tư hoặc các nội dung cần thiết khác về hoạt động đầu tư, nhà đầu tư nộp tài liệu chứng minh quyền hoạt động đầu tư tại nước tiếp nhận đầu tư, bao gồm một trong các tài liệu sau:

a) Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, Giấy chứng nhận thành lập pháp nhân hoặc xác nhận đăng ký thuế do cơ quan có thẩm quyền của nước tiếp nhận đầu tư cấp cho tổ chức kinh tế thực hiện dự án ở nước ngoài;

b) Thỏa thuận, hợp đồng đầu tư với đối tác nước ngoài hoặc điều lệ, nghị quyết hoặc tài liệu tương đương của tổ chức kinh tế được thành lập tại nước tiếp nhận đầu tư; hoặc thỏa thuận, hợp đồng, tài liệu khác xác định việc góp vốn, mua cổ phần, mua phần vốn góp hoặc tài liệu có giá trị pháp lý tương đương thể hiện hình thức đầu tư phù hợp với quy định của pháp luật nước tiếp nhận đầu tư. Trường hợp áp dụng tài liệu này, nhà đầu tư cung cấp kèm theo tài liệu chứng minh tư cách pháp lý của đối tác nước ngoài, tổ chức kinh tế ở nước ngoài hoặc cổ đông của tổ chức kinh tế ở nước ngoài mà nhà đầu tư góp vốn, mua cổ phần, mua phần vốn góp;

c) Tài liệu hợp pháp khác theo quy định của pháp luật nước tiếp nhận đầu tư chứng minh quyền thực hiện hoạt động đầu tư.

3. Văn bản xác nhận của ngân hàng được phép về tài khoản trước đầu tư, tài khoản vốn đầu tư và tình hình giao dịch ngoại hối:

a) Văn bản xác nhận của ngân hàng được phép nơi mở tài khoản trước đầu tư, tài khoản vốn đầu tư cho nhà đầu tư, trong đó ghi rõ mã số dự án, số tài khoản, tên tài khoản, loại đồng tiền, ngày mở tài khoản, thời gian và số tiền chuyển trước đầu tư từng lần (nếu có) đến thời điểm xác nhận;

b) Trường hợp nhà đầu tư nhận chuyển nhượng dự án theo quy định tại khoản 4 Điều 9 Thông tư này, nhà đầu tư cung cấp các tài liệu sau:

(i) Văn bản xác nhận quy định tại điểm a khoản này;

(ii) Văn bản xác nhận của ngân hàng được phép về tình hình thực hiện các giao dịch ngoại hối của nhà đầu tư chuyển nhượng, trong đó ghi rõ mã số dự án, số tài khoản, tên tài khoản, loại đồng tiền, thời gian và số vốn đầu tư bằng tiền đã chuyển ra nước ngoài từng lần, thời gian và số vốn đầu tư bằng tiền, lợi nhuận và các khoản thu hợp pháp đã chuyển về Việt Nam từng lần đến thời điểm xác nhận.

c) Văn bản xác nhận quy định tại điểm a và điểm b khoản này được cấp trong vòng 10 ngày làm việc trước thời điểm nhà đầu tư nộp hồ sơ đăng ký giao dịch ngoại hối lần đầu.

Nhà đầu tư phải đảm bảo không phát sinh số liệu về chuyển tiền từ thời điểm ngân hàng được phép có văn bản xác nhận đến thời điểm nhà đầu tư nộp hồ sơ.

Điều 15. Hồ sơ đăng ký giao dịch ngoại hối lần đầu đối với dự án không thuộc diện cấp Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư ra nước ngoài theo quy định tại Điều 18 Nghị định số 103/2026/NĐ-CP

1. Hồ sơ áp dụng cho các dự án quy định tại Điều 18 Nghị định số 103/2026/NĐ-CP bao gồm:

a) Văn bản Đăng ký giao dịch ngoại hối lần đầu theo mẫu tại Phụ lục số 02 ban hành kèm theo Thông tư này;

b) Văn bản xác nhận của cơ quan thuế về việc hoàn thành nghĩa vụ nộp thuế của nhà đầu tư. Thời điểm xác nhận của cơ quan thuế không quá 03 tháng tính đến ngày nộp hồ sơ đăng ký giao dịch ngoại hối lần đầu;

c) Tài liệu về tư cách pháp lý của nhà đầu tư theo quy định tại khoản 8 Điều 3 Nghị định số 103/2026/NĐ-CP;

d) Các thành phần hồ sơ như quy định tại khoản 2 và khoản 3 Điều 14 Thông tư này, trong đó văn bản xác nhận của ngân hàng được phép ghi rõ mã số khai hồ sơ tự động;

đ) Tài liệu chứng minh nhà đầu tư tham gia quản lý tổ chức kinh tế ở nước ngoài đối với trường hợp tỷ lệ sở hữu vốn góp, cổ phần của nhà đầu tư nhỏ hơn 50%;

e) Tài liệu khác liên quan đến hoạt động đầu tư ra nước ngoài của nhà đầu tư (nếu có).

2. Đối với dự án thuộc trường hợp phải có tài liệu xác định địa điểm thực hiện

dự án đầu tư theo quy định tại điểm b, c, d, đ, e khoản 1 Điều 12 Nghị định số 103/2026/NĐ-CP, hồ sơ bao gồm:

a) Các thành phần hồ sơ quy định tại khoản 1 Điều này;

b) Tài liệu xác định địa điểm thực hiện dự án đầu tư theo quy định tại khoản 2 Điều 12 Nghị định số 103/2026/NĐ-CP.

3. Đối với dự án đầu tư ra nước ngoài gắn với quốc phòng, an ninh theo quy định tại khoản 2 Điều 18 Nghị định số 103/2026/NĐ-CP, hồ sơ bao gồm:

a) Thành phần hồ sơ quy định tại khoản 1 Điều này;

b) Thành phần hồ sơ quy định tại khoản 2 Điều này áp dụng đối với trường hợp phải có tài liệu xác định địa điểm;

c) Hiệp định giữa hai Chính phủ hoặc các văn bản thỏa thuận giữa các cơ quan hai nước được Chính phủ phê duyệt.

4. Đối với dự án đầu tư ra nước ngoài của các Tập đoàn, Tổng công ty nhà nước thuộc danh mục các Tập đoàn, Tổng công ty nhà nước quy định tại Phụ lục I của Nghị định số 366/2025/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2025 của Chính phủ về quản lý và đầu tư vốn nhà nước tại doanh nghiệp, hồ sơ bao gồm:

a) Thành phần hồ sơ quy định tại khoản 1 Điều này;

b) Thành phần hồ sơ quy định tại khoản 2 Điều này áp dụng đối với trường hợp phải có tài liệu xác định địa điểm;

c) Tài liệu liên quan đến thẩm quyền quyết định đầu tư ra nước ngoài theo quy định tại Điều 10 Nghị định số 103/2026/NĐ-CP. Đối với doanh nghiệp do Nhà nước nắm giữ 100% vốn điều lệ, tài liệu bao gồm:

(i) Nghị quyết hoặc Quyết định về đầu tư ra nước ngoài của Hội đồng thành viên hoặc Chủ tịch công ty (áp dụng đối với doanh nghiệp có dự án đầu tư ra nước ngoài với mức vốn đầu tư không quá 50% vốn chủ sở hữu hoặc không quá 50% vốn đầu tư của chủ sở hữu trong trường hợp vốn đầu tư lớn hơn vốn chủ sở hữu và không quá 1.600 tỷ đồng Việt Nam);

(ii) Văn bản phê duyệt của cơ quan đại diện chủ sở hữu về mục đích, mức vốn đầu tư, nguồn vốn đầu tư ra nước ngoài, thời gian thực hiện và Nghị quyết hoặc Quyết định đầu tư ra nước ngoài của Hội đồng thành viên hoặc Chủ tịch công ty được ban hành theo quy định của pháp luật về quản lý, đầu tư vốn nhà nước tại doanh nghiệp (áp dụng đối với doanh nghiệp có dự án đầu tư ra nước ngoài với mức vốn đầu tư lớn hơn 50% vốn chủ sở hữu hoặc lớn hơn 50% vốn đầu tư của chủ sở hữu trong trường hợp vốn đầu tư lớn hơn vốn chủ sở hữu và lớn hơn 1.600 tỷ đồng Việt Nam).

5. Đối với dự án đầu tư ra nước ngoài của tổ chức kinh tế khác quy định tại khoản 4 Điều 18 Nghị định số 103/2026/NĐ-CP, hồ sơ bao gồm:

a) Thành phần hồ sơ quy định tại khoản 1 Điều này;

b) Thành phần hồ sơ quy định tại khoản 2 Điều này áp dụng đối với trường hợp phải có tài liệu xác định địa điểm;

c) Tài liệu chứng minh doanh nghiệp có quy mô lớn đáp ứng ít nhất hai trong ba tiêu chí có số lao động tham gia bảo hiểm xã hội bình quân năm trên 200 người trở lên, có tổng doanh thu của năm trên 300 tỷ đồng trở lên, có tổng tài sản trên 100 tỷ đồng trở lên theo quy định tại Điều 1 Nghị định số 90/2025/NĐ-CP sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 17/2012/NĐ-CP ngày 14 tháng 4 năm 2025 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật kiểm toán độc lập;

d) Tài liệu chứng minh việc sử dụng nguồn ngoại tệ tự có trong trường hợp chuyển vốn đầu tư bằng ngoại tệ, không sử dụng nguồn vốn vay để đầu tư ra nước ngoài, bao gồm:

(i) Văn bản cam kết và chịu trách nhiệm trước pháp luật của nhà đầu tư về sử dụng ngoại tệ tự có để đầu tư ra nước ngoài, văn bản cam kết và chịu trách nhiệm trước pháp luật của nhà đầu tư về không sử dụng nguồn vốn vay để đầu tư ra nước ngoài theo mẫu tại Phụ lục số 03 và Phụ lục số 04 ban hành kèm theo Thông tư này;

(ii) Văn bản xác nhận của ngân hàng được phép về số dư ngoại tệ hoặc đồng Việt Nam trên tài khoản của nhà đầu tư trong vòng 10 ngày làm việc trước thời điểm nhà đầu tư nộp hồ sơ đăng ký xác nhận giao dịch ngoại hối;

đ) Báo cáo tài chính hợp nhất của nhà đầu tư chứng minh hoạt động kinh doanh có lãi trong 02 năm liền kề trước năm đầu tư;

e) Tài liệu chứng minh nhà đầu tư có ít nhất 02 dự án đầu tư ra nước ngoài có lợi nhuận đã chuyển về nước, trong đó gồm văn bản xác nhận của ngân hàng được phép nơi nhà đầu tư mở tài khoản vốn đầu tư hoặc tài liệu khác.

Điều 16. Các trường hợp đăng ký thay đổi giao dịch ngoại hối

1. Nhà đầu tư phải thực hiện đăng ký thay đổi giao dịch ngoại hối với Ngân hàng Nhà nước hoặc Ngân hàng Nhà nước Khu vực khi có phát sinh thay đổi so với nội dung tại văn bản xác nhận đăng ký giao dịch ngoại hối được cấp lần gần nhất, bao gồm:

a) Thay đổi nhà đầu tư thực hiện dự án trong trường hợp chuyển nhượng một phần dự án đầu tư ở nước ngoài.

b) Thay đổi địa chỉ của nhà đầu tư làm thay đổi Ngân hàng Nhà nước Khu vực xác nhận đăng ký thay đổi giao dịch ngoại hối.

c) Thay đổi ngân hàng được phép nơi mở tài khoản vốn đầu tư.

d) Thay đổi (bao gồm mở mới) tài khoản vốn đầu tư bằng loại ngoại tệ khác của cùng dự án đầu tư ra nước ngoài tại 01 ngân hàng được phép.

đ) Thay đổi liên quan đến tăng vốn đầu tư ra nước ngoài bằng tiền (trừ quy

định tại khoản 2 Điều 25 Thông tư này).

e) Thay đổi tăng số tiền dự kiến chuyển ra nước ngoài trong kỳ dẫn đến tổng số tiền lũy kế đã chuyển ra nước ngoài và số tiền dự kiến chuyển ra nước ngoài trong kỳ vượt quá hạn mức chuyển vốn đầu tư bằng tiền lũy kế theo tiến độ đã được xác nhận đăng ký giao dịch ngoại hối tính đến thời điểm thực hiện giao dịch chuyển tiền trong kỳ.

g) Thay đổi thời hạn tiến độ chuyển vốn đầu tư ra nước ngoài bằng tiền theo quy định tại khoản 2 Điều 23 Thông tư này.

h) Thay đổi do phát sinh số vốn đầu tư ra nước ngoài bằng tiền sau kỳ chuyển vốn cuối cùng trong tiến độ chuyển vốn đầu tư ra nước ngoài bằng tiền quy định tại văn bản xác nhận đăng ký giao dịch ngoại hối gần nhất.

i) Thay đổi số vốn đầu tư bằng tiền được phép chuyển ra nước ngoài do sử dụng lợi nhuận của dự án đầu tư ở nước ngoài để tiếp tục góp vốn đầu tư cho chính dự án đó theo quy định tại khoản 1 Điều 25 Thông tư này.

k) Thay đổi từ dự án không thuộc diện cấp Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư ra nước ngoài thành dự án thuộc diện cấp Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư ra nước ngoài theo quy định của pháp luật về đầu tư.

l) Thay đổi từ dự án thuộc diện cấp Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư ra nước ngoài thành dự án không thuộc diện cấp Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư ra nước ngoài theo quy định của pháp luật về đầu tư.

2. Đối với các trường hợp phải cập nhật thông tin thay đổi trên Hệ thống thông tin quốc gia về đầu tư theo quy định của pháp luật về đầu tư, nhà đầu tư phải hoàn thành việc cập nhật thông tin trước khi thực hiện đăng ký thay đổi giao dịch ngoại hối theo quy định tại Điều này.

Điều 17. Hồ sơ đăng ký thay đổi giao dịch ngoại hối đối với dự án thuộc diện cấp, điều chỉnh Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư ra nước ngoài theo quy định tại Điều 17 Nghị định số 103/2026/NĐ-CP

1. Văn bản Đăng ký thay đổi giao dịch ngoại hối theo mẫu tại Phụ lục số 05 ban hành kèm theo Thông tư này.

2. Văn bản xác nhận của ngân hàng được phép nơi nhà đầu tư đang mở tài khoản vốn đầu tư về số tài khoản, tên tài khoản, loại đồng tiền, mã số dự án, ngày mở tài khoản, số tiền đã chuyển ra nước ngoài từng lần, số vốn đầu tư bằng tiền chuyển về Việt Nam (bao gồm thu hồi về Việt Nam phần vốn đầu tư bằng tiền đã chuyển ra nước ngoài) và lợi nhuận đã chuyển về Việt Nam đến thời điểm xác nhận, thời gian chuyển tiền, mục đích chuyển tiền. Văn bản xác nhận này được cấp trong vòng 10 ngày làm việc trước thời điểm nhà đầu tư nộp hồ sơ đăng ký thay đổi giao dịch ngoại hối. Nhà đầu tư phải đảm bảo không phát sinh số liệu về chuyển tiền từ thời điểm ngân hàng được phép có văn bản xác nhận đến thời điểm nhà đầu tư nộp hồ sơ.

3. Tài liệu chứng minh nội dung thay đổi giao dịch ngoại hối so với nội dung tại văn bản xác nhận đăng ký giao dịch ngoại hối lần đầu hoặc văn bản xác nhận đăng ký thay đổi giao dịch ngoại hối gần nhất.

4. Trường hợp thay đổi liên quan đến tăng vốn đầu tư bằng tiền quy định tại điểm đ khoản 1 Điều 16 Thông tư này, hồ sơ bao gồm:

a) Thành phần hồ sơ quy định tại khoản 1, khoản 2 Điều này;

b) Tài liệu chứng minh nội dung thay đổi như quy định tại khoản 2 Điều 14 Thông tư này, trong đó có nội dung về việc nhà đầu tư tăng vốn đầu tư ra nước ngoài bằng tiền.

5. Trường hợp thay đổi (bao gồm mở mới) tài khoản vốn đầu tư bằng loại ngoại tệ khác của cùng một dự án đầu tư tại 01 ngân hàng được phép hoặc thay đổi ngân hàng được phép nơi mở tài khoản vốn đầu tư, hồ sơ bao gồm:

a) Thành phần hồ sơ quy định tại khoản 1 và khoản 2 Điều này;

b) Văn bản xác nhận của ngân hàng được phép về việc nhà đầu tư đã mở tài khoản vốn đầu tư mới, trong đó nêu rõ số tài khoản, loại đồng tiền.

Điều 18. Hồ sơ đăng ký thay đổi giao dịch ngoại hối đối với dự án không thuộc diện cấp Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư ra nước ngoài theo quy định tại Điều 18 Nghị định số 103/2026/NĐ-CP

1. Văn bản Đăng ký thay đổi giao dịch ngoại hối theo mẫu tại Phụ lục số 06 ban hành kèm theo Thông tư này.

2. Văn bản xác nhận của ngân hàng được phép nơi nhà đầu tư đang mở tài khoản vốn đầu tư về số tài khoản, tên tài khoản, loại đồng tiền, mã số dự án hoặc mã số khai hồ sơ tự động, ngày mở tài khoản, số tiền đã chuyển ra nước ngoài từng lần, số vốn đầu tư bằng tiền chuyển về Việt Nam (bao gồm thu hồi về Việt Nam phần vốn đầu tư bằng tiền đã chuyển ra nước ngoài) và lợi nhuận đã chuyển về Việt Nam đến thời điểm xác nhận, thời gian chuyển tiền, mục đích chuyển tiền. Văn bản xác nhận này được cấp trong vòng 10 ngày làm việc trước thời điểm nhà đầu tư nộp hồ sơ đăng ký thay đổi giao dịch ngoại hối. Nhà đầu tư phải đảm bảo không phát sinh số liệu về chuyển tiền từ thời điểm ngân hàng được phép có văn bản xác nhận đến thời điểm nhà đầu tư nộp hồ sơ.

3. Tài liệu chứng minh nội dung thay đổi giao dịch ngoại hối so với nội dung tại văn bản xác nhận đăng ký giao dịch ngoại hối lần đầu hoặc văn bản xác nhận đăng ký thay đổi giao dịch ngoại hối gần nhất.

4. Trường hợp thay đổi liên quan đến tăng vốn đầu tư bằng tiền quy định tại điểm đ khoản 1 Điều 16 Thông tư này, hồ sơ bao gồm:

a) Thành phần hồ sơ quy định tại khoản 1, khoản 2 Điều này;

b) Văn bản xác nhận của cơ quan thuế về việc hoàn thành nghĩa vụ nộp thuế của nhà đầu tư. Thời điểm xác nhận của cơ quan thuế không quá 03 tháng tính đến

ngày nộp hồ sơ đăng ký thay đổi giao dịch ngoại hối;

c) Tài liệu chứng minh nội dung thay đổi như quy định tại khoản 2 Điều 14 Thông tư này, trong đó có nội dung về việc nhà đầu tư tăng vốn đầu tư ra nước ngoài bằng tiền;

d) Hiệp định sửa đổi, bổ sung giữa hai Chính phủ hoặc các văn bản thỏa thuận giữa các cơ quan hai nước được Chính phủ phê duyệt (nếu có) (áp dụng đối với trường hợp quy định tại khoản 2 Điều 18 Nghị định số 103/2026/NĐ-CP);

đ) Tài liệu như quy định tại điểm c khoản 4 Điều 15 Thông tư này (áp dụng đối với trường hợp quy định tại khoản 3 Điều 18 Nghị định số 103/2026/NĐ-CP);

e) Tài liệu như quy định tại điểm c, điểm d khoản 5 Điều 15 Thông tư này (áp dụng đối với trường hợp quy định tại khoản 4 Điều 18 Nghị định số 103/2026/NĐ-CP).

5. Trường hợp thay đổi (bao gồm mở mới) tài khoản vốn đầu tư bằng loại ngoại tệ khác của cùng một dự án đầu tư tại 01 ngân hàng được phép và thay đổi ngân hàng được phép nơi mở tài khoản vốn đầu tư, hồ sơ bao gồm:

a) Thành phần hồ sơ quy định tại khoản 1 và khoản 2 Điều này;

b) Văn bản xác nhận của ngân hàng được phép về việc nhà đầu tư đã mở tài khoản vốn đầu tư mới, trong đó nêu rõ số tài khoản, tên tài khoản, loại đồng tiền.

Điều 19. Các trường hợp thông báo thay đổi giao dịch ngoại hối liên quan đến hoạt động đầu tư ra nước ngoài

1. Trong thời hạn 30 ngày làm việc kể từ ngày phát sinh thay đổi so với nội dung văn bản xác nhận đăng ký giao dịch ngoại hối lần gần nhất hoặc trong thời hạn 30 ngày làm việc kể từ khi được cơ quan có thẩm quyền cấp điều chỉnh Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư ra nước ngoài (đối với dự án thuộc diện cấp Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư ra nước ngoài), nhà đầu tư phải gửi thông báo bằng văn bản theo mẫu tại Phụ lục số 07 (kèm tài liệu chứng minh nội dung thay đổi) tới Ngân hàng Nhà nước hoặc Ngân hàng Nhà nước Khu vực nơi xác nhận đăng ký giao dịch ngoại hối lần gần nhất; đồng thời gửi thông báo cho ngân hàng được phép nơi nhà đầu tư mở tài khoản vốn đầu tư đối với các trường hợp thay đổi quy định tại điểm a, b, c, d, e khoản 2 Điều này.

2. Các trường hợp thay đổi nhà đầu tư phải gửi thông báo:

a) Giảm vốn đầu tư ra nước ngoài bằng tiền của nhà đầu tư;

b) Thay đổi tên nhà đầu tư thực hiện dự án;

c) Thay đổi địa chỉ của nhà đầu tư nhưng không làm thay đổi cơ quan có thẩm quyền xác nhận đăng ký thay đổi giao dịch ngoại hối (trừ trường hợp thay đổi địa chỉ do cơ quan nhà nước thay đổi, sáp nhập, chia tách địa giới hành chính);

d) Thay đổi tên dự án đầu tư ở nước ngoài hoặc tên tổ chức kinh tế thành lập ở nước ngoài;

đ) Thay đổi về số tài khoản vốn đầu tư do ngân hàng được phép nơi nhà đầu tư mở tài khoản vốn đầu tư thực hiện tái cơ cấu, sáp nhập, hợp nhất, chuyển đổi hệ thống hoặc thay đổi tài khoản vốn đầu tư cùng loại ngoại tệ của cùng một dự án đầu tư ra nước ngoài tại 01 ngân hàng được phép;

e) Các trường hợp quy định tại khoản 3, khoản 4 Điều 23, khoản 3 Điều 24 và khoản 2 Điều 25;

g) Trường hợp thay đổi do dùng cổ phần, phần vốn góp, lợi nhuận của tổ chức kinh tế ở nước ngoài của dự án đầu tư đã được xác nhận đăng ký giao dịch ngoại hối để thanh toán, hoán đổi theo quy định tại khoản 4 Điều 6 Nghị định số 103/2026/NĐ-CP.

3. Đối với các trường hợp phải cập nhật thông tin thay đổi trên Hệ thống thông tin quốc gia về đầu tư theo quy định của pháp luật về đầu tư, nhà đầu tư phải hoàn thành việc cập nhật thông tin trước khi thực hiện thông báo thay đổi giao dịch ngoại hối theo quy định tại Điều này.

Điều 20. Nguyên tắc lập, gửi, tiếp nhận, yêu cầu bổ sung và trả kết quả hồ sơ đăng ký giao dịch ngoại hối lần đầu, đăng ký thay đổi giao dịch ngoại hối

1. Hồ sơ đăng ký giao dịch ngoại hối lần đầu, đăng ký thay đổi giao dịch ngoại hối nộp trực tiếp tại Bộ phận Một cửa của Ngân hàng Nhà nước hoặc của Ngân hàng Nhà nước Khu vực; hoặc gửi qua dịch vụ bưu chính đến Ngân hàng Nhà nước hoặc Ngân hàng Nhà nước Khu vực; hoặc nộp trực tuyến qua Cổng dịch vụ công quốc gia.

2. Trường hợp gửi hồ sơ trực tuyến qua Cổng dịch vụ công quốc gia, hồ sơ điện tử được sử dụng chữ ký số theo quy định của pháp luật về thực hiện thủ tục hành chính trên môi trường điện tử.

Trường hợp hệ thống Cổng dịch vụ công quốc gia gặp sự cố, có lỗi không thể tiếp nhận hoặc trao đổi thông tin điện tử, việc nộp hồ sơ, tiếp nhận, trả kết quả, trao đổi, phản hồi thông tin được thực hiện qua dịch vụ bưu chính hoặc trực tiếp tại Bộ phận Một cửa của Ngân hàng Nhà nước hoặc của Ngân hàng Nhà nước Khu vực.

3. Các tài liệu trong hồ sơ điện tử (tập tin định dạng PDF) là văn bản điện tử, bản điện tử quét từ bản gốc, bản chính, bản in từ bản điện tử trong trường hợp văn bản, tài liệu được cấp dưới hình thức bản điện tử theo quy định của nước tiếp nhận đầu tư (kèm văn bản cam kết của nhà đầu tư theo quy định tại điểm c khoản 4 Điều này), trừ văn bản Đăng ký giao dịch ngoại hối lần đầu, văn bản Đăng ký thay đổi giao dịch ngoại hối được khai trên Cổng dịch vụ công quốc gia. Tên văn bản điện tử phải được đặt tương ứng với tên loại giấy tờ theo quy định.

4. Các tài liệu trong hồ sơ giấy quy định tại Điều 14, Điều 15, Điều 17 và Điều 18 Thông tư này thực hiện như sau:

a) Văn bản Đăng ký giao dịch ngoại hối lần đầu, văn bản Đăng ký thay đổi giao dịch ngoại hối, văn bản cam kết của nhà đầu tư phải là bản gốc hoặc bản chính;

b) Các văn bản, tài liệu do cơ quan có thẩm quyền của Việt Nam cấp hoặc do ngân hàng được phép xác nhận cho nhà đầu tư là bản gốc, bản chính hoặc bản sao được cấp từ sổ gốc, bản sao có chứng thực hoặc bản sao kèm xuất trình bản chính để đối chiếu;

c) Các văn bản, tài liệu do cơ quan có thẩm quyền của nước tiếp nhận đầu tư cấp là bản gốc, bản chính, bản sao có chứng thực hoặc bản in từ bản điện tử trong trường hợp văn bản, tài liệu được cấp dưới hình thức bản điện tử theo quy định của nước tiếp nhận đầu tư. Trường hợp nhà đầu tư sử dụng bản in từ bản điện tử, nhà đầu tư nộp kèm văn bản cam kết chịu trách nhiệm trước pháp luật về tính chính xác, đầy đủ, hợp pháp của văn bản, tài liệu cung cấp;

d) Điều lệ, nghị quyết, quyết định, tài liệu có giá trị tương đương khác của đối tác nước ngoài, tổ chức kinh tế ở nước ngoài hoặc tài liệu chứng minh quyền hoạt động đầu tư tại nước tiếp nhận đầu tư; các hợp đồng, thỏa thuận đầu tư hoặc tài liệu khác do nhà đầu tư ký kết với đối tác nước ngoài hoặc các văn bản, tài liệu liên quan đến quyết định đầu tư ra nước ngoài của nhà đầu tư là bản gốc, bản chính, bản sao có chứng thực hoặc bản sao có xác nhận của nhà đầu tư về việc sao từ bản chính.

5. Hồ sơ đề nghị xác nhận đăng ký giao dịch ngoại hối lần đầu, đăng ký thay đổi giao dịch ngoại hối phải được lập bằng tiếng Việt, trong đó:

a) Trường hợp thành phần hồ sơ gốc bằng tiếng nước ngoài phải dịch ra tiếng Việt, trừ tên riêng của cá nhân, tổ chức kinh tế ở nước ngoài hoặc địa điểm. Bản dịch tiếng Việt phải được chứng thực chữ ký của người dịch theo quy định của pháp luật Việt Nam, trừ trường hợp quy định tại điểm b khoản này;

b) Hợp đồng, thỏa thuận đầu tư hoặc các tài liệu khác do nhà đầu tư ký kết với đối tác nước ngoài do nhà đầu tư tự dịch, xác nhận và chịu trách nhiệm trước pháp luật về tính chính xác của bản dịch.

6. Nhà đầu tư có trách nhiệm trước pháp luật về việc đảm bảo tính đầy đủ, chính xác, toàn vẹn dữ liệu của tài liệu hồ sơ theo quy định tại Thông tư này.

7. Trong thời hạn 03 ngày làm việc kể từ khi Hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính tiếp nhận hồ sơ theo phương thức trực tuyến hoặc kể từ khi Bộ phận Một cửa của Ngân hàng Nhà nước hoặc của Ngân hàng Nhà nước Khu vực tiếp nhận hồ sơ theo phương thức trực tiếp hoặc qua dịch vụ bưu chính, Bộ phận Một cửa của Ngân hàng Nhà nước hoặc Ngân hàng Nhà nước Khu vực kiểm tra tính đầy đủ của hồ sơ và thông báo về việc tiếp nhận chính thức hoặc yêu cầu chỉnh sửa, bổ sung để đảm bảo hồ sơ đầy đủ theo quy định tại Thông tư này.

8. Ngân hàng Nhà nước hoặc Ngân hàng Nhà nước Khu vực trả kết quả giải quyết thủ tục hành chính quy định tại Thông tư này qua phương thức trực tuyến hoặc dịch vụ bưu chính hoặc trực tiếp tại Bộ phận Một cửa của Ngân hàng Nhà nước hoặc của Ngân hàng Nhà nước Khu vực.

9. Trường hợp hồ sơ chưa đủ điều kiện giải quyết, trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ ngày tiếp nhận chính thức, Ngân hàng Nhà nước hoặc Ngân hàng Nhà nước Khu vực nơi xác nhận đăng ký giao dịch ngoại hối theo quy định tại Điều 12 Thông tư này có văn bản yêu cầu nhà đầu tư bổ sung, hoàn thiện hồ sơ. Thời hạn giải quyết được tính lại từ đầu sau khi nhận hồ sơ đầy đủ, hợp lệ.

Sau 60 ngày kể từ ngày thông báo yêu cầu bổ sung hồ sơ, nếu nhà đầu tư không hoàn thành việc bổ sung hồ sơ, công chức Bộ phận Một cửa của Ngân hàng Nhà nước hoặc của Ngân hàng Nhà nước Khu vực thực hiện đóng hồ sơ đề nghị xác nhận đăng ký giao dịch ngoại hối của nhà đầu tư trên Hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính.

Điều 21. Trình tự thực hiện thủ tục đăng ký giao dịch ngoại hối lần đầu, đăng ký thay đổi giao dịch ngoại hối đối với dự án thuộc thẩm quyền của Ngân hàng Nhà nước Khu vực

1. Nhà đầu tư gửi 01 bộ hồ sơ đăng ký giao dịch ngoại hối lần đầu, đăng ký thay đổi giao dịch ngoại hối đến Ngân hàng Nhà nước Khu vực theo quy định tại khoản 2 Điều 12 Thông tư này.

2. Kể từ ngày nhận được hồ sơ đầy đủ, hợp lệ, trong thời hạn 07 ngày làm việc đối với dự án thuộc diện cấp Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư ra nước ngoài hoặc trong thời hạn 30 ngày làm việc đối với dự án không thuộc diện cấp Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư ra nước ngoài, Ngân hàng Nhà nước Khu vực gửi nhà đầu tư văn bản xác nhận đăng ký giao dịch ngoại hối lần đầu, xác nhận đăng ký thay đổi giao dịch ngoại hối theo mẫu tại Phụ lục số 08, Phụ lục số 09 ban hành kèm theo Thông tư này, hoặc văn bản từ chối xác nhận đăng ký giao dịch ngoại hối lần đầu, từ chối xác nhận đăng ký thay đổi giao dịch ngoại hối theo mẫu tại Phụ lục số 10 ban hành kèm theo Thông tư này; đồng thời sao gửi Bộ Tài chính. Trường hợp từ chối xác nhận đăng ký giao dịch ngoại hối, Ngân hàng Nhà nước Khu vực có văn bản nêu rõ lý do.

Điều 22. Trình tự thực hiện thủ tục đăng ký giao dịch ngoại hối lần đầu, đăng ký thay đổi giao dịch ngoại hối đối với dự án thuộc thẩm quyền của Ngân hàng Nhà nước

1. Nhà đầu tư gửi 01 bộ hồ sơ đăng ký giao dịch ngoại hối lần đầu, đăng ký thay đổi giao dịch ngoại hối đến Ngân hàng Nhà nước theo quy định tại khoản 1 Điều 12 Thông tư này.

2. Trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ đầy đủ, hợp lệ, trong trường hợp cần thiết, Ngân hàng Nhà nước gửi hồ sơ lấy ý kiến cơ quan liên quan theo quy định tại khoản 7 Điều 18 Nghị định số 103/2026/NĐ-CP trước khi thực hiện xác nhận đăng ký giao dịch ngoại hối:

a) Đối với dự án đầu tư ra nước ngoài gắn với quốc phòng, an ninh quy định tại khoản 2 Điều 18 Nghị định số 103/2026/NĐ-CP, lấy ý kiến Bộ Quốc phòng, Bộ Công an, Bộ Ngoại giao hoặc cơ quan liên quan về quốc phòng, an ninh, đối ngoại và các vấn đề khác thuộc phạm vi quản lý nhà nước của các cơ quan này;

b) Đối với dự án đầu tư ra nước ngoài của các Tập đoàn, Tổng công ty nhà nước quy định tại khoản 3 Điều 18 Nghị định số 103/2026/NĐ-CP, lấy ý kiến Bộ Tài chính, cơ quan quản lý chuyên ngành, lĩnh vực về các vấn đề thuộc phạm vi quản lý nhà nước của các cơ quan này;

c) Đối với dự án quy định tại khoản 4 Điều 18 Nghị định số 103/2026/NĐ-CP, lấy ý kiến Bộ Tài chính, cơ quan quản lý chuyên ngành, lĩnh vực về việc đáp ứng các điều kiện đầu tư ra nước ngoài theo quy định của pháp luật và/hoặc các vấn đề thuộc phạm vi quản lý nhà nước của các cơ quan này liên quan đến dự án đầu tư ra nước ngoài.

3. Kể từ ngày nhận được hồ sơ đầy đủ, hợp lệ, trong thời hạn 07 ngày làm việc đối với dự án thuộc diện cấp Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư ra nước ngoài của nhà đầu tư là tổ chức tín dụng hoặc trong thời hạn 45 ngày làm việc đối với dự án không thuộc diện cấp Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư ra nước ngoài, Ngân hàng Nhà nước gửi nhà đầu tư văn bản xác nhận đăng ký giao dịch ngoại hối lần đầu, xác nhận đăng ký thay đổi giao dịch ngoại hối theo mẫu tại Phụ lục số 11, Phụ lục số 12 ban hành kèm theo Thông tư này, hoặc gửi nhà đầu tư văn bản từ chối xác nhận đăng ký giao dịch ngoại hối lần đầu, từ chối xác nhận đăng ký thay đổi giao dịch ngoại hối theo mẫu tại Phụ lục số 13 ban hành kèm theo Thông tư này; đồng thời sao gửi các cơ quan được lấy ý kiến, Bộ Tài chính và Ngân hàng Nhà nước Khu vực nơi nhà đầu tư là tổ chức đặt trụ sở chính trên địa bàn. Trường hợp từ chối xác nhận đăng ký giao dịch ngoại hối, Ngân hàng Nhà nước có văn bản nêu rõ lý do.

Điều 23. Hiệu lực của văn bản xác nhận đăng ký, đăng ký thay đổi giao dịch ngoại hối liên quan đến hoạt động đầu tư ra nước ngoài

1. Trường hợp dự án thuộc diện cấp Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư ra nước ngoài, văn bản xác nhận đăng ký giao dịch ngoại hối lần đầu, đăng ký thay đổi giao dịch ngoại hối của Ngân hàng Nhà nước hoặc Ngân hàng Nhà nước Khu vực đương nhiên hết hiệu lực khi có quyết định chấm dứt hiệu lực của Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư ra nước ngoài của Bộ Tài chính.

2. Quá thời hạn 24 tháng kể từ ngày được xác nhận tiến độ chuyển vốn đầu tư bằng tiền ra nước ngoài tại văn bản xác nhận đăng ký giao dịch ngoại hối lần đầu mà nhà đầu tư không phát sinh giao dịch chuyển vốn đầu tư ra nước ngoài bằng tiền và không thực hiện đăng ký thay đổi tiến độ chuyển vốn theo quy định tại Thông tư này, văn bản xác nhận đăng ký giao dịch ngoại hối của Ngân hàng Nhà nước hoặc Ngân hàng Nhà nước Khu vực đương nhiên hết hiệu lực.

Trong thời hạn 24 tháng, nhà đầu tư chưa thực hiện chuyển vốn đầu tư bằng tiền ra nước ngoài và có nhu cầu thay đổi thời hạn chuyển vốn đầu tư bằng tiền ra nước ngoài so với tiến độ chuyển vốn đã được xác nhận tại văn bản xác nhận đăng ký giao dịch ngoại hối lần đầu, nhà đầu tư thực hiện đăng ký thay đổi giao dịch ngoại hối với Ngân hàng Nhà nước hoặc Ngân hàng Nhà nước Khu vực theo thẩm quyền quy định tại Điều 12 Thông tư này.

3. Trường hợp chuyển nhượng toàn bộ dự án đầu tư ra nước ngoài cho nhà đầu tư trong nước, sau khi hoàn tất việc thanh toán chuyển nhượng dự án đầu tư, nhà đầu tư chuyển nhượng dự án phải thông báo bằng văn bản gửi Ngân hàng Nhà nước hoặc Ngân hàng Nhà nước Khu vực nơi xác nhận đăng ký giao dịch ngoại hối lần gần nhất về việc chấm dứt hoạt động đầu tư ra nước ngoài đối với dự án.

Sau khi nhà đầu tư nhận chuyển nhượng được điều chỉnh Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư ra nước ngoài (đối với dự án thuộc diện cấp Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư ra nước ngoài) hoặc được xác nhận đăng ký giao dịch ngoại hối (đối với dự án không thuộc diện cấp Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư ra nước ngoài), văn bản xác nhận đăng ký giao dịch ngoại hối lần đầu, xác nhận đăng ký thay đổi giao dịch ngoại hối của Ngân hàng Nhà nước hoặc Ngân hàng Nhà nước Khu vực cho nhà đầu tư chuyển nhượng đương nhiên hết hiệu lực.

4. Trường hợp chấm dứt hoạt động của dự án đầu tư ra nước ngoài theo quy định tại khoản 1 Điều 28 Nghị định số 103/2026/NĐ-CP đối với dự án không thuộc diện cấp Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư ra nước ngoài, trong thời hạn 60 ngày kể từ ngày hoàn tất việc thanh lý dự án đầu tư tại nước ngoài và chuyển về nước toàn bộ các khoản thu từ việc thanh lý dự án đầu tư (nếu có), nhà đầu tư phải gửi thông báo cho Ngân hàng Nhà nước hoặc Ngân hàng Nhà nước Khu vực nơi xác nhận đăng ký giao dịch ngoại hối lần gần nhất và ngân hàng được phép nơi mở tài khoản vốn đầu tư về việc chấm dứt hoạt động đầu tư đối với dự án theo mẫu tại Phụ lục số 14 ban hành kèm theo Thông tư này, trong đó cam kết đã hoàn tất việc thanh lý dự án đầu tư tại nước ngoài và chuyển về nước toàn bộ các khoản thu từ việc thanh lý dự án (nếu có).

Kể từ thời điểm nhà đầu tư có thông báo cho Ngân hàng Nhà nước hoặc Ngân hàng Nhà nước Khu vực nơi xác nhận đăng ký giao dịch ngoại hối lần gần nhất, văn bản xác nhận đăng ký giao dịch ngoại hối lần đầu, đăng ký thay đổi giao dịch ngoại hối của Ngân hàng Nhà nước hoặc Ngân hàng Nhà nước Khu vực đương nhiên hết hiệu lực.

5. Khi có kết luận của cơ quan có thẩm quyền về việc giả mạo hồ sơ, tài liệu đăng ký, đăng ký thay đổi giao dịch ngoại hối liên quan đến hoạt động đầu tư ra nước ngoài, cơ quan xác nhận đăng ký giao dịch ngoại hối theo thẩm quyền quy định tại Điều 12 Thông tư này có văn bản gửi nhà đầu tư và ngân hàng được phép nơi nhà đầu tư mở tài khoản vốn đầu tư về việc chấm dứt hiệu lực và lý do chấm dứt hiệu lực văn bản xác nhận đăng ký giao dịch ngoại hối liên quan đến hoạt động đầu tư ra nước ngoài.

Chương V

CHUYỂN VỐN ĐẦU TƯ, LỢI NHUẬN VÀ KHOẢN THU HỢP PHÁP Ở NƯỚC NGOÀI VỀ VIỆT NAM

Điều 24. Chuyển vốn đầu tư, lợi nhuận và khoản thu hợp pháp bằng tiền về Việt Nam

1. Nhà đầu tư có trách nhiệm chuyển vốn đầu tư, lợi nhuận và các khoản thu hợp pháp bằng tiền về Việt Nam liên quan đến hoạt động đầu tư ra nước ngoài theo quy định của pháp luật về đầu tư.

2. Vốn đầu tư, lợi nhuận và các khoản thu hợp pháp bằng tiền liên quan đến hoạt động đầu tư ra nước ngoài phải được chuyển về Việt Nam thông qua tài khoản vốn đầu tư của nhà đầu tư mở tại ngân hàng được phép theo quy định tại Thông tư này.

3. Trường hợp nhà đầu tư không chuyển lợi nhuận và các khoản thu hợp pháp khác về Việt Nam theo quy định tại khoản 3 Điều 34 Nghị định số 103/2026/NĐ-CP, nhà đầu tư phải thông báo trước bằng văn bản cho Ngân hàng Nhà nước hoặc Ngân hàng Nhà nước Khu vực nơi xác nhận đăng ký giao dịch ngoại hối lần gần nhất.

4. Sau khi thu hồi về Việt Nam phần vốn đầu tư bằng tiền đã chuyển ra nước ngoài theo quy định tại khoản 3 Điều 6 Nghị định số 103/2026/NĐ-CP, nhà đầu tư phải gửi thông báo bằng văn bản cho Ngân hàng Nhà nước hoặc Ngân hàng Nhà nước Khu vực nơi xác nhận đăng ký giao dịch ngoại hối lần gần nhất, kèm văn bản xác nhận của ngân hàng được phép.

Điều 25. Sử dụng lợi nhuận ở nước ngoài

1. Trường hợp nhà đầu tư sử dụng lợi nhuận thu được từ dự án đầu tư ở nước ngoài để tiếp tục góp vốn đầu tư cho chính dự án đó trong trường hợp chưa góp đủ vốn theo đăng ký được quy định tại điểm a khoản 1 Điều 33 Nghị định số 103/2026/NĐ-CP, trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày được cơ quan có thẩm quyền cấp Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư ra nước ngoài điều chỉnh (đối với dự án thuộc diện cấp Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư ra nước ngoài) hoặc trong thời hạn 05 ngày kể từ ngày hoàn thành việc cập nhật thông tin thay đổi về dự án đầu tư trên Hệ thống thông tin quốc gia về đầu tư theo quy định tại khoản 5 Điều 18 Nghị định số 103/2026/NĐ-CP (đối với dự án không thuộc diện cấp Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư ra nước ngoài), nhà đầu tư phải thực hiện đăng ký thay đổi giao dịch ngoại hối với Ngân hàng Nhà nước hoặc Ngân hàng Nhà nước Khu vực nơi đã xác nhận đăng ký giao dịch ngoại hối lần gần nhất.

2. Trường hợp nhà đầu tư sử dụng lợi nhuận thu được từ dự án đầu tư ở nước ngoài để tăng vốn đầu tư cho chính dự án đó theo quy định tại điểm b khoản 1 Điều 33 Nghị định số 103/2026/NĐ-CP, trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày được cơ quan có thẩm quyền cấp Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư ra nước ngoài điều chỉnh (đối với dự án thuộc diện cấp Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư ra nước ngoài) hoặc trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày hoàn thành việc cập nhật thông tin thay đổi về dự án đầu tư trên Hệ thống thông tin quốc gia về đầu tư theo quy định tại khoản 5 Điều 18 Nghị định số 103/2026/NĐ-CP (đối với dự án không thuộc diện cấp Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư ra nước ngoài), nhà đầu tư phải thông báo bằng văn bản cho Ngân hàng Nhà nước hoặc Ngân hàng Nhà nước Khu vực nơi đã xác nhận đăng ký giao dịch ngoại hối lần gần nhất.

3. Trường hợp nhà đầu tư sử dụng lợi nhuận thu được từ dự án đầu tư ở nước ngoài để thực hiện dự án đầu tư mới ở nước ngoài quy định tại điểm c khoản 1 Điều 33 Nghị định số 103/2026/NĐ-CP, nhà đầu tư phải thực hiện thủ tục đăng ký giao dịch ngoại hối lần đầu theo quy định tại khoản 1 Điều 13 Thông tư này.

4. Trường hợp nhà đầu tư sử dụng lợi nhuận được chia từ tổ chức kinh tế ở nước ngoài để hoán đổi nghĩa vụ phát sinh tại nước ngoài với đối tác có hoạt động tại Việt Nam theo quy định tại khoản 2 Điều 34 Nghị định số 103/2026/NĐ-CP, trong thời hạn 30 ngày làm việc kể từ khi được cơ quan có thẩm quyền cấp, điều chỉnh Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư ra nước ngoài, nhà đầu tư phải thông báo bằng văn bản kèm tài liệu chứng minh nội dung thay đổi cho Ngân hàng Nhà nước hoặc Ngân hàng Nhà nước Khu vực nơi xác nhận đăng ký giao dịch ngoại hối lần gần nhất.

Chương VI

TRÁCH NHIỆM CỦA NGÂN HÀNG ĐƯỢC PHÉP VÀ NHÀ ĐẦU TƯ

Điều 26. Trách nhiệm của ngân hàng được phép

1. Hướng dẫn nhà đầu tư thực hiện về việc mở, sử dụng, đóng tài khoản trước đầu tư, tài khoản vốn đầu tư và thực hiện giao dịch chuyển tiền liên quan đến hoạt động đầu tư ra nước ngoài theo đúng quy định tại Thông tư này và quy định của pháp luật khác có liên quan.

2. Xây dựng, ban hành và chịu trách nhiệm về nội dung của quy định nội bộ đối với việc chuyển tiền liên quan đến hoạt động đầu tư ra nước ngoài, trong đó tối thiểu phải có các nội dung sau:

a) Quy định về quản lý tài khoản trước đầu tư; quản lý tài khoản vốn đầu tư của khách hàng để đảm bảo theo dõi, giám sát và thực hiện theo quy định tại Thông tư này;

b) Quy định về hồ sơ, tài liệu, chứng từ liên quan đến:

(i) Giao dịch chuyển tiền trước đầu tư để đảm bảo việc chuyển tiền đúng mục đích và không vượt quá hạn mức theo quy định tại Thông tư này và quy định của pháp luật về đầu tư;

(ii) Giao dịch chuyển vốn đầu tư ra nước ngoài bằng tiền sau khi được cấp Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư ra nước ngoài (đối với dự án thuộc diện cấp Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư ra nước ngoài) hoặc sau khi được xác nhận đăng ký giao dịch ngoại hối (đối với dự án không thuộc diện cấp Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư ra nước ngoài) để đảm bảo việc chuyển tiền đúng mục đích, không vượt quá số tiền được phép chuyển ra nước ngoài theo quy định tại Thông tư này và quy định của pháp luật về đầu tư;

(iii) Giao dịch thu hồi về Việt Nam phần vốn đầu tư bằng tiền đã chuyển ra nước ngoài theo quy định tại khoản 3 Điều 6 Nghị định số 103/2026/NĐ-CP, bao gồm: Hồ sơ, chứng từ chứng minh phần vốn đầu tư bằng tiền của nhà đầu tư được

thu hồi về Việt Nam là số tiền đã chuyển ra nước ngoài trong hạn mức vốn đầu tư chuyển ra nước ngoài bằng tiền được xác nhận tại văn bản đăng ký giao dịch ngoại hối; Văn bản cam kết và chịu trách nhiệm trước pháp luật về tính hợp pháp, chính xác của hồ sơ, tài liệu chứng minh số vốn đầu tư bằng tiền đã thu hồi và chuyển về Việt Nam đúng quy định của pháp luật về đầu tư và Thông tư này; Tài liệu khác theo yêu cầu của ngân hàng được phép.

c) Quy định về kiểm tra, đối chiếu, lưu giữ hồ sơ, tài liệu, chứng từ của các giao dịch chuyển tiền liên quan đến hoạt động đầu tư ra nước ngoài; kiểm tra, giám sát số liệu chuyển tiền ra nước ngoài trước đầu tư, chuyển vốn đầu tư ra nước ngoài bằng tiền, chuyển vốn về Việt Nam (bao gồm việc thu hồi về Việt Nam phần vốn đầu tư đã chuyển ra nước ngoài theo quy định tại khoản 3 Điều 6 Nghị định số 103/2026/NĐ-CP), lợi nhuận và khoản thu hợp pháp về Việt Nam theo quy định tại Thông tư này và quy định của pháp luật có liên quan;

d) Quy định về minh bạch dòng tiền khi thực hiện chuyển tiền cho nhà đầu tư, trong đó yêu cầu nhà đầu tư ghi rõ: số tiền, mục đích chuyển tiền trước đầu tư (đối với giao dịch chuyển tiền trước đầu tư) hoặc số tiền, mục đích chuyển tiền, hình thức đầu tư, mã số dự án đầu tư hoặc mã số khai hồ sơ tự động được cấp trên Hệ thống thông tin quốc gia về đầu tư (đối với giao dịch chuyển tiền sau khi được cấp Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư ra nước ngoài hoặc sau khi được xác nhận đăng ký giao dịch ngoại hối) tại mỗi lệnh chuyển tiền.

3. Khi thực hiện các giao dịch ngoại hối liên quan đến việc chuyển tiền trong hoạt động đầu tư ra nước ngoài cho nhà đầu tư, ngân hàng được phép phải xem xét, kiểm tra, đối chiếu và lưu giữ các hồ sơ, tài liệu, chứng từ phù hợp với các giao dịch thực tế để đảm bảo việc cung ứng dịch vụ ngoại hối cho nhà đầu tư được thực hiện đúng mục đích và tuân thủ quy định của pháp luật.

4. Xác nhận bằng văn bản về việc nhà đầu tư đã thu hồi và chuyển về Việt Nam phần vốn đầu tư ra nước ngoài bằng tiền khi nhà đầu tư đề nghị theo quy định tại khoản 4 Điều 24 Thông tư này.

5. Xác nhận bằng văn bản về việc mở hoặc đóng tài khoản trước đầu tư, tình hình giao dịch ngoại hối phát sinh trên tài khoản trước đầu tư đến thời điểm xác nhận tài khoản theo đề nghị của nhà đầu tư, trong đó bao gồm tối thiểu các thông tin về số tài khoản, tên tài khoản, loại đồng tiền (đồng tiền chuyển ra thực tế, đồng Đô la Mỹ và đồng tiền vốn đầu tư), thời gian chuyển tiền, mục đích chuyển tiền và số tiền đã chuyển ra nước ngoài trước đầu tư từng lần bằng đồng tiền chuyển ra thực tế, đồng Đô la Mỹ và đồng tiền vốn đầu tư (quy đổi tại thời điểm thực hiện từng giao dịch chuyển tiền theo quy định tại Điều 5 Thông tư này).

6. Xác nhận bằng văn bản về việc mở hoặc đóng tài khoản vốn đầu tư, tình hình giao dịch ngoại hối phát sinh trên tài khoản vốn đầu tư đến thời điểm xác nhận theo đề nghị của nhà đầu tư, Ngân hàng Nhà nước hoặc Ngân hàng Nhà nước Khu vực, trong đó nêu rõ mã số dự án hoặc mã số khai hồ sơ tự động được cấp trên Hệ thống thông tin quốc gia về đầu tư, số tài khoản, tên tài khoản, loại đồng tiền (đồng tiền chuyển ra thực tế, đồng tiền vốn đầu tư, đồng Đô la Mỹ), thời gian

chuyển tiền, mục đích chuyển tiền, số vốn đầu tư bằng tiền đã chuyển ra nước ngoài từng lần bằng đồng tiền chuyển ra thực tế, đồng tiền vốn đầu tư, đồng Đô la Mỹ (quy đổi tại thời điểm thực hiện từng giao dịch chuyển tiền theo quy định tại Điều 5 Thông tư này); số vốn đầu tư bằng tiền, lợi nhuận và các khoản thu hợp pháp đã chuyển về Việt Nam từng lần đến thời điểm xác nhận (nếu có) bằng đồng tiền vốn đầu tư, đồng Đô la Mỹ quy đổi tại thời điểm thực hiện giao dịch.

7. Tuân thủ quy định pháp luật về phòng, chống rửa tiền và tài trợ khủng bố, tài trợ phổ biến vũ khí hủy diệt hàng loạt, thường xuyên giám sát các giao dịch chuyển tiền liên quan đến hoạt động đầu tư ra nước ngoài để đảm bảo các giao dịch được thực hiện phù hợp với mức độ rủi ro, hoạt động kinh doanh, nguồn vốn đầu tư của khách hàng; kịp thời phát hiện và báo cáo giao dịch phát sinh theo quy định của pháp luật.

8. Chịu trách nhiệm về tính chính xác của số liệu báo cáo, tuân thủ quy định về chế độ báo cáo tại Thông tư này.

Điều 27. Trách nhiệm của nhà đầu tư

1. Tuân thủ các quy định về quản lý ngoại hối đối với hoạt động đầu tư ra nước ngoài, thực hiện việc chuyển tiền đầu tư từ Việt Nam ra nước ngoài, chuyển vốn đầu tư, lợi nhuận và khoản thu hợp pháp từ nước ngoài về Việt Nam theo quy định tại Thông tư này và quy định của pháp luật có liên quan.

2. Thực hiện việc chuyển tiền ra nước ngoài trước đầu tư để đáp ứng các chi phí cho hoạt động hình thành dự án đầu tư ở nước ngoài đúng mục đích và không được vượt quá hạn mức quy định tại khoản 5 Điều 32 Nghị định số 103/2026/NĐ-CP (trừ trường hợp Chính phủ có quy định khác). Cung cấp cho ngân hàng được phép văn bản cam kết của nhà đầu tư hoặc giữa các nhà đầu tư về tổng số tiền chuyển ra nước ngoài trước đầu tư tuân thủ quy định tại khoản 5 Điều 32 Nghị định số 103/2026/NĐ-CP và phải tự chịu trách nhiệm trước pháp luật về tính chính xác của văn bản cam kết (trừ trường hợp Chính phủ không có quy định về hạn mức).

3. Việc chuyển vốn đầu tư ra nước ngoài bằng tiền phải đảm bảo tuân thủ quy định của pháp luật đầu tư và Thông tư này. Số tiền chuyển ra nước ngoài không được vượt quá số vốn đầu tư ra nước ngoài bằng tiền tại văn bản xác nhận đăng ký giao dịch ngoại hối lần đầu hoặc văn bản xác nhận đăng ký thay đổi giao dịch ngoại hối.

4. Ghi rõ các thông tin về số tiền, mục đích chuyển tiền trước đầu tư (đối với giao dịch chuyển tiền trước đầu tư) hoặc số tiền, mục đích chuyển tiền, mã số dự án đầu tư hoặc mã số khai hồ sơ tự động được cấp trên Hệ thống thông tin quốc gia về đầu tư tại mỗi lệnh chuyển tiền.

5. Có trách nhiệm xuất trình hồ sơ, tài liệu, chứng từ để chứng minh các giao dịch chuyển tiền liên quan đến hoạt động đầu tư ra nước ngoài theo quy định của ngân hàng được phép. Chịu trách nhiệm trước pháp luật về tính hợp pháp, chính xác, đầy đủ, trung thực của hồ sơ, tài liệu, nội dung của văn bản đăng ký giao dịch

ngoại hối và văn bản thông báo theo quy định tại Thông tư này và quy định pháp luật có liên quan.

6. Kế khai trung thực, đầy đủ nội dung thu, chi trên tài khoản trước đầu tư, tài khoản vốn đầu tư theo yêu cầu của ngân hàng được phép.

7. Chịu trách nhiệm trước pháp luật về:

a) Tính hợp pháp của số tiền chuyển ra nước ngoài để đầu tư theo quy định của pháp luật;

b) Việc sử dụng tiền trên tài khoản trước đầu tư, tài khoản vốn đầu tư đúng mục đích theo quy định của Thông tư này và quy định của pháp luật về đầu tư.

8. Có trách nhiệm kê khai thông tin về dự án đầu tư theo quy định tại Nghị định số 103/2026/NĐ-CP, cập nhật thông tin thay đổi về dự án đầu tư trên Hệ thống thông tin quốc gia về đầu tư theo quy định tại khoản 5 Điều 18, khoản 2 Điều 23 và khoản 1 Điều 27 Nghị định số 103/2026/NĐ-CP.

9. Chịu trách nhiệm về tính chính xác của số liệu báo cáo, tuân thủ quy định về chế độ báo cáo thống kê tại Thông tư này.

Chương VII

TRÁCH NHIỆM CỦA CÁC ĐƠN VỊ LIÊN QUAN THUỘC NGÂN HÀNG NHÀ NƯỚC

Điều 28. Trách nhiệm của Ngân hàng Nhà nước Khu vực

1. Tiếp nhận, xử lý hồ sơ đăng ký giao dịch ngoại hối lần đầu, đăng ký thay đổi giao dịch ngoại hối cho nhà đầu tư theo thẩm quyền được quy định tại khoản 2 Điều 12 Thông tư này; xác nhận hoặc từ chối xác nhận đăng ký giao dịch ngoại hối theo quy định tại Thông tư này.

2. Theo dõi báo cáo thống kê của nhà đầu tư và ngân hàng được phép trên địa bàn theo quy định tại Thông tư này; thực hiện chế độ báo cáo thống kê tại Điều 34 Thông tư này.

3. Thực hiện giám sát, kiểm tra và xử lý các hành vi vi phạm quy định của pháp luật về quản lý ngoại hối đối với hoạt động đầu tư ra nước ngoài của các tổ chức, cá nhân trên địa bàn.

4. Hướng dẫn, đôn đốc, nhắc nhở các tổ chức, cá nhân trên địa bàn chấp hành quy định về quản lý ngoại hối đối với hoạt động đầu tư ra nước ngoài.

5. Phối hợp với Ngân hàng Nhà nước, các Ngân hàng Nhà nước Khu vực trong quá trình triển khai thực hiện Thông tư này và phối hợp với các cơ quan liên quan trên địa bàn để xử lý các vướng mắc, phát sinh của nhà đầu tư.

Điều 29. Trách nhiệm của Cục Quản lý ngoại hối

1. Tiếp nhận, xử lý hồ sơ đăng ký giao dịch ngoại hối lần đầu, đăng ký thay

đổi giao dịch ngoại hối cho nhà đầu tư theo thẩm quyền; tham mưu trình Thống đốc xem xét quyết định việc xác nhận đăng ký giao dịch ngoại hối theo quy định tại Thông tư này.

2. Gửi văn bản lấy ý kiến của các cơ quan có liên quan và các đơn vị liên quan trong Ngân hàng Nhà nước về đề nghị xác nhận đăng ký giao dịch ngoại hối của tổ chức, trong đó có nội dung liên quan đến chức năng, nhiệm vụ của bộ, ngành, cơ quan, đơn vị liên quan được lấy ý kiến.

3. Định kỳ hàng tháng, hàng quý, hàng năm gửi thông tin cho Bộ Tài chính về tình hình xác nhận đăng ký giao dịch ngoại hối đối với các dự án không thuộc diện cấp Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư ra nước ngoài.

4. Định kỳ hàng năm, trước ngày 15 tháng 3 của năm sau năm báo cáo, Ngân hàng Nhà nước (Cục Quản lý ngoại hối) gửi Bộ Tài chính báo cáo về tình hình chuyển tiền từ Việt Nam ra nước ngoài trước đầu tư và sau khi được cấp Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư ra nước ngoài (đối với dự án thuộc diện cấp Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư ra nước ngoài) hoặc được xác nhận đăng ký giao dịch ngoại hối (đối với dự án không thuộc diện cấp Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư ra nước ngoài) và tình hình chuyển vốn đầu tư, lợi nhuận từ nước ngoài về Việt Nam liên quan đến các dự án đầu tư ra nước ngoài.

5. Phối hợp với các cơ quan liên quan và Ngân hàng Nhà nước Khu vực trong quá trình triển khai thực hiện Thông tư này.

6. Thực hiện theo dõi, kiểm tra việc chấp hành các quy định về quản lý ngoại hối liên quan đến hoạt động đầu tư ra nước ngoài của nhà đầu tư theo thẩm quyền quy định tại Thông tư này.

Điều 30. Trách nhiệm của các đơn vị thuộc Ngân hàng Nhà nước

1. Cục Công nghệ Thông tin:

Chủ trì, phối hợp với Cục Quản lý ngoại hối xây dựng Trang điện tử về quản lý ngoại hối liên quan đến hoạt động đầu tư ra nước ngoài của Ngân hàng Nhà nước.

2. Các Vụ, Cục khác có liên quan:

Căn cứ chức năng, nhiệm vụ được giao, các đơn vị liên quan trong Ngân hàng Nhà nước có trách nhiệm tham gia ý kiến về các vấn đề liên quan đến việc xác nhận đăng ký giao dịch ngoại hối cho tổ chức, cá nhân theo đề nghị của Cục Quản lý ngoại hối.

Chương VIII

CHẾ ĐỘ BÁO CÁO THỐNG KÊ

Điều 31. Nguyên tắc thực hiện chế độ báo cáo thống kê

1. Chế độ báo cáo thống kê quy định tại Thông tư này được thực hiện thông qua Trang điện tử về quản lý ngoại hối liên quan đến hoạt động đầu tư ra nước ngoài của Ngân hàng Nhà nước.

2. Trong thời gian Trang điện tử về quản lý ngoại hối liên quan đến hoạt động đầu tư ra nước ngoài chưa hoàn thiện, chế độ báo cáo thống kê được thực hiện theo quy định tại Điều 32, Điều 33 và Điều 34 Thông tư này.

3. Kể từ thời điểm Trang điện tử về quản lý ngoại hối liên quan đến hoạt động đầu tư ra nước ngoài của Ngân hàng Nhà nước hoàn thiện và đi vào vận hành, nhà đầu tư, ngân hàng được phép và Ngân hàng Nhà nước Khu vực thực hiện báo cáo các mẫu biểu theo quy định tại Phụ lục số 15, Phụ lục số 16, Phụ lục số 17, Phụ lục số 18, Phụ lục số 19, Phụ lục số 21 ban hành kèm theo Thông tư này trên Trang điện tử về quản lý ngoại hối liên quan đến hoạt động đầu tư ra nước ngoài của Ngân hàng Nhà nước.

4. Đối với các dự án đầu tư ra nước ngoài đã được cấp Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư ra nước ngoài và được xác nhận đăng ký giao dịch ngoại hối trước ngày Thông tư này có hiệu lực:

a) Số liệu lũy kế phát sinh trước ngày Thông tư này có hiệu lực được tiếp tục kế thừa theo số liệu đã báo cáo trên Hệ thống báo cáo của Ngân hàng Nhà nước;

b) Đối với các giao dịch chuyển tiền liên quan đến hoạt động đầu tư ra nước ngoài phát sinh kể từ ngày Thông tư này có hiệu lực, việc quy đổi số vốn đầu tư chuyển ra nước ngoài; vốn đầu tư, lợi nhuận và khoản thu hợp pháp chuyển về Việt Nam bằng đồng tiền khác sang đồng Đô la Mỹ theo tỷ giá quy định tại khoản 5 Điều 5 Thông tư này.

Điều 32. Chế độ báo cáo thống kê đối với ngân hàng được phép

1. Định kỳ hàng tháng, chậm nhất vào ngày 15 của tháng kế tiếp tháng báo cáo, ngân hàng được phép nơi nhà đầu tư mở tài khoản vốn đầu tư phải báo cáo về tình hình chuyển tiền liên quan đến hoạt động đầu tư ra nước ngoài thông qua tài khoản vốn đầu tư theo mẫu tại Phụ lục số 15 ban hành kèm theo Thông tư này trong các trường hợp sau:

a) Dự án đầu tư đã được xác nhận đăng ký giao dịch ngoại hối sau ngày Thông tư này có hiệu lực;

b) Dự án đầu tư đã được xác nhận đăng ký giao dịch ngoại hối trước ngày Thông tư này có hiệu lực và có phát sinh số liệu trong kỳ báo cáo về vốn đầu tư chuyển ra nước ngoài; vốn đầu tư, lợi nhuận và khoản thu hợp pháp chuyển về Việt Nam.

2. Trong thời hạn 09 tháng kể từ ngày Thông tư này có hiệu lực, đối với các dự án đã được xác nhận đăng ký giao dịch ngoại hối trước ngày Thông tư này có hiệu lực và không phát sinh số liệu trong kỳ báo cáo về vốn đầu tư chuyển ra nước ngoài, vốn đầu tư, lợi nhuận và khoản thu hợp pháp chuyển về Việt Nam, ngân hàng được phép không phải thực hiện báo cáo định kỳ theo quy định tại khoản 1

Điều này. Hết thời hạn nêu trên, ngân hàng được phép phải thực hiện báo cáo định kỳ theo quy định.

3. Ngân hàng được phép gửi báo cáo theo mẫu tại Phụ lục số 15 ban hành kèm theo Thông tư này đến:

a) Ngân hàng Nhà nước Khu vực nơi ngân hàng được phép đặt trụ sở chính. Báo cáo bằng văn bản có chữ ký, đóng dấu của ngân hàng được phép;

b) Ngân hàng Nhà nước (Cục Quản lý ngoại hối) theo phương thức điện tử về địa chỉ hộp thư điện tử baocaodautura@sbv.gov.vn của Ngân hàng Nhà nước. Báo cáo gửi qua hòm thư điện tử bao gồm bản scan báo cáo có ký, đóng dấu của ngân hàng được phép dưới định dạng tệp PDF và tệp dữ liệu báo cáo theo mẫu dưới định dạng excel.

4. Định kỳ hàng quý, chậm nhất vào ngày 10 của tháng đầu tiên của quý kế tiếp quý báo cáo, Ngân hàng được phép nơi nhà đầu tư mở tài khoản vốn đầu tư phải báo cáo tình hình thu, chi trên tài khoản vốn đầu tư ra nước ngoài theo mẫu tại Phụ lục số 16 và báo cáo đầu tư ra nước ngoài theo quốc gia theo mẫu tại Phụ lục số 17 ban hành kèm theo Thông tư này theo chế độ báo cáo thống kê trên Hệ thống báo cáo của Ngân hàng Nhà nước.

5. Trường hợp ngân hàng được phép không có nhà đầu tư mở tài khoản vốn đầu tư đến thời điểm báo cáo, ngân hàng được phép không phải thực hiện chế độ báo cáo thống kê theo quy định tại Điều này.

Điều 33. Chế độ báo cáo thống kê đối với nhà đầu tư

1. Định kỳ hàng quý, chậm nhất vào ngày 05 của tháng đầu tiên của quý tiếp theo quý báo cáo, nhà đầu tư gửi báo cáo đến Ngân hàng Nhà nước hoặc Ngân hàng Nhà nước Khu vực nơi xác nhận đăng ký giao dịch ngoại hối lần gần nhất về tình hình chuyển vốn đầu tư ra nước ngoài theo mẫu tại Phụ lục số 18 và báo cáo về tình hình chuyển vốn, lợi nhuận và các khoản thu hợp pháp về Việt Nam theo mẫu tại Phụ lục số 19 ban hành kèm theo Thông tư này.

2. Phương thức gửi báo cáo:

a) Đối với dự án thuộc thẩm quyền xác nhận đăng ký giao dịch ngoại hối của Ngân hàng Nhà nước Khu vực, nhà đầu tư gửi báo cáo đến Ngân hàng Nhà nước Khu vực nơi xác nhận đăng ký giao dịch ngoại hối lần gần nhất bằng văn bản có chữ ký của nhà đầu tư, có đóng dấu của người đại diện hợp pháp của nhà đầu tư (trường hợp nhà đầu tư là tổ chức);

b) Đối với dự án thuộc thẩm quyền xác nhận đăng ký giao dịch ngoại hối của Ngân hàng Nhà nước, nhà đầu tư gửi báo cáo đến Ngân hàng Nhà nước (Cục Quản lý ngoại hối) theo phương thức điện tử về địa chỉ hộp thư điện tử baocaodautura@sbv.gov.vn. Báo cáo gửi qua hòm thư điện tử bao gồm bản scan báo cáo có chữ ký, có đóng dấu của người đại diện hợp pháp của nhà đầu tư (trường hợp nhà đầu tư là tổ chức) dưới định dạng tệp PDF và tệp dữ liệu báo cáo theo mẫu dưới định dạng excel.

Điều 34. Chế độ báo cáo thống kê đối với Ngân hàng Nhà nước Khu vực

1. Định kỳ hàng tháng, chậm nhất vào ngày 05 của tháng tiếp theo tháng báo cáo, Ngân hàng Nhà nước Khu vực phải gửi Ngân hàng Nhà nước (Cục Quản lý ngoại hối) báo cáo tình hình đăng ký giao dịch ngoại hối và chấm dứt dự án đầu tư ra nước ngoài đối với các dự án không thuộc diện cấp Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư ra nước ngoài theo mẫu tại Phụ lục số 20 ban hành kèm theo Thông tư này.

2. Định kỳ hàng quý, chậm nhất vào ngày 15 của tháng đầu tiên của quý tiếp theo quý báo cáo, Ngân hàng Nhà nước Khu vực phải gửi Ngân hàng Nhà nước (Cục Quản lý ngoại hối) báo cáo về tình hình chuyển tiền trước đầu tư, chuyển vốn đầu tư ra nước ngoài; chuyển vốn đầu tư, lợi nhuận và khoản thu hợp pháp từ nước ngoài về Việt Nam của các dự án đầu tư ra nước ngoài thuộc thẩm quyền quản lý của Ngân hàng Nhà nước Khu vực theo mẫu tại Phụ lục số 21 ban hành kèm theo Thông tư này trên Hệ thống báo cáo thống kê của Ngân hàng Nhà nước.

3. Định kỳ hàng năm, chậm nhất vào ngày 15 tháng 02 của năm tiếp theo năm báo cáo, Ngân hàng Nhà nước Khu vực phải gửi Ngân hàng Nhà nước (Cục Quản lý ngoại hối) báo cáo về tình hình chuyển vốn đầu tư ra nước ngoài và chuyển tiền về Việt Nam của các dự án đầu tư ra nước ngoài theo mẫu tại Phụ lục số 22 ban hành kèm theo Thông tư này.

4. Báo cáo theo mẫu tại Phụ lục số 20 và Phụ lục số 22 ban hành kèm theo Thông tư này gửi đến Ngân hàng Nhà nước (Cục Quản lý ngoại hối) theo phương thức điện tử về địa chỉ hộp thư điện tử baocaodautura@sbv.gov.vn của Ngân hàng Nhà nước dưới định dạng tệp PDF và tệp dữ liệu báo cáo theo mẫu dưới định dạng excel.

Điều 35. Yêu cầu báo cáo đột xuất

Trường hợp đột xuất hoặc khi cần thiết, nhà đầu tư, ngân hàng được phép thực hiện báo cáo theo yêu cầu của Ngân hàng Nhà nước và Ngân hàng Nhà nước Khu vực; Ngân hàng Nhà nước Khu vực thực hiện báo cáo theo yêu cầu của Ngân hàng Nhà nước.

Chương IX

ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH

Điều 36. Hiệu lực thi hành

1. Thông tư này có hiệu lực thi hành từ ngày 31 tháng 7 năm 2026.

2. Bãi bỏ một số quy định sau:

a) Thông tư số 12/2016/TT-NHNN hướng dẫn về quản lý ngoại hối đối với hoạt động đầu tư ra nước ngoài;

b) Khoản 3 Điều 10 Thông tư số 04/2024/TT-NHNN hướng dẫn hoạt động thanh toán, chuyển tiền song phương Việt Nam – Lào;

c) Chương IV và Phụ lục số IV ban hành kèm theo Thông tư số 78/2025/TT-NHNN sửa đổi, bổ sung, bãi bỏ một số quy định tại các văn bản quy phạm pháp luật trong lĩnh vực quản lý ngoại hối đối với các giao dịch vốn để thực thi phương án cắt giảm, đơn giản hóa thủ tục hành chính.

Điều 37. Điều khoản chuyển tiếp

1. Đối với các dự án đã được cấp Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư ra nước ngoài và văn bản xác nhận đăng ký giao dịch ngoại hối trước ngày Thông tư này có hiệu lực, nhà đầu tư tiếp tục thực hiện theo nội dung đã được xác nhận tại văn bản đăng ký giao dịch ngoại hối. Trường hợp có phát sinh thay đổi so với nội dung tại văn bản xác nhận đăng ký giao dịch ngoại hối đã được cấp, nhà đầu tư thực hiện theo quy định tại Thông tư này.

2. Đối với hồ sơ đăng ký giao dịch ngoại hối lần đầu, hồ sơ đăng ký thay đổi giao dịch ngoại hối được Ngân hàng Nhà nước Khu vực tiếp nhận trước ngày Thông tư này có hiệu lực nhưng chưa được giải quyết, việc xử lý hồ sơ tiếp tục thực hiện theo thẩm quyền của Ngân hàng Nhà nước Khu vực quy định tại Thông tư này.

Điều 38. Trách nhiệm tổ chức thực hiện

Thủ trưởng các đơn vị thuộc Ngân hàng Nhà nước Việt Nam, các ngân hàng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài được phép kinh doanh, cung ứng dịch vụ ngoại hối tại Việt Nam, các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Thông tư này. *✍*

Nơi nhận:

- Ban Lãnh đạo NHNN;
- Văn phòng Chính phủ;
- Bộ Tư pháp (để kiểm tra);
- Thủ trưởng các đơn vị thuộc NHNN;
- Ngân hàng thương mại;
- Chi nhánh ngân hàng nước ngoài;
- Công báo;
- Cổng thông tin điện tử NHNN;
- Lưu: VT, Cục QLNH (04).



Phạm Thanh Hà



Phụ lục số 01

(Ban hành kèm theo Thông tư số 4/2026/TT-NHNN ngày 10 tháng 6 năm 2026 của
Tổng đốc Ngân hàng nhà nước Việt Nam)

TÊN NHÀ ĐẦU TƯ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số:

....., ngày..... tháng năm

VĂN BẢN ĐĂNG KÝ GIAO DỊCH NGOẠI HỐI LẦN ĐẦU
LIÊN QUAN ĐẾN HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ RA NƯỚC NGOÀI
(Dự án thuộc diện cấp Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư ra nước ngoài)

Kính gửi:

Ngân hàng Nhà nước Việt Nam (Cục Quản lý ngoại hối);
(hoặc) Ngân hàng Nhà nước Khu vực

Căn cứ Nghị định số 103/2026/NĐ-CP ngày 31/03/2026 của Chính phủ quy định về đầu tư ra nước ngoài;

Căn cứ Thông tư số .../2026/TT-NHNN ngày .../.../2026 của Ngân hàng Nhà nước hướng dẫn về quản lý ngoại hối đối với hoạt động đầu tư ra nước ngoài;

Căn cứ Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư ra nước ngoài số ngày;

Căn cứ vào thỏa thuận, cam kết tiến độ góp vốn đầu tư ra nước ngoài của dự án hoặc dự kiến tiến độ góp vốn đầu tư ra nước ngoài của {Tên nhà đầu tư};

{Tên nhà đầu tư} đăng ký giao dịch ngoại hối lần đầu liên quan đến hoạt động đầu tư ra nước ngoài đối với Dự án thuộc diện cấp Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư ra nước ngoài với Ngân hàng Nhà nước (Cục Quản lý ngoại hối)/Ngân hàng Nhà nước Khu vực ... như sau:

I. THÔNG TIN VỀ NHÀ ĐẦU TƯ

1. Tên nhà đầu tư:

2. Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp¹ số:; ngày cấp.....; cơ quan cấp.....

Hoặc:

Mã số định danh cá nhân [nếu nhà đầu tư là cá nhân]:

3. Địa chỉ trụ sở/Địa chỉ thường trú (đối với nhà đầu tư là cá nhân):

¹ Hoặc tài liệu khác về tư cách pháp lý của tổ chức/doanh nghiệp: Giấy chứng nhận thành lập, Quyết định thành lập hoặc tài liệu khác có giá trị pháp lý tương đương.

4. Địa chỉ liên hệ:

5. Số điện thoại: Email:.....

II. THÔNG TIN VỀ DỰ ÁN ĐẦU TƯ Ở NƯỚC NGOÀI:

1. Văn bản cho phép mở chi nhánh, văn phòng đại diện, ở nước ngoài số ngày..... [*đối với nhà đầu tư là tổ chức tín dụng*]:

2. Văn bản chấp thuận hoặc cấp phép đầu tư do cơ quan có thẩm quyền của nước tiếp nhận đầu tư cấp hoặc tài liệu có giá trị tương đương theo quy định tại khoản 2 Điều 14 Thông tư .../2026/TT-NHNN (*ghi rõ loại văn bản, số văn bản, ngày cấp, cơ quan cấp ...*):

3. Tên dự án/Tên Hợp đồng BCC/Tên Tổ chức kinh tế ở nước ngoài:

4. Địa điểm thực hiện dự án:

5. Quốc gia đầu tư:

6. Tổng vốn đầu tư ra nước ngoài được cấp phép theo Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư ra nước ngoài:

7. Giá trị góp vốn của nhà đầu tư Việt Nam:; Trong đó:

- Bằng tiền:...(bằng đồng tiền ghi trên Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư ra nước ngoài); tương đương.....Đô la Mỹ; tương đươngđồng Việt Nam.

- Bằng giá trị góp vốn khác theo quy định của pháp luật (Máy móc; hàng hóa; hoán đổi cổ phần, phần vốn góp; tài sản khác, ...) (*chi tiết các hình thức góp vốn đầu tư ra nước ngoài theo quy định tại Điều 6 Nghị định số 103/2026/NĐ-CP*): đồng tiền ghi trên Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư ra nước ngoài (*ghi rõ số tiền bằng số, bằng chữ*); tương đương..... Đô la Mỹ; tương đương đồng Việt Nam.

8. Số tiền đã chuyển ra nước ngoài trước đầu tư (nếu có):..... (*ghi rõ số tiền bằng số, bằng chữ và loại đồng tiền thực tế chuyển*), tương đương Đô la Mỹ, tương đươngđồng tiền vốn đầu tư. (*Tỷ giá quy đổi theo quy định tại khoản 4 Điều 5 Thông tư này*).

- Thời gian chuyển:

- Mục đích sử dụng:

- Số tài khoản trước đầu tư: (theo loại đồng tiền);

- Mở tại:chi nhánh

III. NỘI DUNG ĐĂNG KÝ VỀ GIAO DỊCH NGOẠI HỐI LIÊN QUAN ĐẾN HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ RA NƯỚC NGOÀI

1. Vốn đầu tư đăng ký chuyển ra nước ngoài bằng tiền theo Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư:(bằng đồng tiền vốn đầu tư quy định tại khoản 2 Điều 4).

2. Tài khoản vốn đầu tư {theo loại đồng tiền} số:, mở tại:, ngày; (*Nhà đầu tư cần kê khai tất cả tài khoản vốn đầu tư đã*

mở tại ngân hàng được phép)

3. Đăng ký tiến độ chuyển vốn đầu tư bằng tiền ra nước ngoài:

STT	Thời gian chuyển vốn dự kiến	Số vốn đầu tư bằng tiền dự kiến chuyển ra nước ngoài
1		
2		
...		
Tổng		

IV. CAM KẾT

1. Người ký tên dưới đây (đại diện có thẩm quyền của nhà đầu tư) cam kết chịu trách nhiệm trước pháp luật về tính hợp pháp, chính xác, trung thực của nội dung trong văn bản Đăng ký giao dịch ngoại hối liên quan đến hoạt động đầu tư ra nước ngoài và các tài liệu kèm theo Hồ sơ đăng ký nêu trên của {Tên nhà đầu tư}.

2. {Tên nhà đầu tư} cam kết:

- Chịu trách nhiệm trước pháp luật về tính hợp pháp, chính xác, đầy đủ, trung thực của hồ sơ, tài liệu, nội dung của văn bản Đăng ký giao dịch ngoại hối lần đầu;

- Thực hiện đúng các quy định tại Thông tư số .../2026/TT-NHNN ngày .../.../2026 của Ngân hàng Nhà nước hướng dẫn về quản lý ngoại hối đối với hoạt động đầu tư ra nước ngoài và các quy định khác của pháp luật có liên quan.

Hồ sơ đính kèm:

(Nhà đầu tư liệt kê thành phần hồ sơ

theo quy định tại Điều 14

Thông tư số .../2026/TT-NHNN)

- Bản chụp tỷ giá của ngân hàng được phép tại thời điểm lập văn bản đăng ký giao dịch ngoại hối)

NHÀ ĐẦU TƯ

(Nhà đầu tư cá nhân/chủ hộ kinh doanh/người đại diện theo pháp luật của tổ chức/doanh nghiệp ký, ghi rõ họ tên, chức danh và đóng dấu nếu có)



Phụ lục số 02

(Ban hành kèm theo Thông tư số ~~44~~ 44/2026/TT-NHNN ngày ~~30~~ 30 tháng 6 năm 2026 của
Tổng đốc Ngân hàng nhà nước Việt Nam)

TÊN NHÀ ĐẦU TƯ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số:

....., ngày..... tháng năm

VĂN BẢN ĐĂNG KÝ GIAO DỊCH NGOẠI HỐI LẦN ĐẦU
LIÊN QUAN ĐẾN HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ RA NƯỚC NGOÀI
(Dự án không thuộc diện cấp Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư ra nước ngoài)

Kính gửi:

Ngân hàng Nhà nước Việt Nam (Cục Quản lý ngoại hối);
(hoặc) Ngân hàng Nhà nước Khu vực

Căn cứ Nghị định số 103/2026/NĐ-CP ngày 31/03/2026 của Chính phủ quy định về đầu tư ra nước ngoài;

Căn cứ Thông tư số .../2026/TT-NHNN ngày .../.../2026 của Ngân hàng Nhà nước hướng dẫn về quản lý ngoại hối đối với hoạt động đầu tư ra nước ngoài.

Căn cứ Mã số khai hồ sơ tự động trên Hệ thống thông tin quốc gia về đầu tư
.....

Căn cứ vào thỏa thuận, cam kết tiến độ góp vốn đầu tư ra nước ngoài của dự án hoặc dự kiến tiến độ góp vốn đầu tư ra nước ngoài của {Tên nhà đầu tư};

{Tên nhà đầu tư} đăng ký giao dịch ngoại hối lần đầu liên quan đến hoạt động đầu tư ra nước ngoài đối với Dự án không thuộc diện cấp Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư ra nước ngoài như sau:

I. THÔNG TIN VỀ NHÀ ĐẦU TƯ

1. Tên nhà đầu tư thứ 1 đăng ký giao dịch ngoại hối lần đầu:

1.1. Thông tin pháp lý của nhà đầu tư:

- Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp¹ số:; ngày cấp.....; cơ quan cấp.....

- Loại hình tổ chức, doanh nghiệp:

☐ **Doanh nghiệp Nhà nước**

¹ Hoặc tài liệu khác về tư cách pháp lý của tổ chức/doanh nghiệp: Giấy chứng nhận thành lập, Quyết định thành lập hoặc tài liệu khác có giá trị pháp lý tương đương.

Tên cơ quan đại diện chủ sở hữu (nếu có): ... ; Tỷ lệ % vốn nhà nước:...

☐ **Tổ chức kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài**

Tỷ lệ % vốn nước ngoài:...

☐ **Tổ chức kinh tế khác**

- Mã số định danh cá nhân [nếu nhà đầu tư là cá nhân]:

1.2. Địa chỉ trụ sở:

1.3. Địa chỉ liên hệ:

1.4. Số điện thoại: Email:

2. Tên nhà đầu tư khác có liên quan (nếu có):

(khai tương tự nhà đầu tư thứ 1)

II. THÔNG TIN VỀ DỰ ÁN ĐẦU TƯ Ở NƯỚC NGOÀI

1. Văn bản chấp thuận hoặc cấp phép đầu tư do cơ quan có thẩm quyền của nước tiếp nhận đầu tư cấp hoặc tài liệu có giá trị tương đương theo quy định tại khoản 2 Điều 14 Thông tư .../2026/TT-NHNN (ghi rõ loại văn bản, số văn bản, ngày cấp, cơ quan cấp ...):

2. Hình thức đầu tư:

[Nhà đầu tư tích [x] vào một trong những hình thức đầu tư dưới đây]:

- ☐ Thành lập tổ chức kinh tế theo quy định của pháp luật quốc gia/vùng lãnh thổ tiếp nhận đầu tư
- ☐ Góp vốn/mua cổ phần/mua phần vốn góp của tổ chức kinh tế ở nước ngoài để tham gia quản lý tổ chức kinh tế đó
- ☐ Đầu tư theo hình thức Hợp đồng BCC ở nước ngoài
- ☐ Hình thức đầu tư khác theo quy định của pháp luật quốc gia/vùng lãnh thổ tiếp nhận đầu tư: ... (ghi rõ loại hình thức đầu tư khác)

3. Tên Dự án/ Tên Hợp đồng BCC/ Tên tổ chức kinh tế ở nước ngoài [đối với dự án thành lập tổ chức kinh tế ở nước ngoài]/ Tên đối tác nước ngoài tham gia Dự án [trường hợp nhà đầu tư đăng ký theo hình thức góp vốn, mua cổ phần, mua phần vốn góp của tổ chức kinh tế ở nước ngoài]:

4. Địa điểm thực hiện Dự án:

5. Thời gian thực hiện Dự án: từ năm đến năm

6. Tổng vốn đầu tư ra nước ngoài đăng ký theo Mã số khai hồ sơ tự động trên Hệ thống thông tin quốc gia về đầu tư: (ghi rõ số tiền bằng số, bằng chữ và loại đồng tiền vốn đầu tư theo quy định tại khoản 2 Điều 4 Thông tư .../2026/TT-NHNN), tương đương Đô la Mỹ, tương đương đồng Việt Nam.

7. Giá trị góp vốn bằng tiền của nhà đầu tư Việt Nam: (ghi rõ số tiền bằng số, bằng chữ và loại đồng tiền vốn đầu tư), tương đương đô la Mỹ, tương đương đồng Việt Nam. Trong đó:

- Vốn chủ sở hữu: (ghi rõ số tiền bằng số, bằng chữ và loại đồng tiền vốn đầu tư), tương đương đô la Mỹ, tương đương đồng Việt Nam.

- Vốn vay: (ghi rõ số tiền bằng số, bằng chữ và loại đồng tiền vốn đầu tư), tương đương đô la Mỹ, tương đương đồng Việt Nam; (không áp dụng đối với dự án thuộc khoản 4 Điều 18 Nghị định số 103/2026/NĐ-CP).

- Nguồn vốn vay: (không áp dụng đối với dự án thuộc khoản 4 Điều 18 Nghị định số 103/2026/NĐ-CP).

8. Giá trị góp vốn của nhà đầu tư Việt Nam bằng các hình thức khác theo quy định của pháp luật (Máy móc; hàng hóa; hoán đổi cổ phần; tài sản khác) (chi tiết các hình thức góp vốn đầu tư ra nước ngoài theo quy định tại Điều 6 Nghị định số 103/2026/NĐ-CP): (ghi rõ số tiền bằng số, bằng chữ và loại đồng tiền vốn đầu tư), tương đương đô la Mỹ, tương đương đồng Việt Nam.

9. Số tiền đã chuyển ra nước ngoài trước đầu tư (nếu có): (ghi rõ số tiền bằng số, bằng chữ và loại đồng tiền chuyển thực tế), tương đương Đô la Mỹ, tương đương đồng tiền vốn đầu tư. (Tỷ giá quy đổi theo quy định tại khoản 4 Điều 5 Thông tư này).

- Thời gian chuyển:

- Mục đích sử dụng:

- Số tài khoản trước đầu tư: (theo loại đồng tiền); mở tại

10. Liệt kê cụ thể tỷ giá quy đổi, kèm theo bản chụp tỷ giá của ngân hàng được phép:

(Tỷ giá quy đổi giữa đồng tiền vốn đầu tư và đồng Đô la Mỹ và tỷ giá quy đổi giữa đồng tiền vốn đầu tư sang đồng Việt Nam áp dụng theo tỷ giá bán chuyển khoản ngoại tệ niêm yết trên website của ngân hàng được phép nơi nhà đầu tư mở tài khoản vốn đầu tư tại thời điểm nhà đầu tư lập Đơn đăng ký giao dịch ngoại hối)

III. NỘI DUNG ĐĂNG KÝ VỀ GIAO DỊCH NGOẠI HỐI LIÊN QUAN ĐẾN HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ RA NƯỚC NGOÀI

1. Vốn đầu tư đăng ký chuyển ra nước ngoài bằng tiền (theo nội dung đăng ký Mã số khai hồ sơ tự động trên Hệ thống thông tin quốc gia về đầu tư): (ghi rõ số tiền bằng số, bằng chữ và loại đồng tiền vốn đầu tư).

2. Tài khoản vốn đầu tư {theo từng loại đồng tiền} số:, mở tại:, ngày

3. Đăng ký tiến độ chuyển vốn đầu tư ra nước ngoài bằng tiền (chỉ áp dụng đối với trường hợp dự án có phát sinh chuyển vốn đầu tư ra nước ngoài bằng tiền):

STT	Thời gian chuyển vốn dự kiến	Số vốn đầu tư bằng tiền dự kiến chuyển ra nước ngoài
1		
2		
...		
Tổng		

IV. CAM KẾT

1. Người ký tên dưới đây (đại diện có thẩm quyền của nhà đầu tư) cam kết chịu trách nhiệm trước pháp luật về tính hợp pháp, chính xác, trung thực của nội dung trong Đơn đăng ký giao dịch ngoại hối liên quan đến hoạt động đầu tư ra nước ngoài và các tài liệu kèm theo Hồ sơ đăng ký nêu trên của {Tên nhà đầu tư}.

2. {Tên nhà đầu tư} cam kết thực hiện đúng các quy định tại Thông tư số .../2026/TT-NHNN ngày .../.../2026 của Ngân hàng Nhà nước hướng dẫn về quản lý ngoại hối đối với hoạt động đầu tư ra nước ngoài và các quy định khác của pháp luật có liên quan.

Hồ sơ đính kèm:

(Nhà đầu tư liệt kê thành phần hồ sơ theo quy định tại Điều 15 Thông tư số .../2026/TT-NHNN)
- Bản chụp tỷ giá của ngân hàng được phép tại thời điểm lập văn bản đăng ký giao dịch ngoại hối)

NHÀ ĐẦU TƯ

(Nhà đầu tư cá nhân/chủ hộ kinh doanh/người đại diện theo pháp luật của tổ chức/doanh nghiệp ký, ghi rõ họ tên, chức danh và đóng dấu nếu có)


Phụ lục số 03
(Ban hành kèm theo Thông tư số 34/2026/TT-NHNN ngày 30 tháng 6 năm 2026 của
Tổng đốc Ngân hàng nhà nước Việt Nam)

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

**VĂN BẢN CAM KẾT VỀ SỬ DỤNG NGOẠI TỆ TỰ CÓ
ĐỂ ĐẦU TƯ RA NƯỚC NGOÀI**

Kính gửi: Ngân hàng Nhà nước Việt Nam (Cục Quản lý ngoại hối)

Căn cứ Nghị định số 103/2026/NĐ-CP ngày 31/03/2026 của Chính phủ quy định về đầu tư ra nước ngoài và Thông tư số.../2026/TT-NHNN ngày 30/06/2026 hướng dẫn về quản lý ngoại hối đối với hoạt động đầu tư ra nước ngoài, {tên nhà đầu tư} cam kết:

- Không mua ngoại tệ và không sử dụng nguồn vốn vay để đầu tư ra nước ngoài cho dự án.....; Chỉ sử dụng nguồn ngoại tệ tự có trên tài khoản của ... {tên nhà đầu tư} để chuyển vốn đầu tư ra nước ngoài đối với dự án {ghi rõ tên dự án đầu tư} tại {tên nước tiếp nhận đầu tư}.

- Cụ thể, {tên nhà đầu tư} ... hiện có số ngoại tệ trên tài khoản số, mở tại ... {tên tổ chức tín dụng} với số dư tính đến ngày... tháng... năm... là... (ghi rõ số tiền bằng số, bằng chữ và loại ngoại tệ), đảm bảo đáp ứng nhu cầu chuyển tiền ra nước ngoài để thực hiện dự án {ghi rõ tên dự án đầu tư} tại {tên nước tiếp nhận đầu tư}.

{Tên nhà đầu tư} ... xin gửi kèm theo văn bản của ... {tên tổ chức tín dụng} xác nhận số dư trên tài khoản ngoại tệ với nội dung nêu trên.

{Tên nhà đầu tư} cam kết và tự chịu trách nhiệm trước pháp luật về việc sử dụng nguồn vốn hợp pháp để đầu tư ra nước ngoài cho dự án.....; chịu trách nhiệm trước pháp luật về tính trung thực, chính xác của nội dung kê khai và về nội dung cam kết tại văn bản này.

....., ngày ... tháng ... năm ...

Tên nhà đầu tư

(Người đại diện theo pháp luật của tổ chức/doanh nghiệp ký, ghi rõ họ tên, chức danh và đóng dấu)

9

**Phụ lục số 04**
(Ban hành kèm theo Thông tư số 4/2026/TT-NHNN ngày 12 tháng 6 năm 2026 của
Thống đốc Ngân hàng nhà nước Việt Nam)

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

VĂN BẢN CAM KẾT KHÔNG SỬ DỤNG VỐN VAY

(Áp dụng đối với dự án đầu tư ra nước ngoài của tổ chức kinh tế khác quy định tại
khoản 4 Điều 18 Nghị định số 103/2026/NĐ-CP)

Kính gửi: Ngân hàng Nhà nước Việt Nam (Cục Quản lý ngoại hối)

Thực hiện quy định tại Nghị định số 103/2026/NĐ-CP ngày 31/03/2026 của Chính phủ quy định về đầu tư ra nước ngoài và Thông tư số .../2026/TT-NHNN ngày .../.../2026 hướng dẫn về quản lý ngoại hối đối với hoạt động đầu tư ra nước ngoài, {tên nhà đầu tư} cam kết:

- Không sử dụng nguồn vốn vay để chuyển vốn đầu tư ra nước ngoài đối với dự án {ghi rõ tên dự án đầu tư}, tại {tên nước tiếp nhận đầu tư};

- Vốn đầu tư ra nước ngoài bằng tiền của ... {tên nhà đầu tư} đối với dự án nêu trên được sử dụng từ nguồn vốn hợp pháp: ... (ghi rõ số tiền, loại đồng tiền vốn đầu tư và nguồn vốn: vốn chủ sở hữu, lợi nhuận giữ lại để tái đầu tư, ...).

{Tên nhà đầu tư} chịu trách nhiệm trước pháp luật về tính trung thực, chính xác của nội dung kê khai và về nội dung cam kết không sử dụng nguồn vốn vay để đầu tư ra nước ngoài.

....., ngày ... tháng ... năm ...

Tên nhà đầu tư

(Người đại diện theo pháp luật của tổ chức/doanh
nghiệp ký, ghi rõ họ tên, chức danh và đóng dấu)





Phụ lục số 05

(Ban hành kèm theo Thông tư số 14/2026/TT-NHNN ngày 10 tháng 6... năm 2026 của
Thống đốc Ngân hàng nhà nước Việt Nam)

TÊN NHÀ ĐẦU TƯ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số:

....., ngày tháng năm ...

**VĂN BẢN ĐĂNG KÝ THAY ĐỔI GIAO DỊCH NGOẠI HỐI
LIÊN QUAN ĐẾN HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ RA NƯỚC NGOÀI**

(Dự án thuộc diện cấp Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư ra nước ngoài)

Kính gửi:

Ngân hàng Nhà nước Việt Nam (Cục Quản lý ngoại hối);

(hoặc) Ngân hàng Nhà nước Khu vực

Căn cứ Nghị định số 103/2026/NĐ-CP ngày 31/03/2026 của Chính phủ quy
định về đầu tư ra nước ngoài;

Căn cứ Thông tư số .../2026/TT-NHNN ngày .../.../2026 của Ngân hàng Nhà
nước hướng dẫn về quản lý ngoại hối đối với hoạt động đầu tư ra nước ngoài;

Căn cứ Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư ra nước ngoài điều chỉnh số,
ngày

Căn cứ các thỏa thuận, cam kết hoặc các tài liệu khác về việc thay đổi liên quan
đến hoạt động đầu tư ra nước ngoài của ... {tên nhà đầu tư};

{Tên nhà đầu tư} ... đăng ký thay đổi giao dịch ngoại hối liên quan đến hoạt
động đầu tư ra nước ngoài đối với dự án {tên dự án}, tại {nước tiếp nhận dự
án} như sau:

I. THÔNG TIN VỀ NHÀ ĐẦU TƯ VÀ DỰ ÁN ĐẦU TƯ

1. Tên nhà đầu tư:.....

**2. Văn bản xác nhận đăng ký giao dịch ngoại hối lần đầu liên quan đến hoạt
động đầu tư ra nước ngoài của Ngân hàng Nhà nước/Ngân hàng Nhà nước Khu vực
số ngày**

**3. Văn bản xác nhận đăng ký thay đổi giao dịch ngoại hối liên quan đến hoạt
động đầu tư ra nước ngoài số ngày**

(Liệt kê theo trình tự thời gian tất cả các văn bản xác nhận đăng ký thay đổi)

**4. Tổng vốn đầu tư của dự án tại nước ngoài được cấp phép theo Giấy chứng
nhận đăng ký đầu tư ra nước ngoài/Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư ra nước ngoài
điều chỉnh: đồng tiền vốn đầu tư (theo quy định tại khoản 2 Điều 4 Thông tư**

này), tương đương đô la Mỹ, tương đương đồng Việt Nam. Trong đó liệt kê chi tiết các thông tin liên quan đến giá trị góp vốn của nhà đầu tư Việt Nam:

- Vốn đầu tư bằng tiền đăng ký chuyển ra nước ngoài: đồng tiền vốn đầu tư, tương đương đô la Mỹ, tương đương đồng Việt Nam.

- Vốn đầu tư bằng tiền đã chuyển ra nước ngoài (lũy kế): đồng tiền thực tế đã chuyển ra nước ngoài, tương đương đồng tiền vốn đầu tư; tương đương Đô la Mỹ, tương đương đồng Việt Nam.

- Vốn đầu tư bằng hàng hóa, máy móc, thiết bị (lũy kế): đồng tiền vốn đầu tư, tương đương đô la Mỹ, tương đương đồng Việt Nam.

- Lợi nhuận thu được của dự án đã giữ lại để tái đầu tư (lũy kế) (chi tiết theo quy định tại Điều 33 Nghị định số 103/2026-ND-CP): đồng tiền vốn đầu tư, tương đương đô la Mỹ, tương đương đồng Việt Nam.

- Nội dung liên quan khác:.....

5. Vốn và lợi nhuận, các khoản thu hợp pháp đã chuyển về Việt Nam (nếu có):

- Vốn đầu tư bằng tiền chuyển về Việt Nam: đồng tiền vốn đầu tư, tương đương Đô la Mỹ, tương đương đồng Việt Nam.

+ Giá trị vốn đầu tư bằng tiền đã chuyển về Việt Nam do giảm vốn đầu tư,.....: đồng tiền vốn đầu tư, tương đương Đô la Mỹ, tương đương đồng Việt Nam.

+ Giá trị vốn đầu tư bằng tiền đã thu hồi và chuyển về Việt Nam theo quy định tại khoản 3 Điều 6 Nghị định số 103/2026/NĐ-CP:đồng tiền vốn đầu tư, tương đương đô la Mỹ, tương đương đồng Việt Nam.

- Lợi nhuận, khoản thu hợp pháp đã chuyển về Việt Nam (lũy kế): đồng tiền vốn đầu tư, tương đương đô la Mỹ, tương đương đồng Việt Nam.

6. Số tài khoản vốn đầu tư: Nơi mở:

(Tỷ giá quy đổi áp dụng theo quy định tại Điều 5 Thông tư này, liệt kê chi tiết tỷ giá).

II. NỘI DUNG ĐĂNG KÝ THAY ĐỔI GIAO DỊCH NGOẠI HỐI LIÊN QUAN ĐẾN HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ RA NƯỚC NGOÀI THEO QUY ĐỊNH TẠI ĐIỀU 16 THÔNG TƯ .../2026/TT-NHNN

1. Thay đổi 1:.....

- Nội dung đã được Ngân hàng Nhà nước/Ngân hàng Nhà nước Khu vực xác nhận đăng ký:

- Nội dung đề nghị thay đổi:

- Lý do thay đổi:

2. Thay đổi n:....

- Nội dung đã được Ngân hàng Nhà nước//Ngân hàng Nhà nước Khu vực xác nhận đăng ký:

- Nội dung đề nghị thay đổi:

- Lý do thay đổi:

* Ghi chú:

- Đối với nội dung thay đổi quy định tại điểm đ, e khoản 1 Điều 16 Thông tư này, nhà đầu tư đăng ký: số vốn đầu tư bằng tiền đăng ký chuyển ra nước ngoài và đăng ký tiến độ chuyển vốn đầu tư bằng tiền ra nước ngoài.

- Đối với nội dung thay đổi quy định tại điểm i khoản 1 Điều 16, nhà đầu tư đăng ký: số vốn đầu tư còn lại chuyển ra nước ngoài (số vốn đầu tư còn lại chuyển ra nước ngoài được xác định bằng số vốn đầu tư được phép chuyển ra nước ngoài tại văn bản xác nhận đăng ký giao dịch ngoại hối lần gần nhất trừ đi số vốn đầu tư đã chuyển ra nước ngoài, trừ đi lợi nhuận đề nghị giữ lại để tiếp tục góp vốn đầu tư).

III. CAM KẾT

1. Người ký tên dưới đây (đại diện hợp pháp của nhà đầu tư) cam kết chịu trách nhiệm về sự chính xác của các thông tin ghi trong văn bản Đăng ký thay đổi giao dịch ngoại hối liên quan đến hoạt động đầu tư ra nước ngoài và các tài liệu kèm theo Hồ sơ đăng ký thay đổi nêu trên của ... {Tên nhà đầu tư}.

2. Đối với các trường hợp yêu cầu thành phần hồ sơ gồm văn bản xác nhận của ngân hàng được phép nơi nhà đầu tư mở tài khoản vốn đầu tư, {Tên nhà đầu tư} cam kết không phát sinh số liệu về chuyển tiền liên quan đến hoạt động đầu tư ra nước ngoài từ thời điểm ngân hàng được phép có văn bản xác nhận đến thời điểm nhà đầu tư nộp hồ sơ đăng ký thay đổi giao dịch ngoại hối.

3. {Tên nhà đầu tư} cam kết thực hiện đúng các quy định tại Thông tư số .../2026/TT-NHNN ngày .../.../2026 của Ngân hàng Nhà nước hướng dẫn về quản lý ngoại hối đối với hoạt động đầu tư ra nước ngoài và các quy định khác của pháp luật có liên quan.

Hồ sơ đính kèm:

(Nhà đầu tư liệt kê hồ sơ theo quy định tại Điều 17

Thông tư số .../2026/TT-NHNN)

- Bản chụp tỷ giá của ngân hàng được phép tại thời điểm lập văn bản đăng ký giao dịch ngoại hối)

NHÀ ĐẦU TƯ

(Nhà đầu tư cá nhân/chủ hộ kinh doanh/người đại diện theo pháp luật của tổ chức/doanh nghiệp ký, ghi rõ họ tên, chức danh và đóng dấu nếu có)

✍

Phụ lục số 06
(Ban hành kèm theo Thông tư số 44/2026/TT-NHNN ngày 10 tháng 6 năm 2026 của
Thống đốc Ngân hàng nhà nước Việt Nam)

TÊN NHÀ ĐẦU TƯ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số:

....., ngày tháng năm

VĂN BẢN ĐĂNG KÝ THAY ĐỔI GIAO DỊCH NGOẠI HỐI
LIÊN QUAN ĐẾN HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ RA NƯỚC NGOÀI
(Dự án không thuộc diện cấp Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư ra nước ngoài)

Kính gửi:

Ngân hàng Nhà nước Việt Nam (Cục Quản lý ngoại hối);
(hoặc) Ngân hàng Nhà nước Khu vực

Căn cứ Nghị định số 103/2026/NĐ-CP ngày 31/03/2026 của Chính phủ quy định về đầu tư ra nước ngoài;

Căn cứ Thông tư số .../2026/TT-NHNN ngày .../.../2026 của Ngân hàng Nhà nước hướng dẫn về quản lý ngoại hối đối với hoạt động đầu tư ra nước ngoài;

Căn cứ Mã số khai hồ sơ tự động trên Hệ thống thông tin quốc gia về đầu tư số;

Căn cứ Văn bản xác nhận đăng ký giao dịch ngoại hối lần đầu sốngày... và các văn bản xác nhận đăng ký thay đổi giao dịch ngoại hối của Ngân hàng Nhà nước/Ngân hàng Nhà nước Khu vực;

Căn cứ các thỏa thuận, cam kết hoặc các tài liệu khác về việc thay đổi liên quan đến hoạt động đầu tư ra nước ngoài của ... {tên nhà đầu tư};

{Tên nhà đầu tư} ... đăng ký thay đổi giao dịch ngoại hối liên quan đến hoạt động đầu tư ra nước ngoài đối với dự án {tên dự án}, tại {nước tiếp nhận dự án} như sau:

I. THÔNG TIN VỀ NHÀ ĐẦU TƯ VÀ DỰ ÁN ĐẦU TƯ

1. Tên nhà đầu tư:.....

2. Văn bản xác nhận đăng ký giao dịch ngoại hối lần đầu liên quan đến hoạt động đầu tư ra nước ngoài của Ngân hàng Nhà nước/Ngân hàng Nhà nước Khu vực số ngày;

3. Văn bản xác nhận đăng ký thay đổi giao dịch ngoại hối liên quan đến hoạt động đầu tư ra nước ngoài sốngày

(Liệt kê theo trình tự thời gian tất cả các văn bản xác nhận đăng ký thay đổi)

4. Tổng vốn đầu tư của dự án ra nước ngoài đăng ký theo Mã số khai hồ sơ tự

động trên Hệ thống thông tin quốc gia về đầu tư: đồng tiền vốn đầu tư (theo quy định tại khoản 2 Điều 4 Thông tư này), tương đương Đô la Mỹ; tương đương đồng Việt Nam.

5. Vốn đầu tư bằng tiền của nhà đầu tư Việt Nam được phép chuyển ra nước ngoài tại văn bản xác nhận đăng ký giao dịch ngoại hối lần đầu/văn bản đăng ký thay đổi giao dịch ngoại hối lần gần nhất: đồng tiền vốn đầu tư, tương đương Đô la Mỹ, tương đương đồng Việt Nam.

6. Vốn đầu tư bằng tiền đã chuyển ra nước ngoài (lũy kế): đồng tiền thực tế chuyển; tương đương đồng tiền vốn đầu tư; tương đương Đô la Mỹ, tương đương đồng Việt Nam.

7. Vốn đầu tư bằng hàng hóa, máy móc, thiết bị: đồng tiền thực tế chuyển; tương đương đồng tiền vốn đầu tư; tương đương đô la Mỹ, tương đương đồng Việt Nam.

8. Lợi nhuận thu được của dự án giữ lại để tái đầu tư (lũy kế) (chi tiết theo quy định tại Điều 33 Nghị định số 103/2026-ND-CP): đồng tiền vốn đầu tư, tương đương đô la Mỹ, tương đương đồng Việt Nam.

- Nội dung liên quan khác:...

9. Vốn và lợi nhuận, khoản thu hợp pháp đã chuyển về Việt Nam (nếu có):

- Vốn đầu tư bằng tiền chuyển về Việt Nam (lũy kế): đồng tiền thực tế chuyển về Việt Nam; tương đương đồng tiền vốn đầu tư, tương đương đô la Mỹ, tương đương đồng Việt Nam; trong đó:

+ Giá trị vốn đầu tư bằng tiền đã chuyển về Việt Nam do giảm vốn đầu tư,...: đồng tiền thực tế chuyển về Việt Nam; tương đương đồng tiền vốn đầu tư, tương đương đô la Mỹ, tương đương đồng Việt Nam.

+ Giá trị vốn đầu tư bằng tiền đã thu hồi và chuyển về Việt Nam theo quy định tại khoản 3 Điều 6 Nghị định số 103/2026/NĐ-CP: đồng tiền thực tế chuyển về Việt Nam, tương đương đồng tiền vốn đầu tư, tương đương Đô la Mỹ, tương đương đồng Việt Nam.

- Lợi nhuận, khoản thu hợp pháp đã chuyển về Việt Nam (lũy kế): đồng tiền thực tế chuyển về Việt Nam; tương đương đồng tiền vốn đầu tư, tương đương đô la Mỹ, tương đương đồng Việt Nam.

10. Số tài khoản vốn đầu tư: Nơi mở:

(Tỷ giá quy đổi áp dụng theo quy định tại Điều 5 Thông tư này, liệt kê chi tiết tỷ giá).

II. NỘI DUNG ĐĂNG KÝ THAY ĐỔI GIAO DỊCH NGOẠI HỐI LIÊN QUAN ĐẾN HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ RA NƯỚC NGOÀI THEO QUY ĐỊNH TẠI ĐIỀU 16 THÔNG TƯ/2026/TT-NHNN

1. Thay đổi 1:.....

- Nội dung đã được Ngân hàng Nhà nước/Ngân hàng Nhà nước Khu vực xác

nhận đăng ký:

- Nội dung đề nghị thay đổi:

- Lý do thay đổi:

2. Thay đổi n:....

- Nội dung đã được Ngân hàng Nhà nước/Ngân hàng Nhà nước Khu vực xác nhận đăng ký:

- Nội dung đề nghị thay đổi:

- Lý do thay đổi:

* Ghi chú:

- Đối với nội dung thay đổi quy định tại điểm đ, e khoản 1 Điều 16 Thông tư này, nhà đầu tư đăng ký: số vốn đầu tư bằng tiền đăng ký chuyển ra nước ngoài và đăng ký tiến độ chuyển vốn đầu tư bằng tiền ra nước ngoài.

- Đối với nội dung thay đổi quy định tại điểm i khoản 1 Điều 16, nhà đầu tư đăng ký: số vốn đầu tư còn lại chuyển ra nước ngoài (số vốn đầu tư còn lại chuyển ra nước ngoài được xác định bằng số vốn đầu tư được phép chuyển ra nước ngoài tại văn bản xác nhận đăng ký giao dịch ngoại hối lần gần nhất trừ đi số vốn đầu tư đã chuyển ra nước ngoài, trừ đi lợi nhuận đề nghị giữ lại để tiếp tục góp vốn đầu tư).

III. CAM KẾT

1. Người ký tên dưới đây (đại diện hợp pháp của nhà đầu tư) cam kết chịu trách nhiệm về sự chính xác của các thông tin ghi trong Đơn đăng ký thay đổi giao dịch ngoại hối liên quan đến hoạt động đầu tư ra nước ngoài và các tài liệu kèm theo Hồ sơ đăng ký thay đổi nêu trên của {Tên nhà đầu tư}.

2. Đối với các trường hợp yêu cầu thành phần hồ sơ gồm văn bản xác nhận của ngân hàng được phép nơi nhà đầu tư mở tài khoản vốn đầu tư, {Tên nhà đầu tư} cam kết không phát sinh số liệu về chuyển tiền liên quan đến hoạt động đầu tư ra nước ngoài từ thời điểm ngân hàng được phép có văn bản xác nhận đến thời điểm nhà đầu tư nộp hồ sơ đăng ký thay đổi giao dịch ngoại hối.

3. {Tên nhà đầu tư} cam kết thực hiện đúng các quy định tại Thông tư số.../2026/TT-NHNN ngày 30/6/2026 của Ngân hàng Nhà nước hướng dẫn về quản lý ngoại hối đối với hoạt động đầu tư ra nước ngoài và các quy định khác của pháp luật có liên quan.

Hồ sơ đính kèm:

(Nhà đầu tư liệt kê hồ sơ theo quy định tại Điều 18 Thông tư số .../2026/TT-NHNN)

- Bản chụp tỷ giá của ngân hàng được phép tại thời điểm lập văn bản đăng ký giao dịch ngoại hối)

NHÀ ĐẦU TƯ

(Nhà đầu tư cá nhân/chủ hộ kinh doanh/người đại diện theo pháp luật của tổ chức/doanh nghiệp ký, ghi rõ họ tên, chức danh và đóng dấu nếu có)

9


Phụ lục số 07
(Ban hành kèm theo Thông tư số 4/2026/TT-NHNN ngày 10 tháng 6 năm 2026 của
Thống đốc Ngân hàng nhà nước Việt Nam)

**THÔNG BÁO CÁC NỘI DUNG THAY ĐỔI
ĐĂNG KÝ GIAO DỊCH NGOẠI HỐI**
(theo quy định tại Điều 19 Thông tư .../2026/TT-NHNN)

Kính gửi:

**Ngân hàng Nhà nước Việt Nam (Cục Quản lý ngoại hối);
(hoặc) Ngân hàng Nhà nước Khu vực**

(Các) nhà đầu tư ... (ghi rõ tên nhà đầu tư) thông báo về các nội dung thay đổi
đăng ký giao dịch ngoại hối của dự án đầu tư tại nước ngoài như sau:

1. Thông tin chung về dự án:

- Tên dự án đầu tư:	
- Mã số dự án/Mã số khai hồ sơ tự động:	ngày cấp:
- Văn bản xác nhận ĐKGDNH:	ngày cấp:
- Văn bản xác nhận đăng ký thay đổi GDNH lần gần nhất: ...	
ngày cấp:	
- Quốc gia đầu tư:	
- Thời hạn đầu tư:	
(Tên nhà đầu tư thứ nhất)	
- Địa chỉ	
- Số điện thoại	
- Vốn đăng ký đầu tư ra nước ngoài:	
- Số tài khoản vốn đầu tư:	
- Nơi mở tài khoản vốn đầu tư: Ngân hàng ... - chi nhánh.....	
(Tên nhà đầu tư tiếp theo)	
<i>(khai tương tự nhà đầu tư thứ nhất)</i>	
...	
Số điện thoại của người làm thông báo	Email:

2. Nội dung thay đổi giao dịch ngoại hối:

Nội dung	Trước thay đổi	Sau thay đổi	Ghi chú
- Nội dung thay đổi 1			
...			
- Nội dung thay đổi n			

3. (Các) nhà đầu tư ... (ghi rõ tên nhà đầu tư) cam kết chịu trách nhiệm trước pháp luật về tính trung thực, chính xác của nội dung thông tin nêu trên./.

..., ngày ... tháng ... năm ...

Tên nhà đầu tư (nhà đầu tư cá nhân/chủ hộ kinh doanh/người đại diện theo pháp luật của tổ chức/doanh nghiệp; từng nhà đầu tư ký, ghi rõ họ tên, chức danh và đóng dấu - nếu có)

Ghi chú:

1. **Đối tượng áp dụng:** Nhà đầu tư Việt Nam (cá nhân, tổ chức kinh tế, tổ chức tín dụng...) theo quy định tại Thông tư này.

3. **Hình thức thông báo:** Bằng văn bản và phương thức điện tử.

4. **Đơn vị nhận thông báo:**

- Đối với dự án thuộc thẩm quyền xác nhận đăng ký giao dịch ngoại hối của Ngân hàng Nhà nước Khu vực, nhà đầu tư gửi báo cáo đến Ngân hàng Nhà nước Khu vực nơi xác nhận đăng ký giao dịch ngoại hối lần gần nhất).

- Đối với dự án thuộc thẩm quyền xác nhận đăng ký giao dịch ngoại hối của Ngân hàng nhà nước, nhà đầu tư gửi báo cáo gửi Ngân hàng nhà nước (Cục Quản lý ngoại hối).

5. **ĐKGDNH:** Đăng ký giao dịch ngoại hối.



Phụ lục số 08

(Ban hành kèm theo Thông tư số ~~14~~ **14**/2026/TT-NHNN ngày **10** tháng **6**. năm 2026 của
Thống đốc Ngân hàng nhà nước Việt Nam)

**NGÂN HÀNG NHÀ NƯỚC
VIỆT NAM
CHI NHÁNH KHU VỰC...**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT
NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: /.....

....., ngày tháng năm

V/v xác nhận đăng ký giao dịch ngoại hối
lần đầu liên quan đến hoạt động
đầu tư ra nước ngoài

Kính gửi: {Tên nhà đầu tư}

Căn cứ Nghị định số 103/2026/NĐ-CP ngày 31/03/2026 của Chính phủ quy
định về đầu tư ra nước ngoài;

Căn cứ Thông tư số .../2026/TT-NHNN ngày .../.../2026 của Ngân hàng Nhà
nước hướng dẫn về quản lý ngoại hối đối với hoạt động đầu tư ra nước ngoài;

Trả lời đề nghị của..... {Tên nhà đầu tư} tại văn bản Đăng ký giao dịch
ngoại hối lần đầu liên quan đến hoạt động đầu tư ra nước ngoài số ngày
kèm theo hồ sơ liên quan, Ngân hàng Nhà nước Khu vực có ý kiến như sau:

1. Thông tin về nhà đầu tư

- Tên nhà đầu tư:
- Địa chỉ:
- Số điện thoại: Email:

2. Thông tin về dự án đầu tư ở nước ngoài

Theo hồ sơ đăng ký giao dịch ngoại hối, (tên nhà đầu tư) đăng ký thực hiện:

☐ Dự án thuộc diện cấp Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư ra nước ngoài, Mã
số dự án:, ngày cấp....., cơ quan cấp ...

☐ Dự án không thuộc diện cấp Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư ra nước
ngoài, Mã số khai hồ sơ tự động trên Hệ thống thông tin quốc gia về đầu tư:

- Tên Dự án/ Tên Hợp đồng BCC/ Tên tổ chức kinh tế ở nước ngoài [đối với
dự án thành lập tổ chức kinh tế ở nước ngoài]/ Tên đối tác nước ngoài tham gia Dự
án [trường hợp nhà đầu tư đăng ký theo hình thức góp vốn, mua cổ phần, mua phần
vốn góp của tổ chức kinh tế ở nước ngoài]:

- Quốc gia đầu tư:
- Địa điểm thực hiện dự án:
- Giấy phép của nước tiếp nhận đầu tư sốNgày cấp ... Cơ quan cấp:

.....

- Tổng vốn đầu tư của dự án tại nước ngoài: (ghi rõ số tiền bằng số, bằng chữ và loại đồng tiền vốn đầu tư theo quy định tại khoản 2 Điều 4 Thông tư.....), tương đương đô la Mỹ, tương đương đồng Việt Nam.

- Giá trị góp vốn bằng tiền chuyển ra nước ngoài của nhà đầu tư Việt Nam: ghi rõ số tiền bằng số, bằng chữ và loại đồng tiền vốn đầu tư, tương đương đô la Mỹ, tương đương đồng Việt Nam.

Trong đó:

(i) Vốn chủ sở hữu: (ghi rõ số tiền bằng số, bằng chữ và loại đồng tiền vốn đầu tư), tương đương đô la Mỹ, tương đương đồng Việt Nam;

(ii) Vốn vay: (ghi rõ số tiền bằng số, bằng chữ và loại đồng tiền vốn đầu tư), tương đương đô la Mỹ, tương đương đồng Việt Nam. (Không áp dụng đối với dự án thuộc khoản 4 Điều 18 Nghị định số 103/2026/NĐ-CP.)

- Nguồn vốn vay: (không áp dụng đối với dự án thuộc khoản 4 Điều 18 Nghị định số 103/2026/NĐ-CP).

- Số tiền đã chuyển ra nước ngoài trước đầu tư (nếu có): đồng tiền chuyển vốn thực tế (ghi rõ số tiền bằng số và bằng chữ), tương đương đồng tiền vốn đầu tư, tương đương đô la Mỹ.

- Thời gian chuyển:

- Mục đích sử dụng:

- Tài khoản trước đầu tư số: mở tại ngày

3. Nội dung {Tên nhà đầu tư} đăng ký giao dịch ngoại hối lần đầu liên quan đến hoạt động đầu tư ra nước ngoài với Ngân hàng Nhà nước Khu vực

- Vốn đầu tư đăng ký chuyển ra nước ngoài bằng tiền: (bằng đồng tiền vốn đầu tư quy định tại khoản 2 Điều 4).

- Tài khoản vốn đầu tư {theo loại đồng tiền} số:, mở tại:, ngày

- Đăng ký tiến độ chuyển vốn đầu tư bằng tiền ra nước ngoài:

STT	Thời gian chuyển vốn dự kiến	Số vốn đầu tư bằng tiền dự kiến chuyển ra nước ngoài
1		
2		
...		
Tổng		

4. Nội dung xác nhận đăng ký giao dịch ngoại hối lần đầu liên quan đến hoạt động đầu tư ra nước ngoài của Ngân hàng Nhà nước Khu vực cho {Tên nhà đầu tư} như sau:

Xác nhận{Tên nhà đầu tư} đã đăng ký giao dịch ngoại hối lần đầu liên

quan đến hoạt động đầu tư ra nước ngoài theo quy định tại Thông tư số.../2026/TT-NHNN ngày 30/6/2026 của Ngân hàng Nhà nước hướng dẫn về quản lý ngoại hối đối với hoạt động đầu tư ra nước ngoài.

- Vốn đầu tư bằng tiền {tên nhà đầu tư} được phép chuyển ra nước ngoài để thực hiện dự án tại.....: (ghi rõ số tiền bằng số, bằng chữ và 01 loại đồng tiền vốn đầu tư).

- Tài khoản vốn đầu tư {theo loại đồng tiền} số:, mở tại:, ngày

- Tiến độ chuyển vốn đầu tư ra nước ngoài bằng đồng tiền vốn đầu tư:

STT	Thời gian chuyển vốn dự kiến	Số vốn đầu tư bằng tiền chuyển ra nước ngoài
1		
2		
...		
Tổng		

5. Khi thực hiện dự án đầu tư ra nước ngoài, {Tên nhà đầu tư} phải chấp hành đúng các quy định của pháp luật về đầu tư ra nước ngoài, các quy định về quản lý ngoại hối của Việt Nam và nước tiếp nhận đầu tư; đồng thời chấp hành nghiêm túc chế độ báo cáo thống kê và thông báo theo quy định tại Thông tư số/2026/TT-NHNN ngày .../.../2026 của Ngân hàng Nhà nước hướng dẫn về quản lý ngoại hối đối với hoạt động đầu tư ra nước ngoài.

6. {Tên nhà đầu tư} tự chịu trách nhiệm trước pháp luật về tính hợp pháp và hiệu quả của số vốn đầu tư đăng ký chuyển ra nước ngoài bằng tiền để thực hiện dự án đầu tư (tên dự án) tại.....(địa điểm, quốc gia). Ngân hàng Nhà nước Khu vực....., không chịu bất cứ trách nhiệm pháp lý và tài chính nào ngoài việc xác nhận {Tên nhà đầu tư} đã đăng ký giao dịch ngoại hối liên quan đến hoạt động đầu tư ra nước ngoài theo các nội dung tại điểm 3 của công văn này.

7. {Tên nhà đầu tư} phải chịu trách nhiệm trước pháp luật về tính hợp pháp của số vốn đầu tư chuyển ra nước ngoài bằng tiền cho dự án.....; chịu trách nhiệm trước pháp luật về tính trung thực, chính xác của các hồ sơ, tài liệu cung cấp cho Ngân hàng Nhà nước chi nhánh Khu vực....

8. Văn bản xác nhận đăng ký giao dịch ngoại hối lần đầu liên quan đến hoạt động đầu tư ra nước ngoài có hiệu lực kể từ ngày ký và tự động hết hiệu lực theo quy định tại Điều 23 Thông tư này.

Ngân hàng Nhà nước Khu vựcthông báo để {Tên nhà đầu tư} biết và thực hiện.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Bộ Tài chính;
- Cục QLNH;
- Ngân hàng được phép (để p/h);
- Lưu

GIÁM ĐỐC NGÂN HÀNG NHÀ NƯỚC
CHI NHÁNH KHU VỰC ...
 (Ký, đóng dấu, ghi rõ họ tên)

(Chữ ký)



Phụ lục số 09

(Ban hành kèm theo Thông tư số .../2026/TT-NHNN ngày ... tháng ... năm 2026 của
Thống đốc Ngân hàng nhà nước Việt Nam)

**NGÂN HÀNG NHÀ NƯỚC
VIỆT NAM
CHI NHÁNH KHU VỰC ...**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số:
V/v xác nhận đăng ký thay đổi
giao dịch ngoại hối liên quan đến
hoạt động đầu tư ra nước ngoài

Ngày tháng năm

Kính gửi: {Tên nhà đầu tư}

Căn cứ Nghị định số 103/2026/NĐ-CP ngày 31/03/2026 của Chính phủ quy
định về đầu tư ra nước ngoài;

Căn cứ Thông tư số .../2026/TT-NHNN ngày .../.../2026 của Ngân hàng Nhà
nước hướng dẫn về quản lý ngoại hối đối với hoạt động đầu tư ra nước ngoài;

Trả lời đề nghị của..... {Tên nhà đầu tư} tại văn bản Đăng ký thay đổi giao
dịch ngoại hối liên quan đến hoạt động đầu tư ra nước ngoài số ngày
kèm theo hồ sơ liên quan, Ngân hàng Nhà nước Khu vực có ý kiến như sau:

1. Xác nhận {Tên nhà đầu tư} đã đăng ký thay đổi giao dịch ngoại hối liên quan
đến hoạt động đầu tư ra nước ngoài tại Ngân hàng Nhà nước Khu vựctheo quy
định tại Thông tư số .../2026/TT-NHNN ngày .../.../2026 của Ngân hàng Nhà nước
hướng dẫn về quản lý ngoại hối đối với hoạt động đầu tư ra nước ngoài.

Loại dự án:

☐ Dự án thuộc diện cấp Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư ra nước ngoài, mã số:
....., ngày cấp Cơ quan cấp

☐ Dự án không thuộc diện cấp Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư ra nước ngoài,
Mã số mã số khai hồ sơ tự động trên Hệ thống thông tin quốc gia về đầu tư:
....., Văn bản xác nhận giao dịch ngoại hối lần đầu số ngày Nơi cấp

2. Nội dung đăng ký thay đổi giao dịch ngoại hối liên quan đến hoạt động đầu tư
ra nước ngoài của {Tên nhà đầu tư} với Ngân hàng Nhà nước Khu vực như
sau:

2.1. Nội dung đăng ký thay đổi 1:....

Lý do:

2.2. Nội dung đăng ký thay đổi n:....

Lý do:

3. Nội dung Ngân hàng Nhà nước Khu vực ... xác nhận đăng ký thay đổi giao

dịch ngoại hối cho {Tên nhà đầu tư}:

3.1. Nội dung 1:

3.2. Nội dung n:

4. Trường hợp thay đổi ngân hàng được phép nơi mở tài khoản vốn đầu tư (gồm cả thay đổi tài khoản bằng loại ngoại tệ khác) hoặc thay đổi tài khoản vốn đầu tư bằng loại ngoại tệ khác tại cùng 01 ngân hàng được phép: Trong thời hạn 10 ngày làm việc kể từ thời điểm được Ngân hàng Nhà nước Khu vực xác nhận đăng ký thay đổi giao dịch ngoại hối, nhà đầu tư thực hiện chuyển số dư trên tài khoản vốn đầu tư đã mở (bao gồm chuyển đổi loại ngoại tệ) sang tài khoản vốn đầu tư mới và đóng tài khoản vốn đầu tư đã mở.

5. Khi thực hiện dự án đầu tư ra nước ngoài, {Tên nhà đầu tư} phải chấp hành đúng các quy định của pháp luật về đầu tư ra nước ngoài, các quy định về quản lý ngoại hối của Việt Nam và nước tiếp nhận đầu tư; đồng thời chấp hành nghiêm túc chế độ báo cáo thống kê và thông báo theo quy định tại Thông tư số .../2026/TT-NHNN ngày .../.../2026 của Ngân hàng Nhà nước hướng dẫn về quản lý ngoại hối đối với hoạt động đầu tư ra nước ngoài.

6. {Tên nhà đầu tư} tự chịu trách nhiệm trước pháp luật về tính hợp pháp và hiệu quả của số vốn đầu tư đăng ký chuyển ra nước ngoài bằng tiền để thực hiện dự án đầu tư (tên dự án) tại.....(địa điểm, quốc gia). Ngân hàng Nhà nước Khu vực....., không chịu bất cứ trách nhiệm pháp lý và tài chính nào ngoài việc xác nhận {Tên nhà đầu tư} đã đăng ký giao dịch ngoại hối liên quan đến hoạt động đầu tư ra nước ngoài theo các nội dung tại điểm 3 của công văn này.

7. {Tên nhà đầu tư} phải chịu trách nhiệm trước pháp luật về tính hợp pháp của số vốn đầu tư chuyển ra nước ngoài bằng tiền cho dự án.....; chịu trách nhiệm trước pháp luật về tính trung thực, chính xác của các hồ sơ, tài liệu cung cấp cho Ngân hàng Nhà nước Khu vực....

8. Văn bản này là một bộ phận không tách rời của văn bản xác nhận đăng ký giao dịch ngoại hối lần đầu liên quan đến hoạt động đầu tư ra nước ngoài của Ngân hàng Nhà nước Khu vựcsố ngày và văn bản xác nhận đăng ký thay đổi giao dịch ngoại hối liên quan đến hoạt động đầu tư ra nước ngoài của Ngân hàng Nhà nước Khu vực số ngày(nếu có).

9. Văn bản xác nhận đăng ký thay đổi giao dịch ngoại hối liên quan đến hoạt động đầu tư ra nước ngoài có hiệu lực kể từ ngày ký và tự động hết hiệu lực theo quy định tại Điều 23 Thông tư này.

Ngân hàng Nhà nước Khu vực thông báo để {Tên nhà đầu tư} biết và thực hiện.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Bộ Tài chính;
- Cục QLNH;
- Ngân hàng được phép (để p/h);
- Lưu

GIÁM ĐỐC NGÂN HÀNG NHÀ NƯỚC

CHI NHÁNH KHU VỰC ...

(Ký, đóng dấu, ghi rõ họ tên)

Phụ lục số 10

(Ban hành kèm theo Thông tư số 14/2026/TT-NHNN ngày 10 tháng 6 năm 2026 của
Tổng đốc Ngân hàng nhà nước Việt Nam)

NGÂN HÀNG NHÀ NƯỚC
VIỆT NAM
CHI NHÁNH KHU VỰC...

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: /.....

....., ngày tháng năm

V/v từ chối xác nhận đăng ký giao
dịch ngoại hối lần đầu/ đăng ký thay
đổi giao dịch ngoại hối liên quan đến
hoạt động đầu tư ra nước ngoài

Kính gửi: {Tên nhà đầu tư}

Căn cứ Nghị định số 103/2026/NĐ-CP ngày 31/03/2026 của Chính phủ quy
định về đầu tư ra nước ngoài;

Căn cứ Thông tư số .../2026/TT-NHNN ngày .../.../2026 của Ngân hàng Nhà
nước hướng dẫn về quản lý ngoại hối đối với hoạt động đầu tư ra nước ngoài;

Trả lời đề nghị của..... {Tên nhà đầu tư} tại văn bản Đăng ký giao dịch ngoại
hối lần đầu/văn bản Đăng ký thay đổi giao dịch ngoại hối liên quan đến hoạt động
đầu tư ra nước ngoài số ngày kèm theo hồ sơ liên quan, Ngân hàng Nhà
nước Khu vực ... có ý kiến như sau:

1. Về việc lập và gửi hồ sơ đăng ký giao dịch ngoại hối lần đầu liên quan đến
hoạt động đầu tư ra nước ngoài:

Ngân hàng Nhà nước Khu vực rà soát đối chiếu quy định về các hình thức nộp
hồ sơ tại các văn bản quy phạm pháp luật trong lĩnh vực quản lý ngoại hối đối với
hoạt động đầu tư ra nước ngoài để kiểm tra và nêu rõ lý do từ chối.

2. Về thông tin dự án đầu tư và đăng ký tiền độ chuyển vốn:

Rà soát trên cơ sở căn cứ quy định về thành phần hồ sơ tại Thông tư này; tính
thống nhất thông tin trong hồ sơ, tính hợp lệ của giấy tờ pháp lý, quy định về mở tài
khoản vốn, nội dung chuyển tiền .. để kiểm tra và nêu rõ lý do từ chối.

Ngân hàng Nhà nước Khu vực ... thông báo đề {Tên nhà đầu tư} biết và thực
hiện.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Bộ Tài chính;
- Cục QLNH;
- Ngân hàng được phép (đề p/h);
- Lưu

GIÁM ĐỐC NGÂN HÀNG NHÀ NƯỚC
CHI NHÁNH KHU VỰC
(Ký, đóng dấu, ghi rõ họ tên)

Phụ lục số 11

(Ban hành kèm theo Thông tư số 19/2026/TT-NHNN ngày 10 tháng 6 năm 2026 của
Thống đốc Ngân hàng nhà nước Việt Nam)

NGÂN HÀNG NHÀ NƯỚC
VIỆT NAM

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số:/.....

V/v xác nhận đăng ký giao dịch
ngoại hối lần đầu liên quan đến
hoạt động đầu tư ra nước ngoài

....., ngày tháng năm

Kính gửi: {Tên nhà đầu tư}

Căn cứ Nghị định số 103/2026/NĐ-CP ngày 31/03/2026 của Chính phủ quy
định về đầu tư ra nước ngoài;

Căn cứ Thông tư số .../2026/TT-NHNN ngày .../.../2026 của Ngân hàng Nhà
nước hướng dẫn về quản lý ngoại hối đối với hoạt động đầu tư ra nước ngoài;

Trả lời đề nghị của..... {Tên nhà đầu tư} tại văn bản Đăng ký giao dịch ngoại
hối lần đầu liên quan đến hoạt động đầu tư ra nước ngoài số ngày kèm
theo hồ sơ liên quan, Ngân hàng Nhà nước (Cục Quản lý ngoại hối) có ý kiến
như sau:

1. Thông tin về nhà đầu tư:

- Tên nhà đầu tư:
- Địa chỉ:
- Số điện thoại: Email:

2. Thông tin về dự án đầu tư ở nước ngoài

Theo hồ sơ đăng ký giao dịch ngoại hối, {Tên nhà đầu tư} đăng ký thực hiện:

☐ Dự án thuộc diện cấp Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư ra nước ngoài, mã số:
....., ngày cấp....., cơ quan cấp ...

☐ Dự án không thuộc diện cấp Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư ra nước ngoài,
Mã số khai hồ sơ tự động trên Hệ thống thông tin quốc gia về đầu tư số:.... ..

- Tên Dự án/ Tên Hợp đồng BCC/ Tên tổ chức kinh tế ở nước ngoài [đối với dự
án thành lập tổ chức kinh tế ở nước ngoài]/ Tên đối tác nước ngoài tham gia Dự án
[trường hợp nhà đầu tư đăng ký theo hình thức góp vốn, mua cổ phần, mua phần
vốn góp của tổ chức kinh tế ở nước ngoài]:

- Quốc gia đầu tư:
- Địa điểm thực hiện dự án:
- Giấy phép của nước tiếp nhận đầu tư số Ngày cấp Cơ quan cấp:
.....

- Tổng vốn đầu tư của dự án tại nước ngoài: (ghi rõ số tiền bằng số, bằng chữ và loại đồng tiền vốn đầu tư theo quy định tại khoản 2 Điều 4 Thông tư.....), tương đương đô la Mỹ, tương đương đồng Việt Nam.

- Giá trị góp vốn bằng tiền chuyển ra nước ngoài của nhà đầu tư Việt Nam: (ghi rõ số tiền bằng số, bằng chữ và loại đồng tiền vốn đầu tư), tương đương đô la Mỹ, tương đương đồng Việt Nam.

Trong đó:

(i) Vốn chủ sở hữu: (ghi rõ số tiền bằng số, bằng chữ và loại đồng tiền vốn đầu tư), tương đương đô la Mỹ, tương đương đồng Việt Nam;

(ii) Vốn vay: (ghi rõ số tiền bằng số, bằng chữ và loại đồng tiền vốn đầu tư), tương đương đô la Mỹ, tương đương đồng Việt Nam. (không áp dụng đối với dự án thuộc khoản 4 Điều 18 Nghị định số 103/2026/NĐ-CP)

- Nguồn vốn vay: (không áp dụng đối với dự án thuộc khoản 4 Điều 18 Nghị định số 103/2026/NĐ-CP).

- Số tiền đã chuyển ra nước ngoài trước đầu tư (nếu có): đồng tiền chuyển vốn thực tế (ghi rõ số tiền bằng số và bằng chữ), tương đương đồng tiền vốn đầu tư, tương đương đô la Mỹ.

- Thời gian chuyển:

- Mục đích sử dụng:

- Tài khoản trước đầu tư số: mở tại ngày

3. Nội dung {Tên nhà đầu tư} đăng ký giao dịch ngoại hối liên quan đến hoạt động đầu tư ra nước ngoài với Ngân hàng Nhà nước

- Vốn đầu tư đăng ký chuyển ra nước ngoài bằng tiền: (bằng đồng tiền vốn đầu tư quy định tại khoản 2 Điều 4).

- Tài khoản vốn đầu tư {theo loại đồng tiền} số:, mở tại:, ngày

- Đăng ký tiến độ chuyển vốn đầu tư bằng tiền ra nước ngoài:

STT	Thời gian chuyển vốn dự kiến	Số vốn đầu tư bằng tiền dự kiến chuyển ra nước ngoài
1		
2		
...		
Tổng		

4. Nội dung xác nhận đăng ký giao dịch ngoại hối lần đầu liên quan đến hoạt động đầu tư ra nước ngoài của Ngân hàng Nhà nước cho {Tên nhà đầu tư} như sau:

Xác nhận{Tên nhà đầu tư} đã đăng ký giao dịch ngoại hối lần đầu liên quan đến hoạt động đầu tư ra nước ngoài theo quy định tại Thông tư số .../2026/TT-

NHNN ngày .../.../2026 của Ngân hàng Nhà nước hướng dẫn về quản lý ngoại hối đối với hoạt động đầu tư ra nước ngoài.

- Vốn đầu tư bằng tiền {tên nhà đầu tư} được phép chuyển ra nước ngoài để thực hiện dự án tại.....: (ghi rõ số tiền bằng số, bằng chữ và 01 loại đồng tiền vốn đầu tư).

- Tài khoản vốn đầu tư {theo loại đồng tiền} số:, mở tại:, ngày

- Tiến độ chuyển vốn đầu tư ra nước ngoài bằng đồng tiền vốn đầu tư:

STT	Thời gian chuyển vốn dự kiến	Số vốn đầu tư bằng tiền chuyển ra nước ngoài
1		
2		
...		
Tổng		

5. Khi thực hiện dự án đầu tư ra nước ngoài, {Tên nhà đầu tư} phải chấp hành đúng các quy định của pháp luật về đầu tư ra nước ngoài, các quy định về quản lý ngoại hối của Việt Nam và nước tiếp nhận đầu tư; đồng thời chấp hành nghiêm túc chế độ báo cáo thống kê và thông báo theo quy định tại Thông tư số/2026/TT-NHNN ngày .../.../2026 của Ngân hàng Nhà nước hướng dẫn về quản lý ngoại hối đối với hoạt động đầu tư ra nước ngoài.

6. {Tên nhà đầu tư} tự chịu trách nhiệm trước pháp luật về tính hợp pháp và hiệu quả của số vốn đầu tư đăng ký chuyển ra nước ngoài bằng tiền để thực hiện dự án đầu tư (tên dự án) tại.....(địa điểm, quốc gia). Ngân hàng Nhà nước Việt Nam không chịu bất cứ trách nhiệm pháp lý và tài chính nào ngoài việc xác nhận {Tên nhà đầu tư} đã đăng ký giao dịch ngoại hối liên quan đến hoạt động đầu tư ra nước ngoài theo các nội dung tại điểm 3 của công văn này.

7. {Tên nhà đầu tư} phải chịu trách nhiệm trước pháp luật về tính hợp pháp của số vốn đầu tư chuyển ra nước ngoài bằng tiền cho dự án.....; chịu trách nhiệm trước pháp luật về tính trung thực, chính xác của các hồ sơ, tài liệu cung cấp cho Ngân hàng Nhà nước Việt Nam.

8. Văn bản xác nhận đăng ký giao dịch ngoại hối lần đầu liên quan đến hoạt động đầu tư ra nước ngoài có hiệu lực kể từ ngày ký và tự động hết hiệu lực theo quy định tại Điều 23 Thông tư này.

Ngân hàng Nhà nước Việt Nam thông báo để {Tên nhà đầu tư} biết và thực hiện.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Cơ quan gửi lấy ý kiến (nếu có);
- BTC (Cục ĐTN);
- NHNN Khu vực quản lý NĐT trên địa bàn (để p/h);
- Ngân hàng được phép (để p/h);
- Lưu

TL. THÔNG ĐỐC
CỤC TRƯỞNG CỤC QUẢN LÝ NGOẠI HỐI
(Ký, đóng dấu, ghi rõ họ tên)

Phụ lục số 12

(Ban hành kèm theo Thông tư số 14/2026/TT-NHNN ngày 10 tháng 6.. năm 2026 của
Thống đốc Ngân hàng nhà nước Việt Nam)

**NGÂN HÀNG NHÀ NƯỚC
VIỆT NAM**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: /.....

....., ngày tháng năm

V/v xác nhận đăng ký thay đổi giao
dịch ngoại hối liên quan đến hoạt
động đầu tư ra nước ngoài

Kính gửi: Tên nhà đầu tư

Căn cứ Nghị định số 103/2026/NĐ-CP ngày 31/03/2026 của Chính phủ quy
định về đầu tư ra nước ngoài;

Căn cứ Thông tư số .../2026/TT-NHNN ngày .../.../2026 của Ngân hàng Nhà
nước hướng dẫn về quản lý ngoại hối đối với hoạt động đầu tư ra nước ngoài;

Trả lời đề nghị của {Tên nhà đầu tư} tại văn bản Đăng ký thay đổi
giao dịch ngoại hối liên quan đến hoạt động đầu tư ra nước ngoài số ngày
..... kèm theo hồ sơ liên quan, Ngân hàng Nhà nước Việt Nam (Cục Quản lý ngoại
hối) có ý kiến như sau:

1. Xác nhận {Tên nhà đầu tư} đã đăng ký thay đổi giao dịch ngoại hối liên quan
đến hoạt động đầu tư ra nước ngoài tại Ngân hàng Nhà nước theo quy định tại
Thông tư số .../2026/TT-NHNN ngày .../.../2026 của Ngân hàng Nhà nước hướng
dẫn về quản lý ngoại hối đối với hoạt động đầu tư ra nước ngoài.

Loại dự án:

☐ Dự án thuộc diện cấp Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư ra nước ngoài, mã số:
....., ngày cấp Cơ quan cấp

☐ Dự án không thuộc diện cấp Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư ra nước ngoài,
Mã số khai hồ sơ tự động trên Hệ thống thông tin quốc gia về đầu tư số:.... ..,
Văn bản xác nhận giao dịch ngoại hối lần đầu số ngày Nơi cấp

2. Nội dung đăng ký thay đổi giao dịch ngoại hối liên quan đến hoạt động đầu tư
ra nước ngoài của {Tên nhà đầu tư} với Ngân hàng nhà nước như sau:

2.1. Nội dung đăng ký thay đổi 1:....

Lý do:

2.2. Nội dung đăng ký thay đổi n:....

Lý do:

3. Nội dung Ngân hàng Nhà nước xác nhận đăng ký thay đổi cho {Tên nhà đầu
tư}:

3.1. Nội dung 1:

3.2. Nội dung n:

4. Trường hợp thay đổi ngân hàng được phép nơi mở tài khoản vốn đầu tư (gồm cả thay đổi tài khoản bằng loại ngoại tệ khác) hoặc thay đổi tài khoản vốn đầu tư bằng loại ngoại tệ khác tại cùng 01 ngân hàng được phép: Trong thời hạn 10 ngày làm việc kể từ thời điểm được Ngân hàng Nhà nước Việt Nam xác nhận đăng ký thay đổi giao dịch ngoại hối, nhà đầu tư thực hiện chuyển số dư trên tài khoản vốn đầu tư đã mở (bao gồm chuyển đổi loại ngoại tệ) sang tài khoản vốn đầu tư mới và đóng tài khoản vốn đầu tư đã mở.

5. {Tên nhà đầu tư} tự chịu trách nhiệm trước pháp luật về tính hợp pháp và hiệu quả của số vốn đầu tư đăng ký chuyển ra nước ngoài bằng tiền để thực hiện dự án đầu tư (tên dự án) tại.....(địa điểm, quốc gia). Ngân hàng Nhà nước Việt Nam không chịu bất cứ trách nhiệm pháp lý và tài chính nào ngoài việc xác nhận {Tên nhà đầu tư} đã đăng ký giao dịch ngoại hối liên quan đến hoạt động đầu tư ra nước ngoài theo các nội dung tại điểm 3 của công văn này.

6. {Tên nhà đầu tư} phải chịu trách nhiệm trước pháp luật về tính hợp pháp của số vốn đầu tư chuyển ra nước ngoài bằng tiền cho dự án.....; chịu trách nhiệm trước pháp luật về tính trung thực, chính xác của các hồ sơ, tài liệu cung cấp cho Ngân hàng Nhà nước Việt Nam.

7. Văn bản này là một bộ phận không tách rời của văn bản xác nhận đăng ký giao dịch ngoại hối lần đầu liên quan đến hoạt động đầu tư ra nước ngoài của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam.....số ngày và văn bản xác nhận đăng ký thay đổi giao dịch ngoại hối liên quan đến hoạt động đầu tư ra nước ngoài của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam..... số ngày(nếu có).

8. Văn bản xác nhận đăng ký thay đổi giao dịch ngoại hối liên quan đến hoạt động đầu tư ra nước ngoài có hiệu lực kể từ ngày ký và tự động hết hiệu lực theo quy định tại Điều 23 Thông tư này.

Ngân hàng Nhà nước Việt Nam thông báo để {Tên nhà đầu tư} biết và thực hiện.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Cơ quan được lấy ý kiến (nếu có);
- BTC (Cục ĐTNN);
- NHNN chi nhánh Khu vực quản lý NĐT trên địa bàn (để p/h);
- Ngân hàng được phép (để p/h);
- Lưu

TL. THỐNG ĐỐC
CỤC TRƯỞNG CỤC QUẢN LÝ NGOẠI HỐI
(Ký, đóng dấu, ghi rõ họ tên)

Phụ lục số 13

(Ban hành kèm theo Thông tư số 34/2026/TT-NHNN ngày 10 tháng 6 năm 2026 của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam)

**NGÂN HÀNG NHÀ NƯỚC
VIỆT NAM**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: /.....

....., ngày tháng năm

V/v từ chối đăng ký giao dịch ngoại hối
lần đầu/ đăng ký thay đổi giao
dịch ngoại hối liên quan đến hoạt động
đầu tư ra nước ngoài

Kính gửi: {Tên nhà đầu tư}

Căn cứ Nghị định số 103/2026/NĐ-CP ngày 31/03/2026 quy định về đầu tư ra nước ngoài;

Căn cứ Thông tư số .../2026/TT-NHNN ngày .../.../2026 của Ngân hàng Nhà nước hướng dẫn về quản lý ngoại hối đối với hoạt động đầu tư ra nước ngoài;

Trả lời đề nghị của..... {Tên nhà đầu tư} tại văn bản Đăng ký giao dịch ngoại hối lần đầu/ văn bản Đăng ký thay đổi giao dịch ngoại hối liên quan đến hoạt động đầu tư ra nước ngoài số ngày kèm theo hồ sơ liên quan, Ngân hàng Nhà nước Việt Nam (Cục Quản lý ngoại hối) có ý kiến như sau:

1. Về việc lập và gửi hồ sơ đăng ký giao dịch ngoại hối lần đầu liên quan đến hoạt động đầu tư ra nước ngoài:

Rà soát đối chiếu quy định về các hình thức nộp hồ sơ tại các văn bản quy phạm pháp luật trong lĩnh vực quản lý ngoại hối đối với để kiểm tra và nêu rõ lý do từ chối.

2. Về thông tin dự án đầu tư và đăng ký tiến độ chuyển vốn:

Rà soát trên cơ sở căn cứ quy định về thành phần hồ sơ tại Thông tư này; tính thống nhất thông tin trong hồ sơ, tính hợp lệ của giấy tờ pháp lý, quy định về mở tài khoản vốn, nội dung chuyển tiền .. để kiểm tra và nêu rõ lý do từ chối.

Ngân hàng Nhà nước Việt Nam thông báo để {Tên nhà đầu tư} biết và thực hiện.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Cơ quan lấy ý kiến (nếu có);
- NHNN chi nhánh Khu vực quản lý NĐT trên địa bàn (để p/h);
- Ngân hàng được phép (để p/h);
- Lưu

**TL. THỐNG ĐỐC
CỤC TRƯỞNG CỤC QUẢN LÝ NGOẠI HỐI**
(Ký, đóng dấu, ghi rõ họ tên)

**Phụ lục số 14**
(Ban hành kèm theo Thông tư số 24/2026/TT-NHNN ngày 10 tháng 6 năm 2026 của
Thống đốc Ngân hàng nhà nước Việt Nam)

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

THÔNG BÁO

Về việc: Chấm dứt dự án đầu tư ra nước ngoài
(Đối với dự án không thuộc diện cấp Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư ra nước ngoài)

Kính gửi:

- Ngân hàng Nhà nước Việt Nam (Cục Quản lý ngoại hối);
- Ngân hàng Nhà nước Khu vực.....;
- Bộ Tài chính;
- Ngân hàng được phép nơi mở tài khoản vốn đầu tư.

(Các) nhà đầu tư ... (ghi rõ tên nhà đầu tư) thông báo chấm dứt dự án đầu tư theo Mã số khai hồ sơ tự động trên Hệ thống quốc gia về đầu tư số có văn bản xác nhận đăng ký giao dịch ngoại hối lần đầu số ngày, văn bản xác nhận đăng ký thay đổi giao dịch ngoại hối số ... ngày, thay đổi lần (nếu có) như sau:

I. THÔNG TIN NHÀ ĐẦU TƯ

a. Trường hợp nhà đầu tư là cá nhân:

Họ tên:.....

Mã định danh cá nhân:.....

Địa chỉ liên hệ:

Điện thoại:Fax:Email (nếu có):

Tài khoản vốn đầu tư ra nước ngoài số {loại ngoại tệ} mở tại {tên ngân hàng được phép – chi nhánh} ngày

b. Trường hợp nhà đầu tư là tổ chức/doanh nghiệp:

Tên tổ chức/doanh nghiệp:

(Tài liệu về tư cách pháp lý của tổ chức) số:; ngày cấp.....; Cơ quan cấp

Địa chỉ trụ sở:.....

Mã số thuế:

Điện thoại:Fax:Email (nếu có):.....

Tài khoản vốn đầu tư ra nước ngoài số {theo loại đồng tiền} mở tại {tên

ngân hàng được phép – chi nhánh} ngày

II. TÌNH HÌNH CHUYỂN VỐN ĐẦU TƯ RA NƯỚC NGOÀI VÀ CHUYỂN TIỀN VỀ VIỆT NAM CỦA DỰ ÁN QUA TÀI KHOẢN VỐN ĐẦU TƯ

1. Vốn lũy kế đã chuyển ra nước ngoài từ khi bắt đầu triển khai dự án đến thời điểm xin chấm dứt dự án:

Số vốn đầu tư đã chuyển ra nước ngoài bằng tiền: ... (bằng số và bằng chữ, bằng loại đồng tiền thực tế chuyển), tương đương đồng tiền vốn đầu tư, tương đương ... đồng Đôla Mỹ, tương đương VNĐ).

2. Vốn lũy kế đã chuyển về Việt Nam từ khi bắt đầu triển khai dự án đến thời điểm xin chấm dứt dự án: ... (bằng số và bằng chữ, bằng loại đồng tiền thực tế chuyển; tương đương đồng tiền vốn đầu tư, tương đương ... đô la Mỹ, tương đương VNĐ).

3. Lợi nhuận (lỗ/lãi) đã chuyển về Việt Nam: ... (bằng số và bằng chữ, bằng đồng tiền vốn đầu tư, tương đương ... đô la Mỹ, tương đương đồng Việt Nam).

4. Khoản thu hợp pháp khác đã chuyển về Việt Nam (... (liệt kê các khoản thu, nếu có)): ... (bằng số và bằng chữ, bằng đồng tiền vốn đầu tư, tương đương ... đô la Mỹ, tương đương đồng Việt Nam).

5. Lý do chấm dứt dự án đầu tư ra nước ngoài:

III. NHÀ ĐẦU TƯ CAM KẾT

(Các) Nhà đầu tư cam kết chịu trách nhiệm hoàn toàn về tính trung thực và tính chính xác nội dung của các thông tin trên.

..., ngày ... tháng ... năm ...

Tên nhà đầu tư (nhà đầu tư cá nhân/chủ hộ
kinh doanh/người đại diện theo pháp luật
của tổ chức/doanh nghiệp; từng nhà đầu tư
ký, ghi rõ họ tên, chức danh và đóng dấu -
nếu có)



Phụ lục số 15

(Ban hành kèm theo Thông tư số 44/2026/TT-NHNN ngày 10 tháng 4 năm 2026 của Thống đốc Ngân hàng nhà nước Việt Nam)

Tên Ngân hàng được phép:

Địa chỉ

**BÁO CÁO TÌNH HÌNH CHUYỂN TIỀN
LIÊN QUAN ĐẾN HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ RA NƯỚC NGOÀI CỦA NHÀ ĐẦU TƯ**
(Tháng.....năm)

Đơn vị tính: Nghìn USD

Stt	Tên nhà đầu tư	Mã số thuế /CCCD	Mã số dự án	MS khai hồ sơ tự động	Số tiền chuyển ra nước ngoài trước đầu tư (nếu có)	Số tài khoản vốn	Số vốn đầu tư bằng tiền chuyển ra nước ngoài		Số vốn đầu tư bằng tiền chuyển về Việt Nam		Lợi nhuận và các khoản thu hợp pháp khác chuyển về Việt Nam		Ghi chú
							Kỳ báo cáo	Lũy kế	Kỳ báo cáo	Lũy kế	Kỳ báo cáo	Lũy kế	
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)	(14)
1													
...	...												
	Tổng:												

Người lập biểu
(ký tên)
SĐT

..... ngày tháng năm
GIÁM ĐỐC NGÂN HÀNG ĐƯỢC PHÉP
(ký tên, đóng dấu)

Ghi chú:

- Đối tượng áp dụng:** Ngân hàng được phép theo quy định tại Thông tư này.
- Thời gian gửi báo cáo:** Chậm nhất ngày 15 của tháng kế tiếp tháng báo cáo
- Hình thức báo cáo:** Bằng văn bản và phương thức điện tử.
- Tỷ giá quy đổi:** Tỷ giá quy đổi giữa đồng tiền khác và đồng Đô la Mỹ để thực hiện chế độ báo cáo là tỷ giá hạch toán ngoại tệ theo thông báo của Bộ Tài chính (Kho bạc Nhà nước) áp dụng tại thời điểm báo cáo quy định tại khoản 5 Điều 5 Thông tư này.
- Các chỉ tiêu báo cáo tại cột 8, 9, 10, 11, 12, 13:** Quy đổi theo tỷ giá tại thời điểm báo cáo.

9



Phụ lục số 16

(Ban hành kèm theo Thông tư số 44/2026/TT-NHNN ngày 10 tháng 6 năm 2026 của Thống đốc Ngân hàng nhà nước Việt Nam)

Tên Ngân hàng được phép:

SĐT:

BÁO CÁO TÌNH HÌNH THU, CHI TRÊN TÀI KHOẢN VỐN ĐẦU TƯ RA NƯỚC NGOÀI
(tháng năm ...)

Kính gửi: Ngân hàng Nhà nước Việt Nam (Cục Quản lý ngoại hối)
hoặc Ngân hàng Nhà nước Khu vực (nơi NĐT đăng ký giao dịch ngoại hối)

Đơn vị: nghìn USD

STT	Tên chỉ tiêu	Các khoản thu chi bằng ngoại tệ (quy nghìn USD)	Các khoản thu chi bằng VND (quy nghìn USD)
(1)	(2)	(3)	(4)
1	Chi trên tài khoản vốn đầu tư ra nước ngoài (1=1.1+1.2+1.3+1.4 +1.5+1.6+1.7)		
1.1	Chi chuyển tiền trước đầu tư (=1.1.1+1.1.2)		
1.1.1	Phát sinh của chính TCTD báo cáo		
1.1.2	Phát sinh của nhà đầu tư (không bao gồm TCTD báo cáo)		
1.2	Chi chuyển vốn đầu tư ra nước ngoài (=1.2.1+1.2.2)		
1.2.1	Phát sinh của chính TCTD báo cáo		
1.2.2	Phát sinh của nhà đầu tư (không bao gồm TCTD báo cáo)		
1.3	Chi cho vay đối với chính pháp nhân thực hiện dự án đầu tư ở nước ngoài (=1.3.1+1.3.2)		
1.3.1	Phát sinh của chính TCTD báo cáo		
1.3.2	Phát sinh của nhà đầu tư (không bao gồm TCTD báo cáo)		

1.4	Chi thực hiện nghĩa vụ bảo lãnh liên quan đến khoản bảo lãnh của nhà đầu tư cho chính pháp nhân thực hiện dự án đầu tư ở nước ngoài (=1.4.1+1.4.2)		
1.4.1	Phát sinh của chính TCTD báo cáo		
1.4.2	Phát sinh của nhà đầu tư (không bao gồm TCTD báo cáo)		
1.5	Chi bán ngoại tệ cho tổ chức tín dụng được phép (=1.5.1+1.5.2)		
1.5.1	Phát sinh của chính TCTD báo cáo		
1.5.2	Phát sinh của nhà đầu tư (không bao gồm TCTD báo cáo)		
1.6	Chi chuyển khoản vào tài khoản thanh toán bằng ngoại tệ/đồng Việt Nam của nhà đầu tư (=1.6.1+1.6.2)		
1.6.1	Phát sinh của chính TCTD báo cáo		
1.6.2	Phát sinh của nhà đầu tư (không bao gồm TCTD báo cáo)		
1.7	Các giao dịch chi khác liên quan đến hoạt động đầu tư ra nước ngoài (=1.7.1+1.7.2)		
1.7.1	Phát sinh của chính TCTD báo cáo		
1.7.2	Phát sinh của nhà đầu tư (không bao gồm TCTD báo cáo)		
2	Thu trên tài khoản vốn đầu tư ra nước ngoài (=2.1+2.2+2.3+2.4+2.5+2.6+2.7+2.8)		
2.1	Thu từ tài khoản thanh toán bằng ngoại tệ/đồng Việt Nam của nhà đầu tư (=2.1.1+2.1.2)		
2.1.1	Phát sinh của chính TCTD báo cáo		
2.1.2	Phát sinh của nhà đầu tư (không bao gồm TCTD báo cáo)		
2.2	Thu ngoại tệ mua từ TCTD được phép (=2.2.1+2.2.2)		
2.2.1	Phát sinh của chính TCTD báo cáo		
2.2.2	Phát sinh của nhà đầu tư (không bao gồm TCTD báo cáo)		
2.3	Thu hồi nợ từ bên được bảo lãnh liên quan đến các khoản bảo lãnh của nhà đầu tư cho chính pháp nhân thực hiện dự án đầu tư ở nước ngoài (=2.3.1+2.3.2)		
2.3.1	Phát sinh của chính TCTD báo cáo		
2.3.2	Phát sinh của nhà đầu tư (không bao gồm TCTD báo cáo)		
2.4	Thu từ lợi nhuận và các khoản thu hợp pháp từ hoạt động đầu tư chuyển về nước (=2.4.1+2.4.2)		

2.4.1	Phát sinh của chính TCTD báo cáo		
2.4.2	Phát sinh của nhà đầu tư (không bao gồm TCTD báo cáo)		
2.5	Thu từ chuyển nhượng vốn, giảm vốn, thanh lý, hoặc chấm dứt dự án đầu tư ở nước ngoài (=2.5.1+2.5.2)		
2.5.1	Phát sinh của chính TCTD báo cáo		
2.5.2	Phát sinh của nhà đầu tư (không bao gồm TCTD báo cáo)		
2.6	Thu từ trả nợ vay của dự án đầu tư ở nước ngoài (2.6=2.6.1+ 2.6.2)		
2.6.1	Nợ gốc (=2.6.1.1+2.6.1.2)		
2.6.1.1	Phát sinh của chính TCTD báo cáo		
2.6.1.2	Phát sinh của nhà đầu tư (không bao gồm TCTD báo cáo)		
2.6.2	Nợ lãi (=2.6.2.1+2.6.2.2)		
2.6.2.1	Phát sinh của chính TCTD báo cáo		
2.6.2.2	Phát sinh của nhà đầu tư (không bao gồm TCTD báo cáo)		
2.7	Thu ngoại tệ từ việc chuyển đổi ngoại tệ chuyển từ nước ngoài về VN trong trường hợp đồng tiền chuyển về khác với đồng tiền của tài khoản vốn đầu tư (=2.7.1+2.7.2)		
2.7.1	Phát sinh của chính TCTD báo cáo		
2.7.2	Phát sinh của nhà đầu tư (không bao gồm TCTD báo cáo)		
2.8	Các giao dịch thu khác liên quan đến đầu tư ra nước ngoài (=2.8.1+2.8.2)		
2.8.1	Phát sinh của chính TCTD báo cáo		
2.8.2	Phát sinh của nhà đầu tư (không bao gồm TCTD báo cáo)		

Người lập biểu

(Ký, ghi rõ họ tên)
SĐT

Kiểm soát

Ký, ghi rõ họ tên)

**Đại diện hợp pháp Ngân hàng
được phép**

(Ký, ghi rõ họ tên, đóng dấu)

Ghi chú:

- 1. Đối tượng áp dụng:** Ngân hàng được phép theo quy định tại Thông tư này.
- 2. Thời gian báo cáo:** Chậm nhất vào ngày 10 của tháng đầu tiên của quý kế tiếp quý báo cáo
- 3. Hình thức báo cáo:** qua Hệ thống báo cáo thống kê của Ngân hàng Nhà nước cho đến khi Trang điện tử về quản lý ngoại hối liên quan đến hoạt động đầu tư ra nước ngoài của NHNN đi vào hoạt động.
- 4. Tỷ giá quy đổi:** Tỷ giá quy đổi giữa đồng tiền khác và đồng Đô la Mỹ để thực hiện chế độ báo cáo là tỷ giá hạch toán ngoại tệ theo thông báo của Bộ Tài chính (Kho bạc Nhà nước) áp dụng tại thời điểm báo cáo quy định tại khoản 5 Điều 5 Thông tư này.
- 5. Chỉ tiêu 1.1:** Bao gồm chi chuyển tiền ra nước ngoài trước khi được cấp GCNĐKĐTRNN (đối với dự án cấp giấy chứng nhận đăng ký đầu tư ra nước ngoài) và chi chuyển tiền ra nước ngoài trước khi được xác nhận đăng ký giao dịch ngoại hối (đối với dự án không cấp giấy chứng nhận đăng ký đầu tư ra nước ngoài)
- 6. Chỉ tiêu 1.2:** Bao gồm chi chuyển vốn đầu tư ra nước ngoài sau khi được cấp GCNĐKĐTRNN (đối với dự án được cấp) và chi chuyển vốn ra nước ngoài sau khi được xác nhận đăng ký giao dịch ngoại hối (đối với dự án không cấp GCNĐKĐTRNN)
- 7. TCTD:** Tổ chức tín dụng



Phụ lục số 17

(Ban hành kèm theo Thông tư số 34/2026/TT-NHNN ngày 30 tháng 6 năm 2026 của Thống đốc Ngân hàng nhà nước Việt Nam)

Tên Ngân hàng được phép:

Địa chỉ

BÁO CÁO ĐẦU TƯ RA NƯỚC NGOÀI THEO QUỐC GIA

(Tháng.....năm.....)

Đơn vị : Nghìn USD

Stt	Tên quốc gia	Vốn đầu tư chuyển ra nước ngoài		Tổng vốn đầu tư ra nước ngoài	Tổng vốn đầu tư ra nước ngoài Vốn, lợi nhuận và các khoản thu hợp pháp từ hoạt động đầu tư chuyển về Việt Nam				Tổng vốn, lợi nhuận và các khoản thu hợp pháp từ hoạt động đầu tư chuyển về Việt Nam
		Chính TCTD báo cáo	Nhà đầu tư (không bao gồm TCTD) báo cáo		Vốn đầu tư chuyển về Việt Nam		Lợi nhuận và các khoản thu hợp pháp từ hoạt động đầu tư chuyển về Việt Nam		
					Chính TCTD báo cáo	Nhà đầu tư (không bao gồm TCTD) báo cáo	Chính TCTD báo cáo	Nhà đầu tư (không bao gồm TCTD) báo cáo	
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)
1									
2									
...									
n									
	Tổng(=1+...+n)								

Người lập biểu

Kiểm soát

Đại diện hợp pháp Ngân hàng được phép

(Ký, ghi rõ họ tên)
SĐT

Ký, ghi rõ họ tên)

(Ký, ghi rõ họ tên, đóng dấu)

Ghi chú:

1. **Đối tượng áp dụng:** Ngân hàng được phép theo quy định tại Thông tư này.
2. **Thời gian báo cáo:** Chậm nhất vào ngày 10 của tháng đầu tiên của quý kế tiếp quý báo cáo
3. **Hình thức báo cáo:** qua Hệ thống báo cáo thống kê của Ngân hàng Nhà nước cho đến khi Trang điện tử về quản lý ngoại hối liên quan đến hoạt động đầu tư ra nước ngoài của NHNN đi vào hoạt động.
4. **Tỷ giá quy đổi:** Tỷ giá quy đổi giữa đồng tiền khác và đồng Đô la Mỹ để thực hiện chế độ báo cáo là tỷ giá hạch toán ngoại tệ theo thông báo của Bộ Tài chính (Kho bạc Nhà nước) áp dụng tại thời điểm báo cáo quy định tại khoản 5 Điều 5 Thông tư này.
5. **Cột (5):** Bằng cột (3) + (4)
6. **Cột (10):** Bằng cột (6) + (7) + (8) + (9)
7. **TCTD:** Tổ chức tín dụng



Phụ lục số 18

(Ban hành kèm theo Thông tư số 34/2026/TT-NHNN ngày 30 tháng 6 năm 2026 của Thống đốc Ngân hàng nhà nước Việt Nam)

Tên nhà đầu tư:
Số điện thoại:
Mã số thuế:

BÁO CÁO TÌNH HÌNH CHUYỂN VỐN ĐẦU TƯ RA NƯỚC NGOÀI
(Tháng năm)

Đơn vị: Nguyên tệ, USD

STT	Tên dự án đầu tư	Năm cấp phép	Nước tiếp nhận đầu tư	Mã số dự án	Mã số khai hồ sơ tự động	Tổng vốn đầu tư của dự án		Tổng vốn đầu tư được phép chuyển ra nước ngoài bằng tiền theo GCNĐKĐT RNN/VB xác nhận ĐKGDNH				Số tiền đã chuyển ra nước ngoài trước đầu tư (nếu có)	Giá trị góp vốn kỳ báo cáo						Giá trị góp vốn lũy kế						Dự kiến nhu cầu chuyển vốn bằng tiền trong quý tiếp theo		TCTD thực hiện					
						Nguyên tệ	Quy USD	Vốn chủ sở hữu		Vốn vay trong nước	Vốn vay nước ngoài		Bảng tiền		Lợi nhuận thu từ dự án được giữ lại để tái đầu tư	Cho vay đối với pháp nhân thực hiện dự án đầu tư ở nước ngoài	Bảo lãnh đối với pháp nhân thực hiện dự án đầu tư ở nước ngoài	Giá trị góp vốn khác	Bảng tiền		Lợi nhuận được phép giữ lại tái đầu tư	Cho vay đối với pháp nhân thực hiện dự án đầu tư ở nước ngoài	Bảo lãnh đối với pháp nhân thực hiện dự án đầu tư ở nước ngoài	Giá trị góp vốn khác	Nguyên tệ	Quy USD	Tên ngân hàng	Chỉ nhá nh				
								Nguyên tệ	Quy USD				Nguyên tệ	Quy USD					Nguyên tệ	Quy USD									Lợi nhuận được phép giữ lại tái đầu tư	Cho vay đối với pháp nhân thực hiện dự án đầu tư ở nước ngoài	Bảo lãnh đối với pháp nhân thực hiện dự án đầu tư ở nước ngoài	Giá trị góp vốn khác
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)	(14)	(15)	(16)	(17)	(18)	(19)	(20)	(21)	(22)	(23)	(24)	(25)	(26)	(27)	(28)	(29)				
1																																
....																																
Tổng																																

..... ngày tháng năm
NHÀ ĐẦU TƯ

Ghi chú:

1. Đối tượng áp dụng: Nhà đầu tư Việt Nam (cá nhân, tổ chức kinh tế, tổ chức tín dụng...) theo quy định tại Thông tư này.

2. Thời gian gửi báo cáo: chậm nhất vào ngày 05 của tháng đầu tiên của quý tiếp theo quý báo cáo

3. Hình thức báo cáo: Bằng văn bản và phương thức điện tử.

4. Đơn vị nhận báo cáo:

- Đối với dự án thuộc thẩm quyền xác nhận đăng ký giao dịch ngoại hối của Ngân hàng Nhà nước Khu vực, nhà đầu tư gửi báo cáo đến Ngân hàng Nhà nước Khu vực nơi xác nhận đăng ký giao dịch ngoại hối lần gần nhất)

- Đối với dự án thuộc thẩm quyền xác nhận đăng ký giao dịch ngoại hối của Ngân hàng nhà nước, nhà đầu tư gửi báo cáo đến Ngân hàng nhà nước (Cục Quản lý ngoại hối)

5. Tỷ giá quy đổi: Tỷ giá quy đổi giữa đồng tiền khác và đồng Đô la Mỹ để thực hiện chế độ báo cáo là tỷ giá hạch toán ngoại tệ theo thông báo của Bộ Tài chính (Kho bạc Nhà nước) áp dụng tại thời điểm báo cáo quy định tại khoản 5 Điều 5 Thông tư này.

6. Các chỉ tiêu giá trị góp vốn lũy kế quy đổi sang Đô la Mỹ theo tỷ giá tại thời điểm báo cáo.

7. Cột 19. Giá trị góp vốn khác bao gồm: máy móc, hàng hóa, thiết bị, hoán đổi cổ phần, theo quy định tại Điều 6 Nghị định số 103/2026/NĐ-CP.



Phụ lục số 19

(Ban hành kèm theo Thông tư số 34/2026/TT-NHNN ngày 10 tháng 6 năm 2026 của Thống đốc Ngân hàng nhà nước Việt Nam)

Tên nhà đầu tư:
Số điện thoại:
Mã số thuế:

BÁO CÁO TÌNH HÌNH CHUYỂN VỐN, LỢI NHUẬN VÀ CÁC KHOẢN THU HỢP PHÁP VỀ VIỆT NAM
(Tháng năm)

Đơn vị tính: Nguyên tệ, USD

STT	Tên dự án đầu tư	Năm cấp phép	Nước tiếp nhận đầu tư	Mã số dự án	Mã số khai hồ sơ tự động	Lợi nhuận và khoản thu hợp pháp khác chuyển về Việt Nam				Vốn đầu tư chuyển về nước		Ngân hàng được phép thực hiện	
						Kỳ báo cáo		Lũy Kế		Nguyên tệ	Quy USD	Tên ngân hàng	Chi nhánh
						Nguyên tệ	Quy USD	Nguyên tệ	Quy USD				
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)	(14)
1													
....													
Tổng													

..... ngày tháng năm
NHÀ ĐẦU TƯ

Ghi chú:

1. **Đối tượng áp dụng:** Nhà đầu tư Việt Nam (cá nhân, tổ chức kinh tế, tổ chức tín dụng...) theo quy định tại Thông tư này.

2. **Thời gian gửi báo cáo:** chậm nhất vào ngày 05 của tháng đầu tiên của quý tiếp theo quý báo cáo

3. **Hình thức báo cáo:** Bảng văn bản và phương thức điện tử.

4. **Đơn vị nhận báo cáo:**

- Đối với dự án thuộc thẩm quyền xác nhận đăng ký giao dịch ngoại hối của Ngân hàng Nhà nước Khu vực, nhà đầu tư gửi báo cáo đến Ngân hàng Nhà nước Khu vực nơi xác nhận đăng ký giao dịch ngoại hối lần gần nhất)

- Đối với dự án thuộc thẩm quyền xác nhận đăng ký giao dịch ngoại hối của Ngân hàng nhà nước, nhà đầu tư gửi báo cáo gửi Ngân hàng nhà nước (Cục Quản lý ngoại hối)

5. **Tỷ giá quy đổi:** Tỷ giá quy đổi giữa đồng tiền khác và đồng Đô la Mỹ để thực hiện chế độ báo cáo là tỷ giá hạch toán ngoại tệ theo thông báo của Bộ Tài chính (Kho bạc Nhà nước) áp dụng tại thời điểm báo cáo quy định tại khoản 5 Điều 5 Thông tư này.

6. Các chỉ tiêu giá trị lũy kế quy đổi sang Đô la Mỹ theo tỷ giá tại thời điểm báo cáo.

(Handwritten signature)

Phụ lục số 20
(Ban hành kèm theo Thông tư số 54/2026/TT-NHNN ngày 10 tháng 6.. năm 2026 của
Thống đốc Ngân hàng nhà nước Việt Nam)

NGÂN HÀNG NHÀ NƯỚC
VIỆT NAM
CHI NHÁNH KHU VỰC

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

....., ngày.....thángnăm....

Số:/.....

BÁO CÁO

**Tình hình đăng ký giao dịch ngoại hối và chấm dứt dự án đầu tư ra nước ngoài
đối với các dự án không thuộc diện cấp Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư ra
nước ngoài**

(Thángquý năm ...)

Kính gửi: Ngân hàng Nhà nước (Cục Quản lý ngoại hối)

Thực hiện quy định tại điểm c khoản 2 Điều 39 của Nghị định số 103/2026/NĐCP ngày 31 tháng 3 năm 2026 của Chính phủ quy định về đầu tư ra nước ngoài, Ngân hàng Nhà nước Khu vựcbáo cáo về tình hình đăng ký giao dịch ngoại hối và tình hình chấm dứt hoạt động đầu tư ra nước ngoài đối với các dự án không thuộc diện cấp Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư ra nước ngoài như sau:

1. Tình hình cấp đăng ký giao dịch ngoại hối cho các dự án đầu tư ra nước ngoài:

Trong Tháng..../Quý....Năm.... (kỳ báo cáo)... có(số lượng dự án)... dự án đăng ký giao dịch ngoại hối để thực hiện hoạt động đầu tư trực tiếp ra nước ngoài, cụ thể theo bảng sau:

STT	Tên nhà đầu tư	Mã số doanh nghiệp/CCCD	Văn bản xác nhận giao dịch ngoại hối	Địa chỉ trụ sở	Hình thức đầu tư	Mục tiêu hoạt động của dự án	Vốn ĐTRNN	Quốc gia/Vùng lãnh thổ đầu tư
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)
1	...							
2	...							
...								
Tổng								

2. Tình hình chấm dứt hoạt động đầu tư ra nước ngoài của các dự án

Trong Tháng.../Quý.../Năm(kỳ báo cáo)... có(số lượng dự án)... dự án chấm dứt hoạt động đầu tư trực tiếp ra nước ngoài, cụ thể theo bảng sau:

STT	Tên nhà đầu tư	Mã số doanh nghiệp/CCCD	VB xác nhận giao dịch ngoại hối	Địa chỉ trụ sở	Hình thức đầu tư	Mục tiêu hoạt động của dự án	Vốn đã chuyển ra nước ngoài	Quốc gia/Vùng lãnh thổ đầu tư
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)
1	...							
2	...							
...								
Tổng								

Ghi chú: số liệu sử dụng tại cột (8) thu thập theo số liệu báo cáo thống kê do ngân hàng được phép báo cáo.

3. Đề xuất, kiến nghị (nếu có):

GIÁM ĐỐC NGÂN HÀNG NHÀ NƯỚC KHU VỰC

(Ký, ghi rõ họ tên, đóng dấu)

- Đối tượng áp dụng:** Ngân hàng Nhà nước Khu vực
- Thời gian gửi báo cáo:** chậm nhất vào ngày 05 của tháng tiếp theo tháng báo cáo
- Hình thức gửi báo cáo:** phương thức điện tử về địa chỉ hộp thư điện tử baocaodautura@sbv.gov.vn của Ngân hàng Nhà nước dưới định dạng tệp PDF và tệp dữ liệu báo cáo theo mẫu dưới định dạng excel
- Đơn vị nhận báo cáo:** Ngân hàng Nhà nước (Cục Quản lý ngoại hối)
- Vốn ĐTRNN:** Vốn đầu tư ra nước ngoài



Phụ lục số 21

(Ban hành kèm theo Thông tư số 4/2026/TT-NHNN ngày 30 tháng 6 năm 2026 của Thống đốc Ngân hàng nhà nước Việt Nam)

NGÂN HÀNG NHÀ NƯỚC

KHU VỰC

BÁO CÁO TÌNH HÌNH CHUYỂN TIỀN TRƯỚC ĐẦU TƯ VÀ CHUYỂN VỐN, LỢI NHUẬN TỪ NƯỚC NGOÀI VỀ VIỆT NAM
(Quý năm)

Đơn vị tính: Nghìn USD

STT	Nhà đầu tư	Năm cấp phép	Nước tiếp nhận đầu tư	Mã số dự án	Mã số khai hồ sơ tự động	Tổng vốn đầu tư của dự án	Vốn góp của nhà đầu tư theo GCNĐKĐTRNN/VB xác nhận ĐKGDNH		Số tiền đã chuyển ra nước ngoài trước đầu tư (nếu có)	Giá trị góp vốn kỳ báo cáo					Giá trị góp vốn lũy kế					Lợi nhuận và khoản thu hợp pháp khác chuyển về Việt Nam		Vốn đầu tư chuyển về nước		Dự kiến nhu cầu chuyển vốn trong quý tiếp theo		TCTD thực hiện		
							Vốn chủ sở hữu	Vốn vay		Bảng tiền	Lợi nhuận được phép giữ lại tái đầu tư	Cho vay đối với pháp nhân thực hiện dự án đầu tư ở nước ngoài	Bảo lãnh đối với pháp nhân thực hiện dự án đầu tư ở nước ngoài	Giá trị góp vốn khác	Bảng tiền	Lợi nhuận được phép giữ lại tái đầu tư	Cho vay đối với pháp nhân thực hiện dự án đầu tư ở nước ngoài	Bảo lãnh đối với pháp nhân thực hiện dự án đầu tư ở nước ngoài	Giá trị góp vốn khác	Kỳ báo cáo	Lũy Kế	Kỳ báo cáo	Lũy Kế	Bảng tiền	Giá trị góp vốn khác	Tên ngân hàng	Chi nhánh	
								trong nước																				nước ngoài
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)	(14)	(15)	(16)	(17)	(18)	(19)	(20)	(21)	(22)	(23)	(24)	(25)	(26)	(27)	(28)	(29)
1																												
....																												
Tổng																												

..... ngày tháng năm ...

GIÁM ĐỐC NGÂN HÀNG NHÀ NƯỚC KHU VỰC

Ghi chú:

- 1. Đối tượng áp dụng:** Ngân hàng Nhà nước Khu vực
- 2. Thời gian gửi báo cáo:** chậm nhất vào ngày 15 của tháng đầu tiên của quý tiếp theo quý báo cáo
- 3. Hình thức báo cáo:** Phương thức điện tử trên Hệ thống báo cáo thống kê của Ngân hàng Nhà nước cho đến khi Trang điện tử về quản lý ngoại hối liên quan đến hoạt động đầu tư ra nước ngoài của NHNN đi vào hoạt động.
- 4. Đơn vị nhận báo cáo:** Ngân hàng Nhà nước (Cục Quản lý ngoại hối)
- 5. Cột (6):** Mã số khai hồ sơ tự động: là mã số khai hồ sơ tự động trên Hệ thống thông tin quốc gia về đầu tư (đối với dự án không thuộc diện cấp Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư ra nước ngoài)
- 6. Cột (7):** Tổng giá trị vốn đầu tư của dự án theo Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư ra nước ngoài (đối với trường hợp được cấp Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư ra nước ngoài) hoặc Văn bản xác nhận đăng ký giao dịch ngoại hối (đối với trường hợp không cấp Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư ra nước ngoài)
- 7. Cột (11):** Số tiền đã chuyển ra nước ngoài trước khi được cấp Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư ra nước ngoài hoặc Văn bản xác nhận đăng ký giao dịch ngoại hối
- 8. Lưu ý khi báo cáo trên Hệ thống báo cáo thống kê của Ngân hàng Nhà nước:** Tại mẫu biểu 10-NHNN/QLNH (báo cáo tình hình thực hiện chuyển vốn đầu tư ra nước ngoài) trên Hệ thống báo cáo thống kê của Ngân hàng Nhà nước, cột (5) của mẫu biểu 10-NHNN/QLNH tương ứng với cột (7) của mẫu biểu này.



Phụ lục số 22
(Ban hành kèm theo Thông tư số 4/2026/TT-NHNN ngày 10 tháng 6 năm 2026 của
Thống đốc Ngân hàng nhà nước Việt Nam)

NGÂN HÀNG NHÀ NƯỚC
VIỆT NAM
CHI NHÁNH KHU VỰC

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

....., ngàythángnăm....

Số:/.....

BÁO CÁO

**Tình hình chuyển vốn đầu tư ra nước ngoài và chuyển tiền về Việt Nam
của các dự án đầu tư ra nước ngoài**

Năm ...

Kính gửi: Ngân hàng Nhà nước (Cục Quản lý ngoại hối)

Thực hiện quy định tại điểm e khoản 2 Điều 39 của Nghị định số 103/2026/NĐCP ngày 31 tháng 3 năm 2026 của Chính phủ quy định về đầu tư ra nước ngoài, Ngân hàng Nhà nước Khu vựcbáo cáo về tình hình đăng ký giao dịch ngoại hối và chuyển vốn đầu tư ra nước ngoài bằng tiền đối với các dự án không thuộc diện cấp Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư ra nước ngoài như sau:

1. Tình hình chuyển vốn từ Việt Nam ra nước ngoài

Trong Năm ..(kỳ báo cáo)... có(số lượng dự án)... dự án chuyển vốn đầu tư ra nước ngoài để thực hiện hoạt động đầu tư trực tiếp ra nước ngoài với tổng vốn đã chuyển ra nước ngoài làĐô la Mỹ, cụ thể theo bảng sau:

STT	Tên nhà đầu tư	Mã số doanh nghiệp/CCCD	Mã số GCNĐT/ VB xác nhận ĐKGDNH	Địa chỉ trụ sở	Hình thức đầu tư	Mục tiêu hoạt động của dự án	Vốn chuyển ra nước ngoài (USD)	Quốc gia/Vùng lãnh thổ đầu tư
1	2	3	4	5	6	7	8	9
1	...							
2	...							
...								
Tổng								

2. Tình hình chuyển tiền từ nước ngoài về Việt Nam

Trong Năm(kỳ báo cáo)... có(số lượng dự án)... dự án chuyển tiền về Việt Nam với tổng số tiền chuyển về Việt Nam làĐô la Mỹ, cụ thể theo bảng sau:

STT	Tên nhà đầu tư	Mã số doanh nghiệp/ CCCD	Mã số GCNĐT/ VB ĐKGDNH	Địa chỉ trụ sở	Hình thức đầu tư	Mục tiêu hoạt động của dự án	Tiền chuyển về Việt Nam (USD)	Quốc gia/Vùng lãnh thổ đầu tư
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)
1	...							
2	...							
...								
Tổng								

Ghi chú: số liệu sử dụng tại cột (8) thu thập theo số liệu báo cáo thống kê do ngân hàng được phép báo cáo.

3. Đề xuất, kiến nghị (nếu có):

..., ngày tháng...năm

GIÁM ĐỐC NGÂN HÀNG NHÀ NƯỚC KHU VỰC

(Ký, ghi rõ họ tên, đóng dấu)

1. Đối tượng áp dụng: Ngân hàng Nhà nước Khu vực

2. Thời gian gửi báo cáo: chậm nhất vào ngày 15 tháng 02 của năm tiếp theo năm báo cáo.

3. Hình thức gửi báo cáo: Theo phương thức điện tử về địa chỉ hộp thư baocaodautura@sbv.gov.vn của Ngân hàng nhà nước dưới định dạng tệp PDF và tệp dữ liệu báo cáo theo mẫu dưới định dạng excel.

4. Đơn vị nhận báo cáo: Ngân hàng Nhà nước (Cục Quản lý ngoại hối)

- Cột (4): Báo cáo chung cho các dự án thuộc diện và không thuộc diện cấp Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư ra nước ngoài

- VB ĐKGDNH: Văn bản xác nhận đăng ký giao dịch ngoại hối.